

LOẠI SÁCH
DANH NHÂN
VIỆT - NAM

Những vi sao Đất nước



(TẬP BỐN)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

VĂN LANG — NGUYỄN ANH

NHỮNG VÌ SAO ĐẤT NƯỚC

(Truyện danh nhân lịch sử Việt Nam)

thuongmaitruongxua.vn Tập IV

NHA XUẤT BẢN THANH NIÊN

PHÙNG HUNG

I

thuongmaitrangqua.vn

Tiếng xôn xao của gia nhân từ ngoài xa vọng vào gian đại sảnh đang còn tranh tối tranh sáng, đúng lúc Phùng Hưng bắt đầu uống tuần trà *qua lộ* buổi sớm. Thứ chè Giao Châu này rất được người hào trưởng đất Đường Lâm⁽¹⁾ ưa thích, bởi cái vị đắng chát rất gắt của nó vậy mà khiến được người lắm công nhiều việc cứ mỗi ngum trà lại thấy thêm sáng óc tỉnh tâm⁽²⁾. Mà điều bận lòng của người hào trưởng bây giờ thì quả là nhiều vô kể. Phùng Hưng còn đang gỡ mãi chưa xong mối lo thuế má phải nộp cho Phủ đô hộ⁽³⁾ bởi cái lệnh kỳ quái

(1) Nay vẫn là vùng xã Đường Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

(2) Sách *Trà Kinh* của Lục Vũ đời Đường viết: « Qua lộ ở phương Nam cũng tựa như chè mà nhị đắng. Người ta lấy pha nước uống thì suốt đêm không ngủ được. Giao Châu và Quảng Châu rất quý chè ấy ».

(3) Cơ quan thống trị cả nước ta thời kỳ phong kiến nhà Đường xâm lược (thế kỷ VII — IX)

của vua nhà Đường vừa bắt chuyển tất cả số thu tô, điệu, hộ⁽¹⁾ của đất này thành tơ sợi để đưa về kinh đô Trường An cho triều đình Bắc phương tiện dụng, thì lại mới nhận tiếp được lệnh phải nộp thêm cống phẩm bằng đặc sản trong miền là thứ tơ tằm tám lứa⁽²⁾! Bọn thống trị ngoại bang muốn gì mà lại cứ lấy mãi chuyện tằm tơ để làm khổ dân đất tơ tằm này?

Nỗi phiền muộn mà Phùng Hưng những mong lấy chén trà sớm làm khuây, bây giờ lại bị những tiếng xôn xao khuấy động. Người hào trưởng Đường Lâm vừa đặt chén trà, trừng mắt nhìn ra cửa thì đã thấy mấy kẻ gia nhân cùng hấp tấp chạy vào:

— Thưa quan lang⁽³⁾, đêm qua chúa rừng lại về cống mất con hươu sao ở ngoài trại hươu rồi!

Cơn giận của người hào trưởng Đường Lâm lập tức bùng ra. Con nghiệt súc này thật đã quá đổi lộng hành, chẳng khác gì lũ giặc đô hộ! Mấy hôm trước, tin cộp dữ từ rừng về làng bắt lợn, giết trâu đã đến tại Phùng Hưng. Nhưng chưa tính được chuyện đổi phở thì nó đã lần đến tận cơ ngơi của viên quan lang mà thách thức! Suýt làm đổ khay trà, Phùng Hưng chồm dậy, bước vội ra ngoài, đi như chạy đến khu trại hươu.

Đàn hươu nuôi lấy lộc, nép cả vào nhau bên hàng rào cao ở chân đồi, mở to những cặp mắt hiền lành còn

(1) Các hình thức thuế phú đời Đường, đánh vào ruộng đất, nghề thủ công và tài sản gia đình.

(2) Sách *Nguyên hòa quận huyện chí* chép: đất Phong Châu (trong đó có Đường Lâm), đời Khai Nguyên (năm 713 — 741) phải cống loại tơ tằm tám lứa kén mỗi năm.

(3) Sách *Việt điện u linh* chép: “Phùng Hưng đời đời cha truyền con nối đứng đầu đất Đường Lâm gọi là quan lang”.

Đây là danh xưng Việt cổ mà người Mường gần đây vẫn còn dùng.

nguyên vẻ khiếp sợ, nhìn người chủ của chúng đang vượt con dốc sau nhà, xăm xăm bước tới. Khu đất nuôi hươu này do chính tay quan lang Phùng Hạp Khanh — cha của Phùng Hưng — gây dựng nên, truyền đến đời người chủ hiện nay của đất Đường Lâm thì đã trở thành một trại hươu bề thế, cùng với các trại gấu, trại khỉ, trại rắn, trại rùa... làm nên vẻ thịnh vượng và tiếng tăm cho đất Đường Lâm⁽⁴⁾.

Hào trưởng Đường Lâm chau mày căn môi nhìn vạt rào đồ gầy và những vết chân cộp to như chiếc bát hấn sâu trên mặt đất. Con thú rừng này ắt phải lớn kinh khủng! Phùng Hưng nhướn mắt dõi theo những giọt máu thấm màu vương dài theo dấu cộp. Đột nhiên, khoát tay cho lũ gia nhân ngơ ngác dừng lại, Phùng Hưng nghiêng rặng treo treo, khom người lần theo con đường cướp mỗi mang đi của chúa rừng. Những vết chân cộp và từng giọt máu hươu cứ thế dẫn hào trưởng Đường Lâm ngoằn ngoèo lượn theo những vạt đồi tranh mệnh mỏng hoang dại, lên cao xuống thấp, rồi mất hút vào dãy rừng đại ngàn phía Tây.

Lầm lũi trở về gian đại sảnh giữa làng, cả ngày hôm ấy, Phùng Hưng có dáng dăm chiêu suy nghĩ. Còn đang canh cánh việc tác yêu tác quái của lũ quan quân đô hộ nhà Đường thì lại thêm nạn cộp dữ! Nhưng không thể để yên cho chúa rừng hoành hành được! Mà biết đâu, trừ được nạn cộp lại chẳng phải là diễm trừ được nạn giặc? Phùng Hưng loay hoay xoay tấc lưng rộng bè như cánh phan trên chiếc kỷ. Con đường mòn dẫn cộp từ rừng về làng với những dấu chân tròn to như

(4) Tấm bia cổ đình Quảng Bá (ngoại thành Hà Nội) chép sự tích Phùng Hưng có ghi: Phùng Hạp Khanh, cha của Phùng Hưng, nuôi đến vài nghìn thú lạ trong nhà.

chiếc bát và những giọt máu thấm màu cũ ám ảnh mãi trong đầu. Chấm tay vào khay nước, vô tình, Phùng Hưng ngoằn ngoèo đưa ngón tay vẽ đi vẽ lại vết đường từ rừng về trại thú, cho đến khi chợt ngược lên nhìn ra vườn, thấy đập vào mắt mình hình một thẳng bù nhìn rơm đang lắc lư đuổi chim bên luống đỗ. Sáng bừng cặp mắt, Phùng Hưng chấm vội ngón tay vào chỗ ngoặt của con đường mòn vòng quanh một tảng đá gốc, mọc xù xì giữa vạt đồi tranh, vẽ trên mặt kỷ. Thế là, chiều hôm ấy, gia nhân được lệnh bện gấp một thẳng bù nhìn rơm to bằng người thật, đem vào cửa rừng, đặt ngay cạnh tảng đá ở khúc đường ngoặt ấy. Và một mặt, rào lấp thật kỹ các trại thú cùng các chuồng gia súc trong làng.

Đêm hôm ấy, cả vùng Đường Lâm đều nghe tiếng hồ gầm dữ dội ở cửa rừng. Và đến sáng ngày, khi Phùng Hưng dẫn gia nhân vượt mấy con dốc xa, ra đến chỗ ngoặt của lối đường mòn, thì đã thấy bù nhìn bị cắn xé tan tành. Rơm rạ tung tóe một vùng cùng với những dấu chân cọp quần thảo. Chúa rừng quen đường về trại hươu, thấy bóng người ở giữa lối, đã chồm lên vồ xé thật dữ dội rồi chuồn mất!

Thoáng một vẻ đặc ý, Phùng Hưng hạ lệnh cho gia nhân làm tiếp một thẳng bù nhìn rơm nữa, đặt đứng vào chỗ cũ. Thế là đêm ấy và cả mấy đêm sau nữa, bù nhìn rơm đều bị hồ dữ xé nát. Cho đến một sáng, gia nhân chạy về báo tin: cọp dữ không chạm đến bù nhìn nữa, và quanh trại hươu thì thấy đầy dấu cọp lượn vòng rình mò, nhưng may sao, chưa mất thêm con hươu nào! Phùng Hưng lại thoáng một vẻ đặc ý, truyền cho bện thêm một chiếc chùy giả, đặt vào tay thẳng bù nhìn, rồi hồi hộp chờ. Đêm ấy, chúa rừng lại về quần thảo quanh trại hươu mà bù nhìn rơm cầm chùy vẫn

nguyên vẹn! Cọp dữ đã rất háu đói, quên đứt mất hình người vẫn đứng vô hại trên lối mòn dẫn đến chỗ những con mồi ngon lành, mấy hôm liền đã khiếp nhọc đến dờ dẩn trước tai và khùng khiếp đêm đêm vẫn đến lượn quanh hàng rào...

Chiều hôm đó, bầy gia nhân kinh ngạc thấy người hào trưởng Đường Lâm lặng lẽ lấy ra cây chùy đồng khổng lồ của cha mình, từ mấy chục năm nay vẫn cất kỹ trong rương. Đây là cây chùy đã cùng Phùng Hạp Khanh đi theo Mai Hắc Đế dấy nghĩa năm Khai Nguyên⁽¹⁾. Người hào trưởng Đường Lâm làm lễ cúng tổ tiên, khấn vái anh linh cha mình rất lâu⁽²⁾. Đám gia nhân càng kinh ngạc hơn nữa, khi thấy sau đấy, vào lúc trời chạng vạng, Phùng Hưng mình trần trụi trọc, vớt bùn ao trát kín người, rồi vươn mình, xách cây chùy nặng, xua mọi người trở về, lẳng lặng đi thẳng về phía ngàn Tây.

Đã biết tiếng vị quan lang nghiêm nghị nên không một ai dám ngăn hỏi. Nhưng ai cũng biết là Phùng Hưng một mình đi đánh cọp. Rất nhanh, tin tức bay ngay đi khắp trong miền. Và đêm ấy, cả vùng Đường Lâm không ai dám chợp mắt.

★
★★

(1) Năm 722. Xin xem *Những vì sao đất nước*, tập III, truyện *Mai Thúc Loan*.

(2) Văn bia đình Quảng Bá chép: Cha Phùng Hưng là Phùng Hạp Khanh đã đi theo Mai Thúc Loan đánh lại nhà Đường cho đến khi cuộc khởi nghĩa thất bại mới trở về Đường Lâm.

Tất cả những trái tim đều bỗng giật thót lên khi nghe một tiếng gầm khiếp đảm của chúa rừng từ xa vọng về. Sau đấy là một lúc yên lặng như tờ. Rồi tiếng hồ lại rống lên dữ dội.

Thế là, không ai bảo ai, từ những gian nhà rải rác khắp làng, tiếng hú hét ầm ỹ nối nhau truyền đi. Rồi những bó đuốc bật sáng rùng rùng túa ra đầu làng. Người Đường Lâm, vừa hò la, vừa đốt lửa, kéo nhau rầm rập chạy đến chỗ có tiếng hồ gầm.

Ánh đuốc lửa đỏ bập bùng dừng cả lại, soi mờ tỏ một vạt cỏ gianh nát như bên con đường mòn dẫn từ rừng về làng. Chúa sơn lâm, soãi chân nằm quì ở đấy, lù lù như một con bò mộng đã hết thở. Và trên tảng đá xù xì, Phùng Hưng trần trụi trơ trọi, chống cây chùy khổng lồ, ngồi yên lặng như tượng đồng.

— *Bố Cái ơi* ⁽¹⁾ May mắn quá chừng!

Những tiếng kêu thảng thốt bật lên. Dân chúng đã hiểu rõ chuyện: Người hào trưởng của họ vừa tự tay giết chết cọp dữ bằng cách dẫm bùn cho nhật hết hơi người, đứng thay vào chỗ con bù nhìn rơm mà chúa rừng đã quen coi thường, bất ngờ đón đường đi qua của cọp dữ để giáng cho nó những quả chùy sấm sét! ⁽²⁾ Những tiếng reo hò mừng rỡ dậy cả một vùng bãi vắng trong đêm khuya. Lập tức, Phùng Hưng được mọi người rầm rộ rước về làng, cùng với thân xác công kênh của chúa rừng đã bị hạ thủ.

(1) Tiếng Việt cổ. *Bố*: cha. *Cái*: mẹ.

(2) Sách *Việt điện u linh*, viết năm 1329, ghi văn tắt: Phùng Hưng « sức rất khỏe mạnh, có thể bắt hổ vật trâu ». Tấm bia cổ ở chính ngay Đường Lâm, dựng năm 1390, mô tả cụ thể hơn về tài giết cọp của Phùng Hưng. Đoạn này viết theo sự tích giết cọp mô tả trong tấm bia ấy, cùng với truyền thuyết dân gian.

Tin vui từ đấy đồn xa mãi. Người khắp nơi không ngớt kéo tới xem thầy chúa rừng và trăm trò chực tung người anh hùng đánh cọp. Cho đến hôm có một người khách mảnh mai nhỏ nhắn, khăn áo còn phủ đầy bụi đường trường, mệt mỏi mà vẫn lạnh lợi, từ ngoài ngõ bước thoăn thoắt vào sảnh đường.

— *Đỗ Anh Hàn tiên sinh!* — Phùng Hưng vừa nhận ra khách đã hồ hởi reo to — *Lâu nay tiên sinh ngao du tận những đâu mà hình bóng vắng bật trong làng?* ⁽¹⁾

— *Xin chúc mừng quan lang vừa trừ được cọp dữ!* — *Đỗ Anh Hàn* vui vẻ đáp lời Phùng Hưng và ghé tai hạ giọng tiếp ngay — *Tôi có tin mới ở Phủ đô hộ mang về cho quan lang đây!*

Phùng Hưng đổi nét mặt, nắm tay *Đỗ Anh Hàn*, kéo đến bên bàn trà. Và cuộc chuyện trò kín đáo diễn ra ngay giữa những chén *qua lộ* đắng chát.

— *Núi sông chìm đắm, tôi đã đi đủ miền đất nước mà đâu đâu cũng thấy tiếng than vãn vì nổi giặc ngoài lẫn lụt!* — *Đỗ Anh Hàn* nheo cặp mắt tinh nhanh, trầm giọng mở đầu câu chuyện — *Lũ quan quân đô hộ càng già tay vợ vét, càng khiến lòng người căm giận. Mà bề ngoài thì giặc có vẻ hùng hổ như thế, nhưng bên trong thì lòng dạ cũng đã thấy run. Kinh lược sứ* ⁽²⁾ *Trương Bá Nghi* đang ráo riết vét gỗ bắt phu xây đắp lại tòa phủ thành *Tống Bình* ⁽³⁾. Việc thổ mộc xem ra qui mô rất

(1) Văn bia và sử cũ chép: *Đỗ Anh Hàn* là người cùng quê với Phùng Hưng, nổi tiếng mưu lược. Sách *Tân Đường thư* chép: *Đỗ Anh Hàn* là « tù trưởng của dân An Nam ».

(2) Chức quan cai quản toàn nước ta trong thời kỳ bị phong kiến nhà Đường thống trị.

(3) Phủ thành *Tống Bình*, trung tâm thống trị nước ta thời thuộc nhà Đường, dựng ở Hà Nội. Năm 767, *Trương Bá Nghi* đắp thêm tường lũy bao quanh gọi là « *La Thành* ».

lớn, nên việc nhiều dân cũng vô kể ⁽¹⁾. Chẳng phải đây là dấu hiệu lo sợ bị đánh úp đó sao?

Người hào trưởng Đường Lâm yên lặng lắng nghe lời kể thầm thì của Đỗ Anh Hàn và nhận ra ngay cái ý sâu kín của con người nổi tiếng trí lự trong miền. « Đỗ Anh Hàn muốn nhắc nhở, thúc giục ta! Chí hướng của ta hẳn là người đã rõ. Bấy lâu nay theo ý cha ta, ra sức gây dựng miền đất này, nén chịu sự thúc bách của bọn đồ hộ, ta đâu có lúc nào nhãng việc tìm lựa thời cơ... Phải chăng thời cơ bây giờ đã đến? »

Thấy Phùng Hưng nin lặng nhưng cặp mắt thì đảo lộn, long lanh, Đỗ Anh Hàn sôi nổi tiếp ngay:

— Nghe tin quan lang khỗ công tìm ra kế lạ để tự tay giết được cọp dữ, trừ hại cho dân, đâu đâu cũng lấy làm khâm phục. Tôi đi khắp chốn đều thấy dấu hiệu lòng người hướng về quan lang mà trông đợi. Người ta ai cũng muốn quan lang làm sao trừ luôn được nốt cho dân cái nạn cọp dữ mặt người đang tàn hại sinh linh đất nước kia!

« Thật là khéo lời! Mà cũng hiểu đúng ý ta muốn lấy việc tự tay giết cọp để gây thêm thanh thế » — Phùng Hưng nhìn Đỗ Anh Hàn, xúc động nghĩ nhanh — « Con người này xứng tài quân sư một khi ta xướng lên việc nghĩa! »

Và để thay lời đáp, Phùng Hưng tin cần đặt bàn tay to bè của mình lên bàn tay thon nhỏ của Đỗ Anh Hàn, nắm chặt.

(1) Sách *Tân Đường thư* chép: « Hạ lệnh làm lũy gỗ. Tiền suất người dân đóng hàng năm đã không đúng hạn nộp đủ mà việc trách đòi ngày càng gấp »

II

Từng đoàn người tị nạn bế bổng dắt diu nhau từ các làng Giao Châu⁽¹⁾ chạy lên Phong Châu, ghé qua hoặc xin trú chân lại ở Đường Lâm. Những vẻ mặt đã u ám, võ vàng vì lo thuế, lo ăn, bây giờ lại nhơn nhác, xác xơ vì nỗi sợ giặc biển. Các cụ già run tay hơn trên ngọn lửa củi rừng, đảo mắt nhìn quanh rồi mới dám nói đến những cái tên kinh hoàng: giặc Chà Và, Côn Luân!⁽²⁾

Giống người khác lạ này đâu ở mãi xa ngoài biển khơi. Da đen như đồng hun, tóc quăn như râu ngô, chúng ùn ùn cưỡi những chiếc thuyền buồm khổng lồ ập vào đất liền như những cơn bão lốc. Bọn quan quân đồ hộ nhà Đường ngày thường hùng hổ bao nhiêu, thì bây giờ lại khiếp nhược bấy nhiêu. Quân nào tướng ấy, hớp tập hải hùng rúc cả vào trong các thành lũy cố thủ, để mặc cho dân chúng các làng đồng bằng, ven biển rơi vào cảnh tai ương chết chóc. Tang tóc loang ra trên các làng Giao Châu, mà rồi phủ thành Tống Bình cũng không tránh khỏi bị vây hãm. Quân Chà Và, Côn Luân tập hợp đội ngũ, tiến đánh Tống Bình dữ dội đến mức Kinh lược sứ Trương Bá Nghi phải cuống cuống viết thư cầu cứu Hiệu úy châu Vũ Định⁽³⁾ Cao Chính Bình mau mau đem quân về tiếp viện. Từ mạn trên, có tin Cao Chính Bình sắp đưa quân Đường về cùng Chà Và,

(1) Tên gọi miền đồng bằng Bắc Bộ ở thời nhà Đường thống trị.

(2) Tiếng cổ, chỉ các miền hải đảo và bán đảo ngoài biển Nam: Gia Va, Mã Lai.

(3) Chức quan võ cai trị trên miền Tây Bắc.

Còn Luân kịch chiến ở đồng bằng Giao Châu. Tai họa chém giết giữa các bọn giặc cướp còn chưa biết đâu mà lường hết được!

Vừa nghe tin náo loạn ấy, hào trưởng Đường Lâm đã vội cho vội ngay Đỗ Anh Hàn. Thì cũng vừa đúng lúc con người đa mưu túc trí ấy đang trên đường tìm đến tòa sảnh đường của Phùng Hưng.

Trên vách sảnh đường, bộ da vằn vèo của chúa rừng bị hạ bửa trước căng rộng bốn chân, chúc đầu xuống đất. Đỗ Anh Hàn lảng lảng nhìn ngắm con thú hồi lâu rồi nhếch mép cười với Phùng Hưng:

— Lũ cạp dũ mặt người bây giờ cũng đang ở cái thế chúc đầu vương chân như thế này rồi đấy. Không nhân lúc này mà khởi sự thì còn chờ lúc nào nữa?

— Quân sư nói rất hợp ý ta!

Lần đầu tiên, Phùng Hưng xưng hô với Đỗ Anh Hàn theo cách ấy⁽¹⁾. Và họ Đỗ hiểu rằng đó là một lời chính thức tặng phong cho mình. Cảm kích, Đỗ Anh Hàn vòng tay nói với Phùng Hưng:

— Dấy nghĩa không thể không có quân đội. Gia nhân và trai tráng trong làng, xin hãy cho hợp lại làm cái vốn đầu tiên. Sau đấy, việc chiêu mộ quân sĩ sẽ trông vào việc huy động dân binh trong các làng chạ quanh miền. Muốn thế, phải trước hết có người đứng đầu quân ngũ. Xin quan lang từ nay nhận cho chức Đô quân⁽²⁾.

Lá cờ nghĩa lập tức được kéo lên trên tòa sảnh đường. Tung bay cùng bóng cờ là những âm thanh ầm

(1) Văn bia đình Quảng Bá viết: Đỗ Anh Hàn là người được Phùng Hưng coi như bậc thầy trong quân.

(2) Sách *Việt điện u linh* chép: «Đời Đường Đại lịch (năm 767), nhân nước có loạn... Phùng Hưng xưng là Đô quân»,

vang của chiếc trống đồng khổng lồ — báu vật truyền đời của dòng họ Phùng ở Đường Lâm⁽¹⁾ mà sau cuộc ừng nghĩa không thành của Phùng Hạp Khanh, đã phải bí mật đem chôn giấu để tránh giặc đến cướp. Chính báu vật ấy, bây giờ lại vừa được Đô quân Phùng Hưng cho lệnh đào lên, để nổi lại những hồi trống dấy binh hào hùng của cha ông⁽²⁾. Đám gia nhân đông đúc của hào trưởng Đường Lâm bấy lâu nay đã được lệnh của vị quan lang tài trí, bí mật luyện rèn võ nghệ, bây giờ nhanh chóng tập hợp thành đội ngũ. Làng Đường Lâm, cũng như trăm ngàn làng chạ người Việt khác, từ cổ vẫn có lực lượng dân binh kén lựa trong số tráng đinh của làng. Quan quân nhà Đường, từng coi việc ấy như cái gai trước mắt, rắp tâm nhổ đi cho bằng được. Nhưng, không thể bỏ cỗ lệ, lấy cớ giữ mình để chống cự trộm cướp, các làng xã vẫn cứ tìm mọi cách duy trì lực lượng dân binh của mình. Và bây giờ thì những tay gậy gộc cùng nổ ấy, thấy nổi lên hiệu cờ và tiếng trống của người Đô quân mà họ vẫn hằng ngưỡng mộ, lập tức vồn vục tụ hội về Đường Lâm như mây trời trước bão lớn.

Khắp các triền đồi ven Đường Lâm, sóng người và rừng binh khí nhấp nhô, cuộn cuộn. Tiếng hò reo từng đợt từng đợt rộ lên, như muốn nâng bổng cả vòm trời đầy mây chỉ đang là là sà thấp trên đồi gò đồng bãi. Đi khắp một lượt quân ngũ đủ miền, nhìn tận mắt bắt tận tay những chiến binh tinh nhuệ, sục sôi, trung dũng, Phùng

(1) Sách *Cựu Đường thư* viết: Nhà quyền thế ở Lĩnh Nam ít có trống đồng, chiếc lớn, rộng hơn 1 trượng.

(2) Sách *Tùy thư* (ở thế kỷ 7) viết: Dân Việt cổ, khi bắt đầu chiến tranh thì nổi hiệu trống đồng, người lập tức kéo đến như mây.

Hưng bừng bừng hào khí, giật phăng tấm áo khoác rộng, vươn tấm thân đồ sộ, bước lên nền đất đắp cao giữa các hàng quân đang trải kín xung quanh.

Tiếng reo hò cùng tiếng trống chiêng lại dậy lên đến vỡ trời, như để bù lại cho chuỗi ngày phải sống ngậm miệng nín hơi vừa qua. Những người tụ nghĩa dưới cờ Đồ quân Phùng Hưng hôm nay đều biết rằng khắp miền gần xa — làng chạ, cha mẹ, vợ con họ lúc này đều trông ngóng cả về đây. Có còn thuế má cống nạp nữa không, có còn sách nhiễu nạt nộ nữa không, có còn đói rét lo âu nữa không — bây giờ là do cuộc dấy nghĩa này định đoạt. Chỉ vừa mấy hôm trước, tất cả vẫn đang còn là cảnh triền miên chìm đắm và hồi hộp đợi chờ. Vậy mà giờ đây, cơ man nào là người và vũ khí tụ hội lại, đã dấy lên cả một sức mạnh dõng mãnh lấn biển mà xưa kia ai ai cũng chỉ dám thăm mơ ước. Càng thêm tin phục biết bao ở người Đồ quân tài trí đã khiến cho mơ ước của nhân dân thành được sự thực, bây giờ đang sừng sững đứng cao giữa biển người kia!

Biển người cứ thế mà hò reo cho đến khi giọng nói sang sảng như chuông đồng của Phùng Hưng cất lên. Nhưng những âm thanh sôi động chỉ lắng xuống để lại trào dâng. Bởi vì từ cửa miệng vị hào trưởng Đường Lâm mà bao người trông đợi, lệnh dấy nghĩa chống giặc đã ban ra. Tiếp đấy, đội ngũ tiền hậu tả hữu cũng được chia phân rành rọt, phép tắc động tĩnh tiến lui cũng được định rõ. Và sau cùng, những chèo rệu khao quân cũng đã được phân phát đến từng hàng đội, đề nghị binh và Đồ quân cùng nhau ăn thề: một lòng chung sức đánh giặc đến cùng mà giữ đất, cứu dân!

★
★

Đám nghĩa quân vòng trong vòng ngoài chen lấn nhau mà tròn mắt nhìn, nhìn cả thở. Giữa vòng người, một chàng trai vạm vỡ thấp lùn, bắp thịt nổi lên cuộn cuộn, đang khom người giữ thế để sức hai cánh tay gân guốc xuống chân một tảng đá mọc trời lên trên mặt đồi như một chiếc thạch bàn lì lợm, cục mịch. Tảng đá từ từ lay chuyển rồi đột nhiên, sau một tiếng thét lớn của chàng trai, vụt bốc lên khỏi mặt đất. Vòng người xô nhau chạy dạt cả về phía sau, khi thấy chàng trai lực sĩ đổ bưng khắp mặt mày, mình mẩy, nâng cao tảng đá trên đầu, huỳnh huých bước thẳng về phía trước. Lại một tiếng thét văng trời nữa. Tảng đá khổng lồ từ cánh tay lực sĩ bay xuống sườn đồi rồi ầm ầm lăn tuột xuống vực. Chàng trai hể hả khuỳnh tay, ngẩng mặt, lắc lư bước trở về chỗ đám đông đang nhảy cả lên mà la hét, reo hò.

Phùng Hưng từ nãy cũng nín thở hồi hộp theo dõi cử động của chàng trai, bây giờ vừa cười lớn, vừa bước tới, vỗ mạnh vào tảng vai lực sĩ của người vác đá:

— Giỏi lắm! Em ta mới lớn mà đã sớm có sức khỏe tuyệt trần, xứng đáng từ nay được sử dụng cặp chùy gia bảo của dòng họ Phùng ta!⁽¹⁾

Khuôn mặt trẻ măng, giống như tạc của Phùng Hưng, rang rỡ trước lời khen của người chủ tướng nghĩa quân và cũng là của người anh lớn trong nhà — Phùng Hải vừa toan nói lời cảm tạ thì bỗng nín bật, đổi sắc, chỉ tay về phía ngọn đồi xa ở phía Nam. Một làn khói đen lang quần quai từ đấy bốc lên cao dần. Và từ đấy biểu thẳng ra xa nữa, lại thêm một cột khói mờ mờ cũng đã bay lên từ bao giờ rồi. Có giặc! Hiệu khói từ

(1) Sách Việt điện u linh viết: Phùng Hưng có « em trai tên là Hải, sức khỏe có thể vác được tảng đá nặng nghìn cân ».

các trạm viễn tiêu báo võ cùng một lúc với hiệu trống cấp báo giạt giọng nổi lên ở chòi canh trước quân doanh Đường Lâm.

Vào ngay cuộc họp bàn kế sách chống giặc giữa quân doanh, Phùng Hưng trầm ngâm lắng nghe giọng nói rành rẽ của Đỗ Anh Hàn:

— Cao Chính Bình là một thằng giặc cáo già. Công đầu đánh giặc Chà Và, Côn Luân năm trước là của hắn. Chẳng thế mà hoàng đế nhà Đường đã phong ngay cho hắn chức kinh lược sứ đô hộ đất này thay Trương Bá Nghi. Tên kinh lược sứ này thừa biết Đô quân đã nhân lúc hắn bận tay đối phó với Chà Và, Côn Luân để mà nổi dậy. Nhưng từ bấy nay, đã biết tin ta dấy nghĩa ở đây, mà lại đợi tới giờ mới đem quân đánh, rõ là tên này có bản lĩnh thận trọng. Hắn muốn nghe ngóng, sửa soạn quân mã cho chu đáo...

— Quân sư chớ có quá khen tướng giặc — Giọng nói oang oang nóng nảy của Phùng Hải chợt cắt ngang lời bàn của Đỗ Anh Hàn — Tôi tuy bất tài cũng xin mang chùy đem quân ra phá giặc ngay trước trận đề Đỗ tiên sinh coi! Liệu sức vóc nó có bằng được tảng đá ở ngoài đồi kia không?

— Em ta không được ăn nói bộp chộp — Bàn tay to nặng của Phùng Hưng lần này nghiêm nghị dè lên vai Phùng Hải — Đánh giặc không phải như vác đá. Đỗ quân sư nói phải đó! Tên cáo già Cao Chính Bình lần này thân dẫn quân tới đây, tất đã có chú ý dùng hùng binh để diệt trừ quân ta. Nhưng ta cũng đã có cách không cho nó đắc ý lộng hành...

Kế sách đánh giặc của Phùng Hưng được hoạch định liền ngay đấy. Trong khi ấy, Cao Chính Bình vẫn điềm nhiên xuống lệnh cho cánh quân từ Tống Bình đi đánh

Đường Lâm của hắn chỉnh tề đội ngũ, trống dong cờ mở, dàn hàng tràn thẳng tới quân doanh của Phùng Hưng.

Đột nhiên, từ hàng tiền quân có tin báo về cho tên quan Đô hộ: đường vào Đường Lâm đã bị tắc. Kinh ngạc, Cao Chính Bình vội truyền phái thám mã đi xem hư thực, thì lát sau cũng lại được báo tin đúng là không thấy lối tiến binh nữa. Bởi vì con đường lớn xuyên qua dải rừng già bạt ngàn vây quanh Đường Lâm, bỗng nhiên bị cây cối đổ ngã, rong rào ngồn ngang, lấp kín mất ngã đi ngay từ chỗ cửa rừng. Cao Chính Bình bực bội hạ lệnh dừng quân, rồi sai lùng tìm ngay trong các làng mạc xung quanh, kiểm người hướng đạo. Nhưng tên Kinh lược sứ lại chỉ nhận được tin báo: khắp các làng chạ trong miền đều vắng ngắt cư dân và đều đã vít chặt các ngõ vào!

Gian dữ điên người, tên Kinh lược sứ gian ác lập tức xuống lệnh đốt sạch các cứ điểm chống đối ấy để bắt dân ra hàng. Nhưng trả lời Cao Chính Bình, chỉ có tiếng lửa réo ù ù và tiếng nổ đùng đùng của tre nứa bị đốt, hết như trăm ngàn tiếng thét mắng phẫn nộ, mà tuyệt nhiên không có lấy một người dân nào ra mặt. Tên quan đô hộ trầm ngâm ngẫm nghĩ một lúc rồi bỗng phá lên cười sằng sặc: quân man⁽¹⁾ hoảng sợ trước sức mạnh của lính Phủ đã bỏ chạy hết vào rừng ở cùng cầm thú! Vậy hãy mau tản quân vào rừng, tìm lấy đường mà tiến, bắt về cho kỳ được kẻ hào trưởng cầm đầu bọn man là Phùng Hưng!

(1) Tiếng của phong kiến nhà Đường gọi dân ta trong thời kỳ bị chúng thống trị.

Tên tướng giặc cáo già không còn cách nào khác, đành thi thố phép ấy, nhưng trong bụng vẫn cảm thấy nóng như lửa đốt bởi cái thế đánh kỳ lạ bắt buộc phải theo này.

Quả nhiên, tai vạ ập đến ngay với Cao Chính Bình đúng vào lúc cả đạo quân của hắn đã theo lệnh, tản mác giữa rừng già Đường Lâm như đầu muối bỏ vào hồ nước. Cao Chính Bình chỉ còn kịp nghe được từ mãi xa vọng lại một hồi trống đồng lạ tai. Liền đó là những tiếng than khóc như ri của đám quân tướng nhà Đường từ dãy rừng đại ngàn dội ra. Đám tàn quân của Phủ Đô hộ tháo chạy ngược về, kêu la bị đánh ở khắp nơi trong rừng Đường Lâm: trúng tên, trúng lao, bị đâm, bị chém và bị cả một viên tướng trẻ vạm vỡ sử dụng hai quả chùy dữ dội như tướng nhà trời, đập giáng những đòn tan thây nát mạng...

Kinh lược sứ Cao Chính Bình kêu trời mà rút quân trở về Tống Bình.

III

Quân doanh Đường Lâm hôm nay nhộn nhịp khác thường. Đủ các hiệu cờ, sắc phục và vũ khí, cùng các giọng nói của các toán quân chen chúc nhau vào ra, đi lại. Đây là các đoàn thân binh theo hộ vệ các tướng lĩnh của họ từ mãi xa trên miền núi phía Bắc, miền đồi phía Đông, miền rừng phía Tây, theo lệnh

của Đô quân Phùng Hưng, cùng tụ hội ở Đường Lâm để một lần quyết định việc lớn. Đây là những tên tuổi mà lâu nay, hễ cứ nghe nhắc đến là bọn quan quân đô hộ nhà Đường lại nhớn nhác mất ăn mất ngủ: Sa bà tướng quân A Gia, Đầu mục phụ tá Bồ Phá Cần, rồi thì những Triệu An, Lãng Bình, Đỗ Nhưng, Triệu Cử, Hà Toại, Lục Thành, Lưu Kiều, Thành Yển... (1)

Tòa sảnh đường cũ của Phùng Hưng bây giờ đã sửa lại thành một hồ trường lớn. Chính giữa, vẫn vẫn vèo tấm da cạp dử khổng lồ do chính tay người hào trưởng Đường Lâm hạ thủ năm xưa. Ngồi tựa lưng vào chiếc kỷ kê sát tấm da chừa rùng, Phùng Hưng đưa mắt nhìn một lượt khắp các hàng thủ lĩnh đã tề tựu đông đủ trong trường hồ. Vị chủ tướng nghĩa quân giờ đã trở thành một lão tướng bạc trắng mái đầu, nhưng thời gian và lo toan vất vả vẫn không làm thay đổi được tấm thân cường tráng và dáng vẻ lẫm liệt của người hào trưởng năm xưa.

Thấm thoát vậy mà đã hơn hai chục năm trôi qua, kể từ buổi đầu dấy nghĩa đời Đường Đại lịch⁽²⁾, đến giờ đã sang đời Đường Trinh Nguyên⁽³⁾. Niên hiệu nhà Đường thì vẫn còn đấy, bởi ta chưa lật đổ được ách đô hộ của nó. Nhưng, khắp một miền rộng lớn của đất nước này, từ Tây sang Đông, trở ngược lên Bắc, quân Đường đã phải chịu mất với dân ta. Giành lại và giữ

(1) Danh sách các tướng lĩnh của Phùng Hưng ở đây chép theo văn bia đình Quảng Bá. Cũng theo nội dung tấm bia này thì trong số các tướng lĩnh của Phùng Hưng, còn có cả Phùng Đình là em thứ ba của Phùng Hưng; Đỗ Anh Luận và Đỗ Anh Nho là hai anh em nữa của Đỗ Anh Hàn.

(2) Năm 767.

(3) Năm 791.

vững những làng chạ quê hương khắp chốn xa gần ấy, có phần công lao của những con người ngồi đây. Có người lúc mới ra quân, mái tóc còn xanh, giờ thì đã điểm sương. Nhưng lại cũng có người mười năm trước, tuổi còn thơ trẻ, mà bây giờ đã đường đường là một tay tuần kiệt. Và cả ba cô gái đang thì tươi trẻ ngồi ở hàng ghế cuối cùng kia nữa, mới theo các bậc chủ bác bước vào hàng trận cự giặc mà đã nổi danh nữ tướng tài ba⁽¹⁾...

Phùng Hưng lại thấy trong người bừng bừng hào khí như ngày nào mới gặp gỡ các đạo dân binh đầu tiên theo mình dấy nghĩa. Nhưng vừa đưa tay giật bỏ tấm áo khoác, vị lão Đô quân đã kìm mình lại, lấy giọng thử dấn đo, cân nhắc:

— Đã hơn hai chục năm trời, chúng ta hùng cứ khắp miền này, cự lại phủ Đô hộ. Trận mạc trải qua cũng đã nhiều, nhưng mãi đến giờ, chúng ta với quân Đường vẫn chưa phân hãn lễ thắng bại⁽²⁾. Cho nên hơn thua dứt khoát một trận lớn với giặc phen này, chính là điều mà hôm nay ta muốn xem thử đã nên chưa...

Các thủ lĩnh nghĩa quân đều nhòm người, đưa mắt nhìn nhau. Ai cũng muốn nói ngay, nhưng người nào cũng muốn chờ nghe quân sư Đỗ Anh Hàn nói trước.

(1) Theo thần tích làng Hòa Mục (ở ngoại thành Hà Nội) thì đó là ba người cháu gái của Phùng Hưng, vì có công đánh giặc nên khi chết, được dân làng Hòa Mục làm đình thờ.

(2) Sách *Việt điện u linh* viết: « Khi đó quan đô hộ là Cao Chính Bình đã đem quân dưới trướng đến đánh họ Phùng mà không nổi ». Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng viết: « Hưng tự xưng là Đô quân, Hải tự xưng là Đô bảo, đánh nhau với Chính Bình, lâu ngày không thắng ».

— Cao Chính Bình ngày càng tham tàn bạo ngược. Dân ở Giao Châu không ai không khổ vì hắn⁽¹⁾ — Đỗ Anh Hàn vẫn quen bắt đầu bàn việc bằng câu nói về địch tình và lòng dân như ngày trước — Lòng người bây giờ khắp nơi đều hướng về Đô quân mà chờ mong, ngóng đợi...

Sa bà tướng quân A Gia đứng phắt ngay đây:

— « Giặc Đường đang lúc bên trong thì kiêu rông, bên ngoài thì ngông cuồng, trời buộc vợ vét dân ta, bên trên thì lỗi đạo trời, bên dưới thì mất lòng dân. Không hiểu sao chủ tướng còn chần chờ nghi ngại, cứ thủ hiềm mãi ở chốn núi rừng này, để mặc cho bọn hung bạo như con bọ ngựa giơ chân ngang trên đường cái, mà không tiến binh hỏi tội ngay? Tôi đây tuy kém tài cũng dám xin đem quân kéo thẳng đến phủ thành, lấy đầu Cao Chính Bình về trình dưới trướng! »⁽²⁾

A Gia vốn là người nóng nảy chẳng khác gì Phùng Hải ngày trước. Lại thêm đầu mục Bồ Phá Càn cũng là người không kém sôi nổi:

— Xin chủ tướng lập tức cho ra quân đi thôi!

Khẽ mỉm cười trước tình hình ấy, Đỗ Anh Hàn điềm đạm nhìn Phùng Hưng, rành rẽ nói:

— Việc ra quân sống mái với Cao Chính Bình như vậy là chư tướng đều đã quyết. Chỉ xin Đô quân nghĩ đến cách đánh sao cho thắng thù. Thượng sách là chia

(1) Theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*: « An Nam Đô hộ phủ là Cao Chính Bình, làm việc quan bắt dân đóng góp nặng nề ». Sách *Tân Đường thư* cũng phải thừa nhận Cao Chính Bình là kẻ « trọng phú liêm » (đánh thuế nặng).

(2) Câu nói này của A Gia, dẫn nguyên theo văn bia Quảng Bá.

quân làm nhiều đạo, vây hãm và tấn công Phủ thành đủ các mặt, khiến cho giặc không thể trở tay ứng cứu được cho nhau⁽¹⁾.

Phùng Hưng vui vẻ đứng dậy:

— Ý ta cũng chính là như thế! Bây giờ các tướng hãy nghe ta cắt đặt công việc: Đô bảo⁽²⁾ Phùng Hải sẽ dẫn quân đi đánh phía Bắc phủ thành. Phùng Đình đánh ở phía Nam. Phía Đông phủ thành là Bồ Phá Cần. Phía Tây xin nhờ Đỗ Anh Hàn. Còn ta sẽ thân thống lĩnh Trung quân!

Việc lớn đã quyết định chóng vánh. Có lẽ ngoài Đỗ Anh Hàn thì không một ai biết được rằng Phùng Hưng đã phải xiết bao lao tâm khổ tứ vì trận ra quân quyết chiến lần này. Vận mạng trăm họ, thành bại của đại cục mấy chục năm trời và của cả một đời chinh chiến nữa, đều trông cả vào đây. Thành ra, trong khi các thủ lĩnh ồ ạt kéo ra khỏi trường hồ để đến thẳng bữa tiệc khao quân, thì chỉ có Đỗ Anh Hàn nanh lại cùng Phùng Hưng ra sau.

Chính lúc ấy, đầu mục Bồ Phá Cần vừa tách khỏi các tướng lĩnh nghĩa quân, đi lượn nghiêng người một vòng quanh chiếc đỉnh đồng khổng lồ đặt sừng sững ngoài hồ trường, và trước những cặp mắt kinh ngạc của mọi người, cởi phăng ngay tấm áo chẽn. Đưa mắt nhìn nhanh Phùng Hải lúc ấy cũng mở to mắt đứng sững, Bồ Phá Cần lẳng lẳng xuống tấn, túm chặt lấy chân đỉnh, vận gân cốt, nín hơi, từ từ nhấc bổng chiếc

(1) Câu này và câu sau, vẫn dẫn theo văn bia Quảng Bá. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép: việc Phùng Hưng tiến quân vây đánh Tống Bình là do kế của Đỗ Anh Hàn.

(2) Sử cũ đều chép: Phùng Hưng xưng là Đô quân, còn Phùng Hải thì xưng là Đô bảo.

đỉnh, giơ thẳng lên cao. Các tướng lĩnh nghĩa quân ồ cả lên một lượt, trong khi Bồ Phá Cần làm ra vẻ điềm nhiên, thông thả cử khối nặng nghìn cân ấy đi một vòng rộng trước sân rồi lại trở về, từ từ đặt nguyên chiếc đỉnh vào chỗ cũ⁽¹⁾.

Bây giờ, chống tay vào đỉnh đồng, Bồ Phá Cần mới hướng về phía Phùng Hải, thủng thẳng nói:

— Nghe đồn Đô bảo có tài vác đá nghìn cân! Vậy xin hầu một keo vật thử sức trước khi ra quân được chăng?

Các tướng lĩnh nghĩa quân lại ồ cả lên một lượt nữa, đầy thích thú, khi thấy Phùng Hải mặt mày dần dần đỏ lựng, vừa trừng trừng nhìn Bồ Phá Cần, vừa từ từ đưa tay cởi áo. Nhưng đúng lúc ấy thì Phùng Hưng — từ nãy vẫn đứng ở cửa trường hồ nhìn ra — vội vã bước tới. Một tay giữ lại tấm áo trên vai Phùng Hải, một tay vớ lấy chiếc áo chẽn khoác vào người cho Bồ Phá Cần, vị lão Đô quân điềm đạm nói:

Thôi! Tiệc rượu đang chờ... Hãy để sức đấy mà giết giặc!

Lấy đà tay đẩy mọi người đi cả về phía nhà tiệc, Phùng Hưng mỉm cười sòng bước cùng Đỗ Anh Hàn ở phía sau. Người quân sư tài trí của nghĩa quân lúc ấy mới nói với chủ tướng:

— Đô quân xử thế rất phải. Hai hồ tương nóng tính như lửa ấy mà chọi nhau, thế nào cũng sinh ra mất hòa khí⁽²⁾. Mà đấy lại là việc cấm kỵ trước khi ra quân!

★
★

(1) Sách *Việt điện u linh* chép: "Bồ Phá Cần, sức có thể xô núi, xách đỉnh, dũng lực tuyệt vời".

(2) Quả nhiên, về sau, đến lúc Phùng Hưng chết, thì giữa Bồ Phá Cần và Phùng Hải liền xảy ra bất hòa. Khi ấy, mọi

Ra quân! Biết bao mơ ước, lo âu, bồn chồn, thôi thúc để cho có được một lần thỏa dạ như bây giờ! Năm đạo nghĩa quân của Phùng Hưng đã nhổ hết nanh vuốt của Cao Chính Bình trước khi cuộn cuộn tràn đến trước phủ thành Tống Bình. Suốt dọc đường tiến binh, dân chúng Giao Châu nô nức đội nắng mới kéo đi mừng đón nghĩa quân như đi trẩy hội⁽¹⁾. Những tiếng reo vui ngổ ngàng lại dậy lên như ngày nào được thấy người anh hùng diệt trừ cộc dữ:

—Bố cái ơi! May mắn quá chừng!

Những người dân được giải thoát khỏi ách giặc cũng nhân đây mà gia nhập nghĩa quân, không kể xiết. Thành ra, khi các đạo quân tiền, hậu, tả, hữu của Phùng Hưng nối nhau kéo đến sát chân thành Tống Bình thì tòa phủ thành của Cao Chính Bình lập tức rơi ngay vào cảnh cù lao giữa biển người và binh khí điệp trùng.

Tên Kinh lược sứ nhà Đường càng về già càng tàn bạo, nghe tin cấp báo, hấp tấp trèo lên mặt thành quan sát thế trận. Gấp gáy cặp mắt đỏ ngầu, tướng giặc nghiêng răng kèn kẹt, moi óc tính kế đối phó với va lớn trước mặt. Quả là tình thế rất nguy ngập! Nhưng đôi mắt đã lâu năm chinh chiến của tên Kinh lược sứ cáo già cũng đã nhanh chóng nhận ngay ra một điểm của tình hình: nghĩa binh tuy đông, nhưng là quân ô hợp! Cao Chính Bình bầu vúi lấy điểm ấy để hòng xoay chuyển tình hình.

người muốn lập Phùng Hải thay Phùng Hưng, nhưng “Bồ Phá Cẩn nhất định không nghe, đòi lập con Hưng là An, và đem quân chống lại Hải” (Viết điện u linh).

(1) Mùa hạ, tháng 4, năm Tân Mùi, đời Đường Trinh Nguyên năm thứ 7 (tức là tháng 5 năm 791) Phùng Hưng nổi binh vây phủ (Đại Việt sử ký toàn thư)

Suốt mấy ngày liền, tập trung hết quân tinh nhuệ có trong phủ thành, Cao Chính Bình lần lượt hạ lệnh mở từng cổng thành, giao chiến với từng cánh nghĩa binh, quyết phá vòng vây. Những trận đánh đẫm máu đã xảy ra quanh cả bốn mặt thành Tống Bình giữa tiếng trống thúc quân reo rầm trời dậy đất.⁽¹⁾

Trưởng hồ của Đô quân Phùng Hưng khi ấy đã dời đến bên một hồ nước lớn gần kề Tống Bình⁽²⁾. Những ngày này, con voi chiến khổng lồ, hết sức tinh khôn⁽³⁾, chính là người bạn thân thiết nhất của vị chủ tướng nghĩa quân. Voi đã đưa Phùng Hưng đi dự đủ các trận đánh quanh bốn mặt thành Tống Bình. Phát hiện ngay âm mưu nham hiểm của Cao Chính Bình nhằm đánh quân ta theo cách chia bó đũa ra mà bẻ, Phùng Hưng liền nhân đây buộc tướng giặc phải giao chiến theo thể *sa luân chiến* của quân ta. Xoay quanh bốn mặt thành như đèn cù, cuối cùng, vẫn chỉ có một đạo quân Đường lần lượt phải đối địch với bốn cánh quân ta!

Quyết thắng quân Đường trong trận cuối cùng này, Phùng Hưng đã tung hết lực lượng vào các trận giao chiến với Cao Chính Bình và đã khiến được tướng giặc, vì hao binh tổn tướng, phải rút hết quân mã vào thành, đóng chặt bốn cổng mà cố thủ.

(1) «Thây chất thành đông, máu chảy thành suối, khiến sông Lô sông Nhị đỏ ngầu cả» (Văn bia đình Quảng Bá).

(2) Đây là Hồ Tây — tên gọi của hồ về sau này. Cũng về sau này, dân địa phương đã nhân nền đất đóng hành doanh cũ của Phùng Hưng mà dựng lên ngôi đình thờ người anh hùng. Đây là đình Quảng Bá (phía bắc Hồ Tây bây giờ).

(3) Con voi này, sau khi Phùng Hưng mất, đã nằm phục suốt ba ngày ở mộ chủ, không ăn uống, rồi bỏ vào rừng mất. Về sau, dân làng Động Phì (Hà Tây) có làm đền thờ con thú có nghĩa ấy.

Từ đấy là những ngày chỉ huy bao vây đồn ép ngặt nghèo. Nghĩa quân đã được lệnh của Phùng Hưng: ngày nào cũng phải thúc trống reo hò, làm như sắp sửa tấn công phá thành đến nơi! Hốt hoảng đối phó với quân ta, lính Đường mất ăn mất ngủ đến rã rời tay chân.

Tướng giặc già Cao Chính Bình càng lờn lộn như hồ dũ mắc bẫy. Cứ mỗi lần nghe những tiếng động xung sát của nghĩa quân Phùng Hưng dội vào thành, tên Kinh lược sứ lại phải hấp tấp bỏ lên mặt thành đốc chiến đến gầy quắt người. Cho đến một hôm, vừa tụt xuống chân thành, lão đảo bước được về đến tư dinh thì tướng giặc bỗng trợn ngược mắt, thổ ra một bãi huyết lớn. Từ giữa sống lưng, một đám nhọt, khi tím bầm, khi đỏ quạch, dần dần tấy lên, khiến cho Cao Chính Bình phải nằm liệt giường, không sao gượng dậy được nữa.

Vào một buổi sớm, những tiếng hò reo huyên náo khác thường của nghĩa quân từ mãi ngoài tuyến trận xa bỗng dậy lên, ngày càng ầm ĩ và chuyển dần về đến tận hồ trường bên hồ của Phùng Hưng. Vị chủ tướng nghĩa quân đoán biết có chuyện lạ, vừa trèo lên bành voi thì đã thấy quân sư Đỗ Anh Hàn thân dẫn về hồ trường một viên tùy tướng nhà Đường. Mặt cắt không còn hạt máu, tướng giặc lắp bắp tâu bày tin tức quân Đường ở Tống Bình: Kinh lược sứ Cao Chính Bình đã chết đêm qua trong tòa phủ thành bị vây hãm⁽¹⁾.

Tiếng reo hò lập tức vang ầm khắp một vùng ven hồ lớn. Dân chúng xa gần nghe tin quân Đường đã mất

phủ thành cũng rùng rùng kéo tới, quây kín xung quanh Phùng Hưng mà nổi tiếng hò reo. Chính giọng nói của Đỗ Anh Hàn giữa lúc ấy, lần đầu tiên bỗng trở nên có sức vang khác thường, vượt lên trên tất cả mọi sự huyên náo:

— Xin rước Đại vương nhập thành!

Trăm ngàn tiếng tung hô lập tức dội lên, nhắc lại:

— Đại vương nhập thành!

— Đại vương vạn tuế!

Bất ngờ, lại thêm một tiếng thét nữa dội lên từ giữa đám dân chúng:

— Bỏ Cái Đại Vương vạn tuế!

Chính Đỗ Anh Hàn cũng lặng người kinh ngạc trước danh xưng mới mẻ mà tuyệt hay ấy. « Bỏ Cái Đại Vương »! Phải, vị vua lớn trên bành voi cao kia, hơn hai mươi năm nổi dậy đánh giặc cứu dân, với trận thắng hằng mơ ước quét sạch giặc thù này, hoàn toàn xứng đáng là bậc cha mẹ của dân ta!⁽¹⁾.

Con voi khổng lồ tung vọt rống lên một tiếng lớn, nhắc chân chuyển người bước thẳng về phía thành Tống Bình, cuốn theo ầm ầm, dằng dặc, lớp lớp nhân dân và nghĩa quân. Trên bành voi cao, Phùng Hưng lại một lần nữa giật phăng tấm áo choàng, hết cúi xuống lại ngẩng lên giữa những đợt sóng tung hô « Bỏ Cái Đại Vương » cứ thế kéo dài mãi...

VĂN LANG

(1) Sử cũ đều chép: Cao Chính Bình bị vây hãm trong phủ thành, lo sợ mà chết. Sách Đại Việt sử ký toàn thư chép rõ hơn: « Chính Bình sợ hãi phần uất, thành bệnh ở lưng mà chết ».

(1) Sử cũ chép: Sau khi hạ thành Tống Bình, dựng nên tự chủ cho nhân dân đất nước được 7 năm thì Phùng Hưng mất, được mọi người tôn làm Bỏ Cái Đại Vương.

LÊ HOÀN

I

Kinh đô Hoa Lư xao xuyến vì biến động. Từ thâm cung của Dương thái hậu⁽¹⁾ cho đến nếp nhà tranh của người dân thường, cả kinh thành thấp thỏm e ngại biến khôn lường sẽ bất ngờ ập đến.

Hoa Lư, một ngày mùa thu êm đẹp là thế, nhưng trong hoàng cung thâm nghiêm và tráng lệ, bên cạnh bầy nữ tỳ thân tín và đội quân thủ túc dũng mãnh, Dương Thái hậu vẫn cảm thấy cô đơn, hoang lạnh. Đình Tiên Hoàng vừa chết, con trai Đình Toàn của bà lên ngôi kế vị hãy còn trứng nước⁽²⁾. Rồi đây những vạc dầu và chuồng cọp⁽³⁾ của tiên đế để lại không biết có giúp mẹ

(1) Vợ Đình Tiên Hoàng.

(2) Đình Toàn lên ngôi vua năm 6 tuổi.

(3) Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* bản kỷ, quyển I chép: « Vua (Đình Tiên Hoàng) muốn lấy uy để chế ngự thiên hạ, mới đặt vạc lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ ở trong cũi, hạ lệnh rằng: người nào trái phép sẽ phải chịu tội bỏ vạc nấu hay cho hổ ăn. Mọi người sợ phục không ai dám trái »,

con bà giữ yên được thế nước hay không? Chuyện mười hai sứ quân đã qua rồi, nhưng cảnh tượng tàn tác xiêu giạt vì tao loạn vẫn đọng lại trong ký ức của bà, mà cuộc đời hơn mười năm⁽¹⁾ hoàng hậu vẫn không xóa được.

Nét ưu phiền chồng chất trên dung nhan rục rở, có phần sắc sảo, ở cái tuổi « trẻ chưa qua già chưa tới » của Dương Thái hậu. Một mình trong căn lầu vắng lặng, ngồi bên cửa sổ, Thái hậu nhìn ra ngoài. Mặt trời đang rơi vội, đỏ rồi trốn biệt sau đỉnh núi. Thoáng nghe tiếng chân bước nhẹ nhàng, bà quay lại. Người nữ tỳ thân tín đã đến hầu:

— Tâu Thái hậu, Thập đạo tướng quân vừa đến, xin triệu yết việc cơ mật gấp.

Một niềm vui bất ngờ đối với bà. Từ ngày nhà vua bị ám hại⁽²⁾, việc gấp gáp giữa Thập đạo tướng quân và Dương Thái hậu để luận bàn việc nước là chuyện thường. Hôm nay, điều không ngờ là Thập đạo tướng quân tìm đến với bà vào lúc cảnh vật đang trở nên mờ ảo và bà đang cảm thấy lo âu trống trải lạ thường.

— Thập đạo tướng quân!

Dương Thái hậu khẽ nhắc lại, rồi từ từ đứng dậy. Người nữ tỳ nâng hộp trầu bước theo...

Ánh lửa từ cây đèn hàng chục tim bắc hắt ra run rẩy, soi rõ khuôn mặt biến sắc dưới vành khăn tang của Dương Thái hậu. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn khoan

(1) Kể từ khi Đình Bộ Lĩnh lên làm vua (968) đến khi bị giết hại (979) là 11 năm.

(2) Đình Tiên Hoàng và con trai trưởng là Đình Liễn bị Đỗ Thích giết hại vào tháng 10 năm Kỷ Mão (979) nhân một đêm nhà vua ăn yến, say rượu nằm ngủ ở cấm đình.

thai dân từng bước trên nền hoàng cung lát đá nhẵn. Mái tóc hoa râm hơi nghiêng về trước. Dương Thái hậu nhìn theo, gặng hỏi:

— Thập đạo tướng quân ơi! Tin dữ này liệu có thể là huyền hoặc không?

Lê Hoàn quay lại:

— Tâu Thái hậu, viên quan trấn giữ Lạng Châu từ phen giậu phía bắc khẩn cấp báo về thì huyền hoặc sao được? Vả, cứ lý mà suy, phương Nam rối loạn khỏi đâu không lọt vào tai mắt của vua tôi nhà Tống. Thừa cơ sang đánh cướp nước ta vốn là mưu đồ đen tối của lũ chúng.

Một tiếng thở dài, tiếp theo là câu nói thốt ra từ cảm xúc chân thành của Dương Thái hậu:

— Số phận mẹ con tôi lúc này nằm trong tay tướng quân... Xin hãy vì mẹ con tôi mà trừ hậu mưu kẻ...

Lê Hoàn vẫn yên lặng. Không phải đợi đến lúc Thái hậu ủy thác, Lê Hoàn đã nghĩ đến điều đó từ ngày nhà vua bị giết hại. Việc dẹp loạn Nguyễn Bặc⁽¹⁾, việc cấp tốc rèn luyện quân sĩ mười đạo trong những ngày gần đây của Lê Hoàn cũng chỉ nhằm giữ yên thế nước, vững cõi bờ. Đó cũng là hoài bão lớn lao mà ông đã tôn thờ, ôm ấp từ ngày biệt cha nuôi họ Lê, rời quê

(1) Sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp nổi dậy chống Lê Hoàn vì sợ Lê Hoàn mưu chuyện thoán đoạt. Lê Hoàn đem quân vào Ái Châu đánh, Đinh Điền bị chết tại trận, Nguyễn Bặc bị bắt đem về kinh sư giết. Phạm Hạp chạy lên Bắc Giang, sau đó cũng bị bắt, giết tại Hoa Lư. (Theo *Việt sử thông giám cương mục*, chính biên, quyển D).

hương Châu Ái⁽¹⁾ theo Đinh Bộ Lĩnh giúp dân dựng nước. Là viên tướng cầm quân mười đạo, ông há chẳng biết rằng việc nhà vua bị giết hại, triều đình lục đục lại không phải là dịp tốt cho giặc ngoài xâm lấn hay sao? Và vì vậy, tin dữ từ Lạng Châu đưa về không làm cho Lê Hoàn ngỡ ngàng. Có chẳng Dương Thái hậu, trước những tai biến dồn dập đã phần nào lo sợ. Bà chỉ còn trông cậy vào viên cận thần thân tín... Nhưng Lê Hoàn vẫn lặng lẽ. Dường như lời nói thốt ra từ trái tim của Dương Thái hậu không hề gây xúc động đối với viên tướng lòng gang dạ sắt ấy. Theo ông, đây không phải là chuyện riêng tây của Dương Thái hậu, mà là chuyện mất còn của đất nước. Trong cuộc đời cầm quân từ trước đến nay, ông chưa hề lùi bước trước một nguy nan. Nhận lệnh không khó. Cái khó, theo ông là thực hiện lệnh đó như thế nào để thắng được giặc mạnh.

Tâu Thái hậu, — Lê Hoàn chấp tay, nhìn vào khuôn mặt trắng bệch của Dương Thái hậu:

— Năm xưa, Ngô Vương phá giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng. Nay giặc Tống lại hùng hổ sang xâm lược, quân dân ta ai mà không hăm hở theo bước người xưa vùng dậy giữ nước giữ nhà? Đó là cội nguồn của

(1) Lê Hoàn sinh ngày 15-7 năm Tân Sửu (941) tại làng Trung Lập, huyện Thủy Nguyên phủ Thiệu Thiên trước kia, nay là xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Cha là Lê Mịch, chết sớm. Lên 3, 4 tuổi, mẹ là Đặng Thị cũng mất. Lê Hoàn phải đi ở làm con nuôi một viên quan họ Lê, người cùng quê. Hiện nay tại Xuân Lập còn mộ cha, lăng mẹ, đền và miếu thờ Lê Hoàn (Nghiên cứu lịch sử số 162. Bài "Về quê quán của Lê Hoàn" của Đỗ Viết Cường).

việc thắng giặc. Nhưng... có quân sĩ hùng mạnh lại cần phải có nhiều tướng giỏi. Một mình tôi sao làm tròn được lệnh của Thái hậu giao cho?

— Ta cho tướng quân toàn quyền chọn lựa những người tài giỏi trong quân sĩ, tùy từng người mà trao tước vị khác nhau để cùng lo cự giặc.

— Tâu Thái hậu, tại sao người lại không nghĩ đến Phạm Cự Lạng?

— Phạm Cự Lạng!

Dương Thái hậu không ngờ Lê Hoàn nhắc đến người này. Vẫn biết Phạm Cự Lạng là viên tướng có tài, nhưng Thái hậu còn e ngại về chuyện anh ruột của ông ta là Phạm Hạp bị triều đình trị tội vì việc nổi loạn năm ngoái. Biết đâu chẳng do chuyện này mà gây ra hiềm khích giữa Lê Hoàn và Phạm Cự Lạng, làm cho ông ta nghi kỵ triều đình. Trong tình thế này, sự bất hòa giữa hai viên tướng sẽ không may cho me con bà và là tai họa cho trăm họ. Chưa rõ ý của Lê Hoàn, Dương Thái hậu dè dặt:

— Phạm Cự Lạng là viên tướng có tài, lại được quân sĩ mến phục, nhưng chuyện Phạm Hạp còn chưa nguôi...

Hiểu ý Dương Thái hậu, Lê Hoàn nói thẳng điều suy nghĩ của mình:

— Phạm Cự Lạng là kẻ kiệt kiệt. Cha ông người ấy đã từng theo các bậc tiên vương để chống giặc giữ nước; khi non sông bị chia xé, lại cùng nhà vua ghé vai dựng nước. Nay, chẳng lẽ việc Phạm Hạp phản phúc phải chịu tội với triều đình lại khiến cho con người ấy không đem tài ba để cứu nước hay sao? Tôi tin Phạm Cự Lạng không phụ lòng mong đợi của Thái hậu. Xin Thái hậu hãy nghĩ đến Phạm Cự Lạng như nghĩ đến cánh tay phải của mình.

Dương Thái hậu không ngờ vị tướng đang đứng trước mặt mình lại nhìn người bằng con mắt sắc sảo và độ lượng đến như thế. Bà đã nhầm khi nghĩ về Phạm Cự Lạng cũng như bà đã tự thấy mình chưa hiểu hết đức độ và lòng tin của Lê Hoàn. Mối lo vì sự bất hòa giữa hai viên tướng không còn ám ảnh Dương Thái hậu. Bà bàn với Lê Hoàn:

— Ta phong cho Phạm Cự Lạng giữ chức đại tướng cùng với ngài lo việc chống giặc⁽¹⁾.

★
★

Trong suy nghĩ của văn võ đại thần triều Đinh, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn vẫn luôn luôn là trụ cột của triều đình. Và, vào lúc tổ quốc lâm nguy như bây giờ lại càng không thể không trông cậy vào tài ba chèo chống của con người ấy. Tuy nhiên, những điều dị nghị

(1) Về Phạm Cự Lạng, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sách đã dẫn, chép: «Thái hậu sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ để chống cự, cho Phạm Cự Lạng người Nam Sách giang, làm đại tướng quân»; *Việt sử thông giám cương mục* (sách đã dẫn) ghi: Dương hậu sai Lê Hoàn lựa tuyển dũng sĩ để kháng chiến; cho Phạm Cự Lạng làm đại tướng quân, bày mưu kế đem quân ra đánh»; Các dịch giả (bản dịch của Nhà xuất bản Văn Sử Địa — 1957) theo Nguyễn Nghiễm trong *Đại Việt sử ký* đã chú thích như sau: «Phạm Cự Lạng người Chi Linh (Hải Dương), ông nội là Chiêm làm đồng giáp tướng quân đời Ngô Quyền; cha là Mạn làm tham chính đô đốc đời Ngô Nam Tấn; anh là Hạp làm vệ úy đời Đinh Tiên Hoàng...». Trong tập III, *Những vì sao dẫn nước*, khi viết về Ngô Quyền, chúng tôi có nói đến Phạm Cự Lạng, là căn cứ vào thần phả và tài liệu trưng bày trong đền thờ Ngô Quyền ở Đường Lâm. Nay nhân đây xin nêu lên nghi vấn: viên tướng thời Ngô Quyền phải chăng là Phạm Cự Chiêm?

về Lê Hoàn ai cũng biết. Nằm trong tay quân sĩ mười đạo, lại được Dương Thái hậu tin yêu, con người ấy chỉ cần hô một tiếng là chuyện phé lập có thể xảy ra. Nhưng cho đến lúc này, trước mặt Dương Thái hậu, ấu chúa Đinh Toàn và bá quan văn võ đang dự triều hội, Lê Hoàn vẫn là một triều thần. Nhất cử nhất động của ông đều tùy lệnh Dương Thái hậu đang giữ quyền nhiếp chính.

Hoàng cung Hoa Lư đồ sộ và lộng lẫy. Cái lộng lẫy vốn có của tòa cung điện thâm nghiêm càng thêm nặng nề vì mối lo chống giặc đang chiếm lĩnh tâm tư của những người dự triều hội. Phá tan không khí nặng nề ấy, chỉ có giọng nói sang sảng và rành rọt của Thập đạo tướng quân tâu bày kế sách chống giặc. Từng lời nói rắn chắc của ông dần dần mở ra trước triều đình một chân trời sáng sủa. Để kết thúc lời tâu bày của mình, Lê Hoàn nói:

— Tâu Thái hậu, theo sự suy đoán của tôi, giặc Tống liều lĩnh tràn vào nước ta, phen này nhất định sẽ phải đại bại vì lưỡi gươm của quân dân Đại Cồ Việt!

Văn võ bá quan đợi chờ lời phán quyết của Dương Thái hậu. Nhưng rồi buổi triều hội dừng lại. Có tiếng chân rầm rập bước lên tam cấp. Các tướng lĩnh nhưng phục oai nghiêm nối nhau tràn vào. Ngoài sân hoàng cung, quân sĩ kéo đến mỗi lúc một đông. Ánh gươm đao lấp loáng dưới nắng tháng bảy.

Trước đây một năm, khi quân sĩ bất ngờ kéo vào hoàng cung hẳn có chuyện không lành. Nhưng bây giờ, lệnh động binh đã truyền khắp chốn. Riêng ở kinh đô, việc rèn quân luyện tướng, sửa soạn binh khí đang sôi sục ngày đêm, thì chuyện đó cũng không đáng ngại. Và lại, dần dần tướng lĩnh chính là Phạm Cự Lạng, con người mới được Dương Thái hậu phong cho làm đại

tướng. Và các tướng lĩnh, quân sĩ hùng mạnh ấy lại chính do Thập đạo tướng quân Lê Hoàn rèn luyện gây dựng nên. Họ đến đây để đợi lệnh của triều đình? Không! Lệnh động binh đã ban rồi. Quân sĩ từ ngũ⁽¹⁾ cho đến đạo⁽²⁾ đã sắp sẵn. Giặc xâm phạm bờ cõi, chỉ có lệnh « đánh ». Ai mà không biết điều đó!

Lặng tưng trước sự việc bất ngờ, Dương Thái hậu đưa mắt nhìn Thập đạo tướng quân Lê Hoàn. Nhưng Lê Hoàn chưa kịp cất lời, thì Phạm Cự Lạng đã tiến đến trước triều thần. Một tay nắm đốc gươm, một tay đặt ngang ngực, Phạm Cự Lạng nghiêng mình chào mọi người rồi lớn tiếng nói với quân sĩ:

— « Này! Thưởng người có công mà phạt kẻ không vâng mệnh, đó là phép hành binh. Bây giờ chúa thượng hãy còn thơ ấu, bọn ta đâu hết sức liều chết, may có lập được chút công lao thì ai biết cho? Chi bằng trước đây tôi ngay Thập đạo tướng quân lên làm thiên tử, sau sẽ ra quân »⁽³⁾.

Phạm Cự Lạng dứt lời, hoàng cung Hoa Lư rung chuyển vì lời tung hô « Vạn tuế! Vạn tuế! » phát ra từ đôi ngũ tướng lĩnh và quân sĩ trùng điệp. Trong khoảnh khắc, cả triều đình không ngờ sự việc lại xảy ra đến như thế. Ngót một năm trước, Phạm Hạp — anh ruột của Phạm Cự Lạng đã cùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền nổi dậy chống Lê Hoàn mong trừ chuyện thoán

(1) (2) Tên đơn vị quân đội. Thời Đinh, trên danh nghĩa, quân đội cả nước chia làm 10 đạo, mỗi đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ, mỗi ngũ có 10 người.

(3) Nguyên văn lời dịch trong *Việt sử thông giám cương mục* chính biên, quyển 1, tờ 13 (bản dịch của Nhà xuất bản Văn Sử Địa — Hà Nội, 1957).

đoạt. Việc không thành, cả ba cùng chịu chết. Nay chính em trai Phạm Hạp lại đem tướng lĩnh và quân sĩ vào tận hoàng cung tôn Lê Hoàn lên ngôi vua! Điều đó hẳn không phải là ý riêng của một người, mà là một việc làm tối cần thiết, khẩn yếu trước lúc xuất quân, nhưng lại bất ngờ đến nỗi triều thần phải ngạc nhiên. Ai nấy đều biết rằng lúc này người duy nhất cứu nguy được cho nước giống là Thập đạo tướng quân chứ không phải ấu chúa. Nhưng nên hay không trong việc hệ trọng này là phải do Thái hậu định đoạt.

Hàng trăm con mắt hướng về Dương Thái hậu. Không nói một lời, bà đứng dậy, lùi vào hậu cung, rồi trở ra với hai nữ tỳ nâng cao hòm bảo vật. Mọi người nhìn Thái hậu khoan thai bình tĩnh trong xiêm áo thướt tha. Trước mặt triều thần, tấm áo long cổn bằng vóc vàng lấp lánh vẩy rồng pha kim tuyến đang mở rộng trên đôi tay Dương Thái hậu. Sai người khoác áo long cổn lên vai Thập đạo tướng quân. Dương Thái hậu nói với Lê Hoàn:

— Thập đạo tướng quân! Cho được yên lòng quân sĩ xin mời ngài cầm quyền giữ nước!⁽¹⁾

Tiếng reo mừng tán thưởng rộ lên trong quân sĩ, tưởng như sấm dậy giữa một ngày tháng 7, mùa thu năm Canh Thìn⁽²⁾.

★ ★

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn chép: « Thái hậu thấy mọi người đều vui lòng qui phục, sai lấy áo long cổn mặc cho Hoàn, mời Hoàn lên ngôi hoàng đế ».

(2) Năm 980.

Lê Hoàn đưa thư của Tống Thái tông cho Phạm Cự Lạng. Lời lẽ cuối thư càng làm cho nhà vua thêm phân nộ: « Người có muốn ra khỏi nơi man di ở góc biên ải xem nhà Minh đường, Bích cung⁽¹⁾ không? trút bỏ áo cổ mà mặc áo cổn đẹp thêu núi thêu rồng không? Người nên qui phục, không nên vơ lấy tội. Hiện nay ta đang sửa soạn quân đội, chiêu trống, nếu qui phục ta sẽ tha, trái lệnh ta sẽ đánh. Theo hay không, lành hay dữ, người tự nghĩ lấy »⁽²⁾.

Ánh sáng lấp lánh từ những mặt ngọc gắn trên vành vương miện rung rinh, nhà vua nén giận, chờ viên đại tướng họ Phạm đọc thư. Phạm Cự Lạng đặt thư xuống bàn, tâu với Lê Hoàn:

— Muôn tâu, không dùng lời lẽ đối với quân lão lược này được. Chúng đe dọa đem quân sang. Dám xin bệ hạ cũng cho lệnh xuất quân!

Lê Hoàn gật đầu. Vẻ giận dữ phát ra từ cặp mắt ngời sáng của nhà vua dường như có vẻ dịu đi. Lê Hoàn thầm nghĩ: « Đúng là như vậy, và sự việc tất phải diễn ra như vậy. Nhưng để cho sự việc diễn ra sớm hay muộn là điều phải cân nhắc ». Đôi mắt nhà vua hướng về thái sư Hồng Hiến, có ý thăm dò người mưu sĩ tâm phúc của mình. Trước đây, vì mến phục tài đức của Lê Hoàn mà Hồng Hiến theo về giúp rập. Nay cảm ơn tri ngộ ấy, lại còn cái nghĩa vua tôi phải đền đáp, Hồng

(1) Minh đường: nhà coi châu của vua. Bích cung: nhà đọc sách của vua.

(2) Trích theo lời dịch trong Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú (bản dịch của Viện Sử học, tập IV, phần « Bang giao chí ». Nhà xuất bản Sử học — 1961).

Hiển muốn đem hết những hiểu biết của mình để bàn góp với nhà vua. Xem lại lời lẽ của Tổng Thái tông, Hồng Hiến thưa:

— Muôn tâu, vua Tổng kêu rông, ngang ngược đe dọa chúng ta. Theo ngu ý của thần, bệ hạ nên trước hãy dùng lời lẽ để đối đáp. Hòa hoãn được tình thế là bệ hạ đã thắng trận đầu rồi đó!

Thái sư Hồng Hiến đã bắt đúng mạch suy nghĩ của nhà vua. Nói đến việc chống giặc Tống, một vùng đất rộng lớn của ngõ phía bắc và đông bắc của đất nước lại hiện ra trong trí nhà vua với ý nghĩ: «Giặc sẽ tràn sang bằng đường ấy và quân dân ta tất phải diệt chúng ngay ở đó. Về đường thủy, trước kia Ngô Vương đã lập mưu chống giặc trên sông Bạch Đằng. Còn đường bộ? Dải núi rừng hiểm trở ấy cần phải thăm dò kỹ mới lập kế chặn giặc tốt được». Vì vậy nghe lời thái sư Hồng Hiến, Lê Hoàn gật đầu:

— Người quả là người tâm phúc của ta. Ta sẽ cử người lo việc gặp Tổng Thái tông, dâng biểu của Đinh Toàn cầu nối ngôi cha. Vua Tống chấp nhận là ta đã có thêm thời gian sửa soạn. Bằng không, tưởng là ta khiếp sợ, Tống Thái tông càng thêm kêu rông tự đắc, liều lĩnh cất binh. Điều đó cũng có lợi cho ta!

Nhà vua quay lại nói với Phạm Cự Lạng:

— Lúc bấy giờ chúng ta thắng giặc cũng chưa muộn. Nhưng từ nay đến ngày ấy, Phạm tướng quân phải điều quân sĩ về chặn vùng sông Bạch Đằng và vùng ải Bắc, như ta đã bàn kỹ với tướng quân!

Theo lệnh nhà vua, nha hiệu Giang Cự Vọng và Vương Thiệu Tộ lên đường sang nước Tống. Tổng Thái tông sai Trương Tồn Quyền đem thư đến Hoa Lư. Đọc thư vua Tống: «Họ Đinh truyền nối ba đời, trẫm muốn cho Toàn làm thống soái, khanh làm phó; nếu Toàn

không có tướng tài, hay còn non dại thì nên bảo mẹ con sang qui phục, đợi khi vào châu, tất sẽ ưu đãi và sẽ cho khanh cơ tiết. Có hai đường ấy, khanh nên chọn lấy một đường»⁽¹⁾. Lê Hoàn im lặng, không trả lời.

Nhà vua chọn con đường — không phải do Tống Thái tông vạch, mà là con đường điều quân lên ải Bắc.

Và giờ đây, vào những ngày cuối năm Canh Thìn, theo con đường ấy, Phạm Cự Lạng cùng tướng lĩnh, binh sĩ đang hành quân gấp gáp trong giá lạnh. Họ sẽ vui mừng đón xuân mới ngay trên biên thùy nước Đại Cồ Việt mến yêu của mình.

Cây rừng xanh tốt, từng mảng đậm nhạt nối nhau chạy dài. Những đỉnh núi cao nhấp nhô chìm trong mây. Men theo đường mòn ven sông Chi Lăng, Lê Hoàn đi thị sát trận địa. Nhà vua chăm chú nhìn những lũng đen ngòm thọc sâu vào sườn núi ở hai bên tả hữu. Đứng trước, núi Mặt Quỷ án ngữ sừng sững như hổ phục. Và phía sau, dãy chiến lũy đá thiên thành từ hai bên thất lại, ngọn núi Mã Yên lọt vào giữa như cổng thành chặn giữ mặt nam. « ải Bắc quả là cửa tử đối với bất cứ quân xâm lược nào muốn từ phương Bắc tràn vào nước Đại Cồ Việt », nhà vua thầm nghĩ và

(1) Theo lời dịch trong Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn

cảm thấy vui sướng vì thiên nhiên đã tạo cho đất nước một vùng cửa ngõ hiểm trở và hùng vĩ đến nhường ấy. Niềm vui của nhà vua lại càng tăng lên gấp bội vì trong các lũng sâu thẳm và bí ẩn kia, có hàng vạn quân sĩ đang mai phục. Trong đó có cả những đạo quân vừa đánh lui giặc ở sông Bạch Đằng⁽¹⁾. Dưới vó ngựa của nhà vua, cỏ núi lè tè phủ đầy mặt ải. Bất giác Lê Hoàn nhớ lại những ngày thơ ấu của mình. Đó là những ngày sống bên người mẹ nghèo ở làng Trung Lập, những ngày ở với cha nuôi họ Lê ở làng Phong Mỹ thuộc đất Ái Châu⁽²⁾, những buổi chăn trâu trên đồng cỏ, những chiều cùng các bạn cưỡi trâu bơi thi trong đầm. Chuỗi ngày ấy chỉ thoáng hiện lơ mờ. Duy có ngày từ giã cha nuôi, từ giã thầy bạn để lên đường lập nghiệp, nhà vua vẫn nhớ như in. Từ ấy, vào đúng tuổi 15 của mình, cuộc đời nhà vua đã chuyển sang một chặng mới. Đã hai mươi lăm năm rồi. Hai mươi lăm năm dốc hết sức trai trẻ dựng nước, và giờ đây nhà vua lại đang lo gìn giữ từng tấc đất của non sông. Trong cuộc đọ sức với giặc Tống, nhà vua đã thắng trận đầu trên sông Bạch Đằng. Tên bại tướng Lưu Trùng hãn đang vỡ mặt chạy trốn về nước...

(1) Các sách sử của ta như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử Thông giám cương mục* đều cho hay Lê Hoàn sai quân sĩ đóng cọc ở sông Bạch Đằng chặn giặc trước, và khi cánh quân giặc theo đường bộ tiến đến sông Chi Lăng, nhà vua đã lập kế sai quân sĩ giả hàng dụ bắt được tướng giặc là Nhân Bảo đem chém.

(2) Đều thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa ngày nay.

Bản doanh của đại tướng Phạm Cự Lạng đặt dưới mái đá hun hút. Tháng ba, trời bắt đầu oi bức mà ở đây hơi lạnh từ hang núi vẫn hắt ra ngăn ngắt. Vừa thấy nhà vua, Phạm Cự Lạng đã vội phục xuống làm lễ. Viên đại tướng không giấu được niềm vui:

— Muôn tâu! đội quân trá hàng của ta phải đi đang dẫn Hầu Nhân Bảo tiến sâu vào nội địa.

Nhà vua cúi nâng Phạm Cự Lạng dậy:

— Đây là bản doanh của viên tướng đem quân ra ngoài thành, chứ không phải hoàng cung Hoa Lư!

Vua tôi cùng cười.

Quả vậy, trước mặt Phạm Cự Lạng không phải là vua Lê mặc áo long cồn ngựa trên ngai rồng nơi hoàng cung tráng lệ, mà là Thập đạo tướng quân Lê Hoàn năm xưa. Bộ sắc phục võ tướng với tám hộ tâm bằng đồng che trước ngực càng làm cho nhà vua thêm hùng dũng. Và đặc biệt là chiếc mũ đầu mâu bằng da gấu ngà nam ngọc óng ánh càng tôn vẻ cương nghị trên khuôn mặt sắc sảo ở cái tuổi 40 của nhà vua. Ấn mệnh đốc gươm, vành đai lưng trễ xuống, thanh kiếm trường nằm ngang bên hông, nhà vua vỗ vào vai Phạm Cự Lạng:

— Trùng kế của ta, cánh quân Hầu Nhân Bảo không tránh khỏi đại bại. Giặc Tống chia làm ba mũi tràn vào nước ta. Ta đã đánh lui cánh quân thủy ở sông Bạch Đằng, ta sẽ diệt quân bộ của chúng ở đây. Còn một đạo quân thủy do Trần Khâm Tộ theo đường sông Thái Bình đã tràn sâu vào nội địa, ta không thể cho chúng thoát.

Điều nhà vua nói, Phạm Cự Lạng đã nghĩ tới từ khi còn ở Bạch Đằng. Ông vẫn băn khoăn không hiểu tại sao nhà vua không chia quân chặn Trần Khâm Tộ mà lại điều cả về Chi Lăng. Đến bây giờ nhà vua lại nghĩ đến cánh quân Trần Khâm Tộ. Phạm Cự Lạng mạnh dạn:

— Tàu bè hạ, thần trộm nghĩ một khi quân bộ của Hầu Nhân Bảo bị diệt thì quân thủy của giặc không đánh cũng tự tan.

— Sau khi đánh lui giặc ở Bạch Đằng ta cũng nghĩ như vậy, nhưng bây giờ khác rồi.

Thái sư Hồng Hiến cũng không hiểu được ý nhà vua ra sao. Cả hai người cùng yên lặng chờ đợi.

— Các người nên nhớ, giặc Tống quỷ quyệt. Chia đường cùng tiến là nhằm xé nhỏ lực lượng của ta đó. Tuy đã thắng giặc ở Bạch Đằng, nhưng nếu chưa nắm chắc phần thắng đối với cánh quân bộ hùng mạnh của Hầu Nhân Bảo thì sao lại dám chia quân để mắc mưu của giặc. Bây giờ Hầu Nhân Bảo trúng kế của ta, đang tiến sâu vào đất chết. Đã đến lúc phải chia quân để diệt Trần Khâm Tộ!

Không lường được kế sách chống giặc của nhà vua biến hóa mau lẹ đến như vậy, Phạm Cự Lạng đưa mắt nhìn thái sư Hồng Hiến. Cùng một ý nghĩ như Phạm Cự Lạng, Hồng Hiến trình với Lê Hoàn:

— Tàu bè hạ, cứ như ngu ý của thần thì tập trung quân diệt Hầu Nhân Bảo ở đây là thượng sách. Trần Khâm Tộ nghe tin bộ binh bị đại bại tất sẽ lui quân chẳng cần phải điều quân cho một tướng sĩ.

Nhà vua khoát tay nhìn Hồng Hiến:

— Tập trung quân ở đây cũng thắng được giặc, nhưng là hạ sách. Ta không muốn thế. Để giặc ra vào an toàn như hành quân trên đất nước chúng là có tội với muôn dân. Thế của ta bây giờ khác lắm rồi. Phạm tướng quân phải điều gấp các đạo hậu bị về Tây Kết giữ chân Trần Khâm Tộ lại. Diệt xong Hầu Nhân Bảo ta sẽ hội quân hỏi tội chúng.

★
★★

Mặt trời đã xế. Đoàn kỵ binh cúi rạp người trên lưng ngựa lao về hướng đông nam. Sau lưng họ, bụi trắng cuốn cuộn thành một vệt dài trên đường thiên lý. Và, nơi rừng ải Bắc xa dần, chỉ còn lại một đường viền xanh sẫm dưới chân trời tháng ba trắng đục.

Sau hơn hai ngày đêm hành quân thần tốc, đến bây giờ người ngựa đều mệt mỏi. Một vài kỵ binh phải dừng lại bên đường với con ngựa kiệt sức. Đi giữa hàng quân, Lê Hoàn chăm chú nhìn về phía trước. Những cánh đồng xanh tươi, những doi đất thoai thoải phủ kín cỏ đồi, liên tiếp hiện ra hai bên đường không hề gợi lên trong trí nhà vua một hồi ức nhỏ về quê hương Châu Ái. Tâm trí nhà vua đang hướng về Tây Kết⁽¹⁾: « Nội đêm nay phải có mặt ở Tây Kết ». Nhà vua quay đầu lại. Mặt trời mỗi lúc một sa xuống vội. Con ngựa của nhà vua chồm lên. Một kỵ binh nữa đi trước lại ngã sóng sượt bên chiến mã khuyu gối. Nhà vua ghi cương, khoát tay, ra lệnh cho đoàn kỵ binh giục ngựa. Nhảy xuống cúi nâng người kỵ binh dậy, nhà vua vừa gạt mồ hôi ướt đầm hai bên má vừa hỏi:

— Có đau lắm không?

Người lính gượng cười cố giấu nỗi đau đòn và luyện tập:

— Muôn tâu, tôi không còn ngựa để theo về Tây Kết.

Một nét buồn thoáng hiện trong ánh mắt nhà vua: « Thế là vắng thêm một kỵ binh trên chiến trường Tây Kết ». Nhưng rồi ý nghĩ ấy tan biến ngay trong trí nhà vua, nhường chỗ cho một niềm kiêu hãnh — niềm kiêu hãnh của người đã rèn luyện nên những chiến binh sẵn sàng xông đến bất cứ nơi nào có giặc và biết làm

(1) Tây Kết, nơi đạo quân của Trần Khâm Tộ đóng giữ, thuộc Khoái Châu, (Hưng Yên cũ) Hải Hưng ngày nay.

nên mọi chiến thắng. Mới hai hôm thôi, trên chiến trường Chi Lăng, đội kỵ binh này đã vùng girom rạch nát cánh quân bộ của Hầu Nhân Bảo, xua chúng vào ổ mai phục, bắt tướng giặc phải đền tội. Khi được lệnh theo nhà vua kéo nhanh về Tây Kết để diệt Trần Khâm Tộ, những chàng kỵ binh này đã reo mừng khiến quân bộ phải ghen tức vì không có ngựa. Hôm trước, chính chàng kỵ binh vừa ngã ngựa này đã từng trêu quân bộ: «Đừng về Tây Kết nữa, hành quân thẳng về Hoa Lư nghỉ ngơi cho khỏe nhé!». Thế mà bây giờ... Đã đến người thứ mấy phải dừng lại? Nhà vua cảm thấy vô cùng thương mến những chàng trai ấy. Không lo thiếu lực lượng diệt Trần Khâm Tộ, mà nhà vua tiếc cho người con trai lỡ dịp. Cả một thời trai trẻ không rời giáp trụ, theo đuổi hoài bão lớn lao, nhà vua càng thông cảm với những chàng trai bất hạnh đó. Nhưng không còn cách nào khác, nhà vua vỗ vào vai người kỵ binh:

— Tuổi trẻ còn nhiều dịp lập công!

Nhà vua đưa mắt ra lệnh cho đoàn kỵ sĩ hộ vệ. Ngựa quay đầu hí vang. Năm con chiến mã đua nhau phi nước đại.

Ngồi lại bên đường, người kỵ binh trông theo. Nhìn ánh sáng lấp loáng từ bộ giáp trụ bằng đồng phản chiếu ánh nắng chiều mỗi lúc một xa, người kỵ binh nói một mình:

— Không biết con ngựa chiến có đưa được nhà vua về Tây Kết kịp trong đêm nay không?

★
★★

Chân trời phía đông đỏ ửng báo hiệu một ngày đẹp. Tây Kết đầy sương. Trong ngôi đình cổ, nơi được chọn

làm đại bản doanh. Trần Khâm Tộ ôm đầu lo nghĩ. Cứ như mọi hôm, vào lúc rạng đông mát dịu này, tên tướng giặc còn vui mình trong giấc ngủ muộn. Nhưng đêm nay, từ lúc đoàn thuyền chiến trên sông Cái bị đốt phá vào cuối canh ba, Trần Khâm Tộ mất ngủ. Mặc dù được tin: ngoài đám chiếc thuyền bị hỏng, còn lại đều nguyên vẹn, Trần Khâm Tộ vẫn tiên đoán có một điều bất hạnh nào đó sẽ xảy ra.

Từ biên Đông ngược dòng sông Cái về chiếm đóng Tây Kết, Trần Khâm Tộ chờ hai đạo thủy bộ từ các mặt Bắc và Đông Bắc tràn vào Đại Cồ Việt để cùng tiến về Hoa Lư. Đã hơn một tuần trăng, Trần Khâm Tộ án binh bất động. Tin Lưu Trừng bị thất bại trên sông Bạch Đằng có làm cho Trần Khâm Tộ suy nghĩ. Nhưng còn đạo quân bộ của Hầu Nhân Bảo. Tên tướng giặc tin rằng đạo quân ấy ngày một ngày hai sẽ về đây, không ai có thể cản nổi. Đã mấy hôm nay, quân Đại Cồ Việt của tướng Phạm Cự Lãng thường đến khiêu chiến. Trần Khâm Tộ truyền lệnh cho các bộ tướng không được khinh suất, phải cố thủ chờ đợi. Đêm nay quân Đại Cồ Việt đốt thuyền chiến. Tên tướng giặc chợt sợ, hạ lệnh triệu bộ tướng đang trấn giữ ngoại vi Tây Kết về bản doanh hội kiến. Nhưng không chờ Trần Khâm Tộ triệu gọi, Quách Quân Biện đã tự tìm đến gặp chủ tướng.

Thấy Quách Quân Biện, Trần Khâm Tộ giật mình vội hỏi:

— Có chuyện gì?

— Thưa ngài, Lê Hoàn vừa thần tốc đem quân về đây. Đạo quân của Giao Châu thủy lục chuyển vận sứ bị đại bại ở Chi Lăng, Hầu đại nhân đã tử trận!

— ???

Tên tướng giặc cúi đầu cố trấn tĩnh trước tin sấm sét bất ngờ ấy. « Đến nước này chỉ còn cách rút quân! Lê Hoàn làm sao đã điều quân về đây nhanh đến thế? Rút sao cho an toàn khi quân Đại Cồ Việt đã bắt đầu đánh phá thuyền chiến? » Hàng loạt suy nghĩ quay cuồng trong đầu tên tướng giặc. Nhưng rồi Trần Khâm Tộ vẫn còn đủ sáng suốt để nhớ đến đức bình tĩnh cần phải có của người cầm quân. Và, vào lúc lâm nguy lại càng không được hoảng hốt khiến quân sĩ hoang mang đến tự tan vỡ. Đeo thanh kiếm vào bên hông, Trần Khâm Tộ hỏi chậm rãi:

— Ta cần hỏi lại xem tin có xác thực không? Nhưng bất luận đúng sai, cũng không để cho tin đó loan truyền trong quân sĩ!

— Thưa ngài, một số quân lính của ta mới bị bắt ở đây trốn được về, mang tin truyền cho đồng đội.

Trần Khâm Tộ muốn nghe tận tai lời thuật của người biết chuyện. Năm tên lính Tống bị điều đến, đứng cúi đầu trước thềm ngôi đình cỏ. Tướng giặc quát hỏi:

— Các người nghe ra sao? Kẻ nào đã tận mắt trông thấy Lê Hoàn và kỵ binh Đại Cồ Việt?

Năm tên lính run bần bật. Biết không thể yên lặng được, tên lính nhiều tuổi nhất trong bọn phải lên tiếng:

— Thưa chủ tướng, vào khoảng quá nửa đêm Lê Hoàn đã dẫn kỵ binh về đây đóng chặt mọi. Thưa lúc quân Đại Cồ Việt vui như hội truyền cho nhau tin Hầu đại nhân bị hại ở Chi Lăng và vua của họ đã đem kỵ binh về Tây Kết, lũ chúng tôi trốn khỏi trại, trở về.

Trần Khâm Tộ quát tháo. Đôi mắt đỏ ngầu tròn xoe dưới cặp mày đen si dưng ngược, tên tướng giặc rút gươm. Người lính thuật chuyện rơi đầu. Trần Khâm Tộ quát bảo những tên còn lại:

— Nghe tin nhầm, rồi hoang truyền trong đồng đội, lũ chúng mày đáng tội chết!

Chỉ vào xác tên lính khốn nạn đổ gục bên vũng máu, Trần Khâm Tộ truyền tiếp:

— Trông đó làm gương! Tha chết cho lũ mày, về đội ngũ không được hoang truyền nhầm nhí!

Khi bốn tên lính bước khỏi sân đình. Trần Khâm Tộ tra gươm vào vỏ nói với Quách Quân Biện:

— Lê Hoàn quả là kẻ tri dũng. Trên dưới một tuân tâng, hắn đã phá được hai đạo quân thủy bộ của chúng ta, hãm Hầu đại nhân vào chỗ chết. Hắn đã đem quân kỵ về đây, sớm muộn chúng ta phải rút. Chuyện chiến thuyền bị đốt phá khiến ta lo nghĩ. Các người phải đôn đốc quân sĩ giữ vững ngoại vi, không cho chúng lọt vào bến. Còn ta sẽ điều khiển đoàn chu sư, giữ bên sông, sau khi dò xét kỹ tình hình sẽ liệu kế.

Tên tướng giặc đi kiểm tra đoàn thuyền chiến vừa kịp có mặt trong lầu thuyền chỉ huy thì chiến sự đã xảy ra ở ngoại vi Tây Kết. Trần Khâm Tộ hỏi hầu cận về sĩ và quân đội thủ túc lên bộ, chỉ huy việc chống giữ. Tiếng chiêng trống và hò reo mỗi lúc một gần. Từng tốp quân Tống lao về phía bến sông bị Trần Khâm Tộ chặn lại để lập thành đội ngũ.

Dưới ánh nắng của một ngày đẹp, những đám bụi trắng, những cột khói đen tung lên trên vùng trời Tây Kết.

Từ quá nửa đêm, vừa đặt chân đến Tây Kết, Lê Hoàn đã bàn với Phạm Cự Lạng tìm mọi cách truyền tin thắng trận Chi Lăng cho quân sĩ và báo tin cho giặc biết Hầu Nhân Bảo đã bị giết. Rồi nhân lúc giặc hoang mang rối loạn, nhà vua cùng Phạm Cự Lạng đem quân bất ngờ xông vào trại giặc.

Và, lúc này số phận đạo quân Trần Khâm Tộ hoàn toàn do Lê Hoàn định đoạt. Phạm Cự Lạng cùng tướng

lệnh đang điều quân đánh thốc vào sườn giặc. Trong một cồn cây rậm rạp ven bờ sông Cái ở mạn bắc Tây Kết, đoàn kỵ binh, giáp trụ chưa kịp rũ bụi, đã sẵn sàng chờ lệnh nhà vua. Bầy ngựa chiến rung bồm dậm chân tại chỗ. Những tia nắng sớm xuyên qua cành cây soi loang lổ trên lưng ngựa. Dưới gốc cây cổ thụ bên ven cồn, Lê Hoàn cạnh chiến mã đang hướng về Tây Kết. Nhà vua chờ đợi tin giặc rút để đến lượt mình dẫn đoàn kỵ binh xung trận.

Từ Tây Kết, một kỵ binh hối hả đến ra mắt:

— Muôn tâu, quân ta đã xé giặc làm đôi, đánh thốc vào đại bản doanh của Trần Khâm Tộ. Giặc bắt đầu rục rịch rút xuống thuyền. Phạm Tướng quân đã cho một đạo quân tiến vào bến.

Nhà vua gật đầu, khoát tay truyền lệnh xuất quân. Bầy ngựa chiến theo triều sông lao về bến Tây Kết. Dưới lưỡi gươm của kỵ binh Đại Cồ Việt, giặc xô nhau xéo lên xác đồng đội. Trong khoảnh khắc, nhà vua chiếm được bến sông. Trần Khâm Tộ đã thoát xuống thuyền. Tên tướng giặc hạ lệnh nhổ neo, dong buồm chạy thực mạng ra biển. Một số lớn quân giặc bị bỏ lại để nhuộm máu phơi xương trên đồng ruộng Tây Kết. Hai bộ tướng giặc, Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân, cho đến lúc nằm trong nhà ngục Hoa Lư vẫn còn nguyên rửa Trần Khâm Tộ đã bỏ rơi chúng ở chiến trường Tây Kết⁽¹⁾.

(1) Về trận Tây Kết, nhà sử học Ngô Sĩ Liên chép: « Vua đem các tướng đuổi đánh, quân của Khâm Tộ thua to chết đến quá nửa, thấy chết đầy đồng, bắt được tướng là Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư » (*Đại Việt sử ký toàn thư*, sách đã dẫn).

III

Lầu Đại Vân⁽¹⁾ cao vòi vọi, xinh xắn và nổi bật trong khu hoàng cung Hoa Lư mới dựng. Trên lầu cao nhìn xuống, các tòa điện Phong Lưu⁽²⁾, Tử Hoa⁽³⁾, Bồng Lai⁽⁴⁾, Cực Lạc⁽⁵⁾ từ bốn mặt châu vào tòa Bách Bảo Thiên Tuế⁽⁶⁾. Giữa những mái ngói màu đỏ sẫm quen thuộc nổi lên một mảng trắng lóng lánh của mái điện Long Lộc⁽⁷⁾ lợp bằng ngói bạc.

Tựa lan can trên hành lang lầu cao, Lê Hoàn cùng Đại sư Khuông Việt nhìn đội thiên tử quân đang điều hành dưới tầm mắt. Con đường rộng, thoai thoải từ hoàng cung dẫn xuống khu đất bằng phẳng dưới chân núi Đại Vân, rồi mất hút sau một mỏm đá. Xa hơn, núi non Hoa Lư lớp lớp đứng dựng. Một quãng tường thành mới đắp, hiện ra dưới chân hai khe núi. Hàng ngày vào những lúc rỗi rãi, sau buổi thiết triều, nhà vua lại rời tòa Bách Bảo Thiên Tuế đến ngôi lầu xinh xắn này để đọc sách hoặc cùng các vị pháp sư ngắm cảnh và đàm đạo việc nước.

Kể từ khi đánh thắng giặc ngoài đến nay, chưa đầy mười năm mà bộ mặt Hoa Lư đã thay đổi hẳn. Các công trình tu tạo: thành lũy, cung điện, đường sá, bến

(1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) Tên các điện mới xây dựng ở Hoa Lư. Theo *Đại Việt Sử ký toàn thư*, vào năm Giáp Thân (984) dựng nhiều cung điện: « làm điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân (thuộc Hoa Lư) cột điện dát vàng bạc, làm nơi coi châu, bên đông là điện Phong Lưu, bên tây là điện Tử Hoa, bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc, rồi làm lầu Đại Vân, rồi lại dựng điện Trường Xuân làm nơi vua ngủ; bên cạnh điện Trường Xuân lại dựng điện Long Lộc, lợp bằng ngói bạc ».

thuyền cho đến con người, tất cả đều đổi mới. Hoa Lư trở nên sầm uất, có bề thế đồ sộ của một nước hùng cường. Nhưng quan trọng hơn vẫn là những đổi thay đang diễn ra trên khắp nước Đại Cồ Việt. Sau những ngày chinh chiến, cuộc sống yên vui trở lại, nhà vua đã tìm cách khuyến khích mọi người đua nhau cày cấy, canh cửi⁽¹⁾. Các con đường thủy bộ được mở mang, nối liền kinh đô Hoa Lư với các đạo⁽²⁾. Hàng ngày dân bốn phương đổ về kinh thành tấp nập. Người dân Đại Cồ Việt ai mà chẳng tự hào vì đất nước đổi thay. Điều đó làm cho nhà vua vô cùng sung sướng, nhưng không phải vì thế mà đã yên lòng. Điều bận tâm nhất đối với nhà vua lúc này vẫn là chuyện biên cương. Các mặt tây, mặt nam, sau lần thân chinh của nhà vua năm Nhâm Ngọ⁽³⁾ đến nay đã tạm yên. Còn mặt bắc?

Nhà vua nói với Đại sư Khuông Việt:

— Năm Tân Tị⁽⁴⁾ đã thành chuyện cũ, mà việc biên cương vẫn chưa thật yên.

Thấy nhà vua nhắc đến nước Tống, Đại sư Khuông Việt tâu:

— Tàu bệ hạ, từ bấy đến nay, trong mối bang giao giữa hai nước, đã ba lần sứ Tống sang đây, chúng ta

(1) Đại Việt sử ký toàn thư (sách đã dẫn) chép việc năm Đinh Hợi (987) Lê Đại Hành bắt đầu cày ruộng tịch điền núi Đọi, núi Bàn Hải.

(2) Sách trên chép việc năm Quý Mùi (983) Lê Đại Hành cho làm xong «kênh mới trên đường biển» và nhân đi đánh Chiêm Thành «sai người đào đường kênh... thuyền bè đi lại đều được tiện lợi».

(3) Lê Đại Hành tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành (vì vua Chiêm bắt giữ sứ giả của nhà vua) thắng lợi vào năm Nhâm Ngọ (982).

(4) Tức việc đánh thắng giặc Tống năm Tân Tị (981).

đều tiếp đãi chu đáo, lại cho người sang đáp lễ khiến mối hòa hiếu giữa hai nước càng thêm bền chặt. Lần này được tin sứ Tống sang, bệ hạ đã sai nha nội chỉ huy sứ Đinh Thừa Chính đem chín chiếc thuyền và 300 người đến tận Thái Bình Quân⁽¹⁾ để đón. Điều đó khiến vua Tống phải hài lòng.

Nhà vua ngắt lời Đại sư Khuông Việt:

— Việc đón sứ như vậy là chu đáo, nhưng tiếp sứ ra sao ta phải bàn. Đại sư còn nhớ chuyện đón sứ năm Đinh Hợi⁽²⁾ chứ?

Thấy nhà vua nhắc chuyện cũ, Đại sư Khuông Việt đọc lại hai câu cuối trong bài thơ của sứ Tống năm đó là Lý Giác gửi cho pháp sư Đỗ Thuận:

« Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu

Khê đàm ba tỉnh kiến thiềm thu »⁽³⁾

Rồi tâu với nhà vua:

— Muôn tâu, ngày ấy bệ hạ đã sai pháp sư Đỗ Thuận làm giang lệnh đến tận chùa Sách⁽⁴⁾ để đón sứ. Rồi

(1) Liêm Châu, tỉnh Quảng Đông.

(2) Năm 987.

(3) Dịch: Ngoài trời lại có trời soi nữa

Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu)

(Theo lời dịch của Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn). Nhà sử học Ngô Sĩ Liên trong sách trên cho biết khi nhận được thơ của Lý Giác, pháp sư Đỗ Thuận dâng vua, «vua cho gọi nhà sư Ngô Khuông Việt cho xem, Khuông Việt nói: «Thơ này có ý tôn trọng bệ hạ không khác gì vua Tống». Vua khen ý thơ, ban tặng cho rất hậu.

(4) Chùa Sách thuộc một khúc sông Thương, vùng hạ lưu.

trong những ngày ở nước ta. Lý Giác tỏ lòng yêu mến đất nước này và kính phục bệ hạ nên mới có bài thơ ấy⁽¹⁾.

Nhà vua cười:

— Quả có thế! Trước đây, đã có lúc phải nói chuyện bằng binh khí. Đó là điều bất đắc dĩ. Vả, chuyện ấy như thế nào, nhà Tống cũng đã biết. Bây giờ bằng con đường giao hảo, ta vẫn lấy lễ để đối xử, mong giữ hòa hiếu chung. Nhưng cũng không phải vì thế mà để họ coi thường.

— Muôn tâu, phen này Tả chính ngôn Tống Cảo và Hữu chính ngôn Vương Thế Tắc sang, bệ hạ chưa cử người thù tiếp?

— Ta sẽ đích thân ra ngoài để đón, đại sứ nghĩ sao?

— Tâu bệ hạ, được thế hẳn là vinh hạnh lớn cho sứ Tống và càng làm cho họ thêm mến phục.

Chỉ tay về phía xa, nhà vua nói với Khuông Việt:

— Đại sứ xem!

Theo hướng tay nhà vua, Khuông Việt đại sứ nhìn về các ngọn núi. Khắp nơi cờ quạt cắm giăng hàng, quân lính chia nhau đồn trú mọi chỗ.

Nhà vua nói tiếp:

— Ta đã bàn với đại tướng Phạm Cự Lạng cho quân thủy bộ diên tập ngay tại kinh sư trong những ngày sứ Tống có mặt ở đây.

Hiểu rõ việc làm của nhà vua, Đại sứ Khuông Việt tỏ ý đồng tình:

(1) Về lần tiếp sứ này, nhà sử học Phan Huy Chú nhận xét: «Nhà Tiền Lê tiếp đãi sứ nhà Tống, tình ý và văn thơ rất là chu đáo. Khúc hát hay cũng đủ khoe có nhân tài, mà quốc thể được thêm tôn trọng, làm cho người Bắc phải khuất phục». *Lịch triều hiến chương loại chí*, (Sách đã dẫn)

— Tâu bệ hạ, chúng ta phải nhắc khéo cho nhà Tống đừng làm nghĩ rằng sau gần 10 năm ngừng chinh chiến, quân dân Đại Cồ Việt chỉ biết quen cầm cuốc cày mà đã quên mất cách dùng binh khí.

Như không để ý đến câu nói của Đại sứ Khuông Việt, Lê Hoàn nhìn lơ đãng:

— Để cho nước Đại Cồ Việt của chúng ta đời đời bền vững, để cho dân ta mãi mãi cất cao đầu cùng với núi sông hùng đẹp, thì làm gì mà chúng ta chẳng nên làm?

Rồi quay lại với đại sứ, nhà vua nói tiếp:

— Còn với sứ Tống lần này, thì có gì đáng để ta phải thù tiếp long trọng⁽¹⁾. Nhưng làm như vậy vẫn là đúng sách phải không Đại sứ?

Khuông Việt không trả lời, chỉ mỉm cười, lẩn tránh mặt. Vua tôi đều yên lặng cùng hướng về phía lưng trời. Một bầy chim lặn vào mây trắng đang rải cánh trong nắng vàng ươm của một ngày tháng chín. Từ bên ngoài thành có tiếng chuông chùa vọng lại.

Mưa hoa lau bắt đầu nổi. Xung quanh lầu Đại Vân, một màu trắng thanh nhã.

Đất trời Hoa Lư đẹp, thanh bình.

NGUYỄN ANH

(1) Về việc đón sứ lần này, Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (sách đã dẫn) chép và có nhận xét: «Bấy giờ sứ thần sang phong đều cũng giản dị nên nhà vua có ý coi thường (...) Nơi sứ quán, đồ cung tiếp không được đầy đủ. Khi sứ sắp vào đến thành mới có gian nhà lợp tranh để chữ «Mao kinh dịch» (trạm qua đường lợp cỏ tranh). Đến khi vua ra đón ở ngoài thành thì quân dung lộng lẫy, cờ xí dàn bày khắp nơi. Vua cùng bọn Tống Cảo gióng cương ngựa cùng đi. Đến cửa Minh Đức, vua nhận tờ chế đặt trên điện, không lay, nói thác rằng năm gần đây đánh nhau với giặc Man ngã ngựa bị thương ở chân. Bọn Cảo tin là thật...».

TÔ HIẾN THÀNH

1

Gió lạnh bên ngoài lùa vào tòa điện Thiên Khánh. Ngoài sân, những chùm lá kim tùng xanh tươi đu đưa trên thân cây khẳng khiu cằn cỗi, khoe sức chịu rét của họ nhà tùng. Trong điện, hơi lạnh như càng toát ra từ dãy bệ đá chạm rồng, từ những chân tảng chạm hình hoa sen xòe nở và từ hàng cột gỗ sơn son thếp vàng bóng lộn. Chìm trong tòa điện ngăn ngắt lạnh ấy, vua Lý Anh tông vẫn cảm thấy ấm áp. Chiếc lông ấp bằng đồng đen đặt trước ngai rồng tỏa hơi nóng dễ chịu. Trước mặt nhà vua, văn võ quần thần, theo chức vụ và thứ bậc, đứng vòng tay hoặc quỳ phục trên những tấm thảm điều trải thành hai dãy dọc bên tả hữu.

Khác với mọi buổi thường triều, hôm nay lệnh của Thái úy phụ chính Đỗ Anh Vũ truyền ra: nhà vua thiết triều ở điện Thiên Khánh để luận bàn việc quan hệ đến

an ninh của xã tắc. Với cái tuổi lên bảy⁽¹⁾, vua Lý Anh tông không hiểu được những nét lo âu đang hiện trên khuôn mặt của quần thần. Sau khi phục trước ngai rồng để xin lệnh nhà vua, Thái úy Đỗ Anh Vũ đứng dậy, xốc vánh đai nam ngọc đang trễ xuống ngang thắt lưng, đưa mắt nhìn một lượt khắp bá quan. Quyền uy to lớn của viên quan phụ chính này lại càng tăng lên gấp bội vì cái giọng sang sảng của ông ta:

— Dàng nghịch Thân Lợi tiếm xưng nguy hiệu, đã nhiều năm chiếm đóng vùng Thượng Nguyên, Hạ Nông⁽²⁾, mưu cướp kinh sư. Tháng tư năm ngoai⁽³⁾, nhờ oai linh của hoàng thượng, ta phá được chúng ở Lạng Châu⁽⁴⁾. Triều đình đã chém đầu kẻ đại nghịch Thân Lợi cùng 19 tên đầu sỏ khác. Nhưng hiện nay vẫn còn gần hai trăm đứa đồng đảng của nó bị giam trong ngục thất. Bây giờ phải tiếp tục trị tội chúng. Theo lệnh của hoàng thượng, chúng được tha tội chết, nhưng phải đày đi viễn châu, biệt tích khỏi kinh sư để trừ hậu họa!

Nghe nói đến đảng Thân Lợi, các quan rùng mình, không phải vì sợ Thân Lợi, mà lo cho cơ nghiệp nhà Lý tồn tại đã hơn 130 năm, vừa trải qua sóng gió vì mối họa tranh chấp, cát cứ, thì nay lại đang nghiêng ngả trước tệ nạn thao túng của viên quan phụ chính họ Đỗ.

(1) Lý Anh tông, tên là Thiên Tộ, con Lý Thần Tông, lên ngôi vua năm 3 tuổi (1138). Sử cũ ghi sự việc này vào tháng 12 Nhâm Tuất (1142), lúc này Lý Anh Tông đã 7 tuổi.

(2) Nay thuộc vùng Thái Nguyên.

(3) Tức năm 1141.

(4) Nay thuộc Lạng Sơn.

Nhà vua còn nhỏ tuổi, Đỗ Anh Vũ được thái hậu chiều chuộng, cất nhắc. Dựa vào thái hậu, cây thần, cây thế, Đỗ Anh Vũ làm nhiều điều trái đạo⁽¹⁾. Mầm loạn phát ra từ đó. Thấy Đỗ Anh Vũ làm việc ngang trái, quần thần không ai dám hé răng. Trong lúc mọi người cúi đầu bần khoản trước cái lệnh độc đoán hồ đồ, phát ra từ con người đang nắm mọi quyền uy trong tay, thì một viên quan đã đứng dậy, tiến thẳng đến trước ngai rồng. Bộ sắc phục võ tướng lại càng làm cho tấm thân vạm vỡ của ông thêm hùng dũng. Người đó là Tô Hiến Thành. Hàng trăm con mắt của bá quan dồn về ông. Lời phán xử của Đỗ Anh Vũ không làm cho Tô Hiến Thành vừa lòng. Theo ông, bọn phản nghịch kia là ai? Phải chăng đó là những bần dân cùng đường nên phải nổi loạn, đành chịu sự trừng phạt của triều đình. Vậy thì, trừng trị như thế nào để thu phục lòng người mới là khó. Dẹp loạn để yên thiên hạ, chứ không phải dẹp loạn để rồi lại dẹp loạn. Vì lo nghĩ đến vận mệnh của hàng trăm con dân bị giam trong ngục tối. Tô Hiến Thành bất chấp quyền uy của họ Đỗ, tiến lên tâu với nhà vua:

— « Đẳng Thân Lợi nổi loạn, giết nhiều quan quân, bệ hạ chỉ hành hình có 20 người, thực là có lòng nhân đức. Nhưng xưa kia, vua Nghiêu vua Thuấn truyền nối nhau trong vòng hơn một trăm năm, thế mà số người bị tội chết và bị tội lưu chỉ có 4 tên đầu sỏ hung ác. Ngày nay phát lưu đến hơn 100 người, có phải là bản

(1) Theo tài liệu của sử cũ, mẹ Lý Anh tông là Lê Thái hậu phải lòng Đỗ Anh Vũ nên chiều chuộng, cất nhắc, do đó Đỗ Anh Vũ kiêu rông và lấn lướt.

tâm của bệ hạ đâu? Tôi xin tha tội cho chúng, để mọi người được thấm nhuần ơn vua, thì lòng nhân đức của bệ hạ không khác gì Nghiêu Thuấn »⁽¹⁾.

Lời tâu của Tô Hiến Thành khiến bá quan kinh ngạc. Ngang nhiên chống lại lệnh của Thái úy họ Đỗ, Tô Hiến Thành khó tránh được tai vạ. Quả nhiên, thoát nghe Tô Hiến Thành tâu bày, viên quan phụ chính đã tái mặt. Thừa biết họ Tô mượn lời tâu với nhà vua để chống lại mình, một ý nghĩ đen tối vụt nảy ra trong đầu óc viên phụ chính nham hiểm: buộc ngay Tô Hiến Thành vào tội bao dung quân phản nghịch! Nhưng Đỗ Anh Vũ lại chợt nhớ ra rằng chính con người ấy chẳng những ở triều đình, mà ở đâu cũng thế, vẫn có tiếng là cương trực. Chạm đến con người này không phải dễ. Đỗ Anh Vũ đành gượng gạo đổi nét mặt, nhân nhục im lặng, chờ cái gât đầu vô tình của ông vua nhỏ tuổi đang ngồi trên hư vị.

Cũng từ buổi triều hội ấy, văn võ quần thần lại càng thêm mến phục viên võ quan đất Ô Diên⁽²⁾, con người chỉ biết nói và làm theo chính nghĩa, bất chấp mọi quyền uy, dù là của thần linh⁽³⁾ hay của con người có quyền cao chức trọng trong triều đình.

(1) Nguyên văn theo lời dịch của *Việt sử thông giám cương mục*, sách đã dẫn.

(2) Tô Hiến Thành, hiệu là Phi Diên, sinh ở huyện Ô Diên, làng Hạ Mỗ, nay là thôn Hạ Mỗ, xã Hồng Thái, huyện Đan Phượng, Hà Tây.

(3) Theo truyền thuyết địa phương, Tô Hiến Thành đã từng đập phá lư hương, đóng cửa ngôi miếu thờ một vị thần bất lực trong việc diệt trừ trộm cắp, mặc dù vị thần này báo mộng dọa Tô Hiến Thành là sẽ giết chết 2 con gái của ông.

Ngon cờ sùy bay phần phật trên lầu thuyền đô tướng⁽¹⁾. Biển đông bao la, mặt nước sôi động. Nhìn những đợt sóng hung dữ, Tô Hiến Thành nhớ lại chuyện cũ. Cái chết oan khốc của Nguyễn Quốc qua rồi, nhưng mỗi khi nghĩ lại, không khỏi làm cho Tô Hiến Thành rùng mình. Cũng chỉ vì để cứu vãn nguy cơ sụp đổ của triều đình, để ngăn chặn việc lộng quyền của họ Đỗ mà Nguyễn Quốc bị hãm hại⁽²⁾. Nghĩ lại điều đó, Tô Hiến Thành còn băn khoăn chưa vừa lòng với mình. Trong những ngày tên hung bạo Đỗ Anh Vũ nấp dưới bóng Thái hậu, gieo tai vạ oan khốc cho biết bao nhiêu người, ông có lưu tâm suy nghĩ, nhưng chưa tìm được cách sớm diệt trừ kẻ nanh độc để cứu vớt người trung lương. May thay, trời đất không dung tha kẻ gian ác! Tên lộng quyền Đỗ Anh Vũ đã chết⁽³⁾, việc triều đình cũng đã yên.

(1) *Việt sử thông giám cương mục* chép tháng 11 năm Tân Tị (1161) « Sai bọn Thái úy Tô Hiến Thành đi tuần vùng biên giới ». « Dùng Tô Hiến Thành làm đô tướng, Đỗ An Di làm phó tướng, đem hai vạn quân đi tuần hành... ».

(2) *Việt sử thông giám cương mục* chép việc này, vào tháng 2 năm Đinh Sửu (1158, như sau : « Đỗ Anh Vũ giết Nguyễn Quốc — Trước kia, Nguyễn Quốc đi sứ Tống về nói nhà Tống đặt cái hòm đồng ở sân điện để nhận những tờ sớ tâu của bốn phương. Vậy ở ta, để thông đạt tình hình kẻ dưới, cũng xin phỏng theo mà làm như thế. Nhà vua theo lời (...) Bấy giờ có bức thư nặc danh nói Anh Vũ làm loạn. Tim bắt người viết thư ấy không được, Anh Vũ nghi cho Nguyễn Quốc, bèn vu cáo cho Nguyễn Quốc làm việc này, rồi buộc vào tội, phát lưu đi trại Thanh Hóa. Chưa được bao lâu, nhà vua cho vời Nguyễn Quốc về. Anh Vũ lại sai lấy rượu chế thuốc độc đưa cho Nguyễn Quốc. Nguyễn Quốc biết mình không thoát, liền uống thuốc độc chết ».

(3) Đỗ Anh Vũ chết tháng 8 năm Đinh Sửu (1158), sử cũ không chép rõ nguyên nhân.

Giờ đây, trước mắt Tô Hiến Thành, cảnh đất nước bao la hùng vĩ đang lướt từ từ qua khung cửa của lầu thuyền. Để gìn giữ cho giang sơn yên vững, Tô Hiến Thành được nhà vua giao cho cầm hai vạn quân đi tuần du phòng bị vùng biên giới tây nam và vùng ven biển của Tô quốc. Đối với Tô Hiến Thành, cuộc đời cầm quân đi đánh đông dẹp bắc, phá tan giặc thù, trở về dâng công, lâu nay đã trở thành việc thường⁽¹⁾. Nhưng riêng lần này, Tô Hiến Thành lại được nhà vua thân tiễn đến tận cửa Thần Đầu⁽²⁾. Trước mặt Tô Hiến Thành, vua Lý Anh Tông bước ra mũi thuyền nhìn vào đất liền, lá áo long cồn và dải vương miện bay lất phất. Tô Hiến Thành xốc gươm bước theo. Chỉ tay vào bờ, ông vua trẻ tuổi hỏi viên lão tướng :

— Tướng quân có lần nào qua vùng đất này?

— Tàu bệ hạ, hồi đầu năm, vâng lệnh của bệ hạ đi tuần duyệt quân lính, thần có dịp kinh lý qua đây. Vùng này là cửa biển Thần Đầu. Người ta nói ở đây có sông thần hiểm nghèo. Nhưng, tàu bệ hạ, với những chiến thuyền vững chắc, hàng chục mái chèo và có tay lái thiện nghệ của ta, điều đó không có gì đáng ghê sợ cả.

Lý Anh Tông gật đầu, tỏ ý tán thưởng rồi nói với Tô Hiến Thành như truyền lệnh :

— Phen này, giao cho tướng quân cùng Đỗ An Di đi tuần du phương nam. Các người hãy gắng sức làm tròn phận

(1) Trong cuộc đời làm tướng của Tô Hiến Thành, năm Kỷ Mão (1159) ông đánh tan giặc Ngưu Thống và Ai Lao vào cướp phá biên giới phía Tây, năm Tân Tị (1161) cầm quân đi tuần du mặt biên giới phía tây nam và ven biển, năm Đinh Hợi (1167) đánh Chiêm Thành thắng lợi.

(2) Thuộc địa phận Yên Mô, Ninh Bình ngày nay. Nhà Lê đổi là cửa biển Thần Phù, sau này là cửa Chính Đại.

sự, tuyên cáo cho dân miền ven biển biết ân đức của triều đình mà yên ổn làm ăn để cùng hưởng thái bình, khỏi phụ lòng mong đợi của trăm.

Vua Lý Anh Tông còn trẻ tuổi⁽¹⁾, chỉ mới nghĩ đến giữ yên thiên hạ, còn Tô Hiến Thành, với chức vụ thái úy tham dự việc triều chính, lại nghĩ điều xa hơn. Mỗi lo chính hiện nay là từ bên ngoài. Giặc Chiêm Thành thường theo đường biển tràn vào cướp bóc. Nếu không sớm phòng giữ, một khi giặc đến xâm chiếm thì đất nước và trăm họ sẽ ra sao? Cho nên lần này được nhà vua cử đi tuần phòng ven biển, Tô Hiến Thành đã dự liệu mưu kế, nhằm dập tắt việc quấy nhiễu đánh phá nước Đại Việt của chúa Chiêm. Còn để yên dân thì trước hết nhà vua hãy bớt xây dựng đài các, chăm sóc muôn dân, sáng suốt dùng người hiền tài, trừng trị kẻ xu nịnh⁽²⁾. Nghĩ vậy, Tô Hiến Thành tâu với nhà vua:

— Muôn tâu, bệ hạ giao cho thần cầm quân đi tuần du phương nam, lại thân đi tiên chân đến cửa biển xa xôi này, ơn trách vô về của bệ hạ đối với thần thật đã quá sâu nặng. Nay trong nước đang yên ổn, tuy vậy chưa phải đã hết mối lo. Bệ hạ không nên xa rời kinh thành lâu ngày, xin hãy sớm về với triều đình. Mọi việc ở biên cương thần xin gắng sức lo liệu.

(1) Năm ấy (1161) vua Lý Anh Tông mới 26 tuổi.

(2) Sử gia Ngô Thì Sĩ bàn về Lý Anh Tông như sau: « Xét đời Lý Anh Tông, sử cũ chép hai lần dựng miếu, ba lần làm đền thờ, sáu lần đóng thuyền, còn làm chùa, chữa chùa, đắp đàn tế, xây cổng thành, làm kho, bắc cầu mỗi thứ một lần; còn công việc làm cung điện, dinh thự thì đến 10 lần; mà đài các nguy nga, hồ đình rộng rãi, không có lần nào phi bằng lần này. Ôn trách họ Lý đối với dân đến đây tiêu ma hết cả ». *Việt sử thông giám cương mục*, sách đã dẫn.

Chiếc lâu thuyền dò tướng hướng mũi vào đất liền. Tô Hiến Thành phát cờ lệnh truyền cho đoàn thuyền chiến cập bến, rồi chấp tay tâu với nhà vua:

— Thần đã giao cho phó tướng Đỗ An Di đem quân bộ đến vùng này dựng hành cung và truyền cho quân dân nghênh đón xa giá. Hội quân ở đây, thần sẽ chia hai đường thủy bộ đi tuần du phía Nam.

Đoàn thuyền chiến của Tô Hiến Thành đưa nhà vua vào cửa biển Thần Đầu. Trên bờ, cánh quân bộ do Đỗ An Di điều khiển đã chờ sẵn. Hành cung vừa mới dựng, còn tươi màu gỗ mới, thấp thoáng hiện ra sau lùm cây xanh tốt. Cờ xí dập dờn. Và ánh nắng của một ngày mùa đông đẹp trời cũng không xua hết giá lạnh trên dải đất miền ven biển xa xôi này⁽⁴⁾.

3

Đỗ Thái hậu⁽²⁾ ủ rũ trong nếp khăn tang, trao thái tử Long Cán⁽³⁾ cho người nhũ mẫu. Thái tử mới lên ba, thét lên đầy dựa đòi mẹ. Người nhũ mẫu và đoàn nữ tỷ luống cuống sợ hãi. Nghe tiếng gào thét của con, Đỗ Thái hậu càng xao xuyến lo ngại. Quay lại nhìn con, Thái hậu thở dài... Nhà vua vừa mới băng hà⁽⁴⁾, Thái tử

(1) Sử cũ chép việc này vào tháng 11 năm Tân Tị (1161). Để ghi nhớ công ơn Tô Hiến Thành trong việc gìn giữ mặt biển, ở làng Vích (Lạch Trường — Thanh Hóa), làng Đa Văn (Hải Châu, Tĩnh Gia, Thanh Hóa) còn có đền thờ ông.

(2) Vợ Lý Anh tông.

(3) Con thứ của Lý Anh tông, về sau được tôn làm vua, tức là Lý Cao tông.

(4) Lý Anh tông mất năm 1175.

còn trừng nước. Bà lo cơ nghiệp của dòng họ Lý không khéo đến rơi vào tay kẻ khác, và mẹ con bà cũng không được toàn tính mạng. Khi nhà vua còn sống, nghĩ đến điều này, đã nhiều lần bà xin lập ngay con trưởng của vua là Long Sưởng làm thái tử, nhưng nhà vua không nghe. Thường ngày, nhà vua vẫn nói với tể thần: « Thái tử là cội gốc của nước. Long Sưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Cán được nối ngôi báu, nhưng hắn còn nhỏ tuổi, e chưa gánh vác nổi, nếu đợi đến lúc lớn lên thì trẫm đã già rồi, biết làm thế nào? »⁽¹⁾. Cho đến lúc nhà vua sắp qua đời, bà lại vật mình bên long sàng, khóc lóc cố xin lập Long Sưởng, nhưng nhà vua không nghe, còn phán bảo: « Long Sưởng làm con đã bất hiếu, còn cai trị dân thế nào được »⁽²⁾. Rồi đó, nhà vua để di chiếu truyền ngôi cho đứa con vừa lên ba tuổi. Đó là thái tử Long Cán đang dầy dụa, hờn dỗi trên cánh tay người nurse. Việc đã rồi, biết tự mình khó xoay chuyển được tình thế, Đỗ Thái hậu chỉ còn trông đợi ở thái độ quan Nhập nội hành khiển kiêm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự Tô Hiến Thành — người đã nhận cố mệnh của nhà vua phò giúp thái tử Long Cán.

Biết Tô Hiến Thành là người cương trực, từ nhà vua cho đến quần thần ai cũng kính phục, bà thấy không thể dùng lời nói của mình để lay chuyển được. Đỗ Thái hậu đã lập mưu cho người đem vàng bạc đút lót Lã thị — vợ quan phụ chính họ Tô, cậy Lã thị nói với

(1,2) *Việt sử thông giám cương mục* (sách đã dẫn) chép: « Long Sưởng tư thông với cung phi, nhà vua không nỡ bắt tội chết, truất bỏ làm kẻ thường dân và cầm tù ». Những đoạn vẫn trong ngoặc kép, trích theo nguyên văn bản dịch của sách trên.

chồng. Bằng kế ấy, bà hy vọng ngôi vua có thể về tay Long Sưởng. Nhưng sự việc lại diễn ra trái với điều mong đợi của bà.

Nhận được vàng bạc và lời thỉnh cầu của Đỗ Thái hậu, Lã thị nhắm lúc Tô Hiến Thành đang vui với chén rượu, lựa lời báo cho chồng biết có quí vật của Thái hậu ban cho. Tô Hiến Thành bình thần hỏi vợ:

— Thái hậu ban cho vật phẩm? Đưa ta xem!

Lần lượt cầm từng nén vàng óng ả lên tay rồi lại đặt xuống, Tô Hiến Thành lạnh lùng đẩy món quí vật ấy ra xa:

— Thái hậu có truyền bảo điều gì không?

Lã thị dè dặt thuật lại điều Thái hậu nhờ cậy.

Không đợi cho vợ kể hết lời, Tô Hiến Thành đã quắc mắt. Nét mặt đang vui tươi hồng hào bỗng xám lại vì giận dữ. Cầm tráp vàng bạc quăng vào một góc phòng, Tô Hiến Thành quát bảo vợ:

— « Ta là bậc đại thần, vâng mệnh tiên đế phò giúp cháu chúa, nếu nay nhận của lót mà làm việc phế lập thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế dưới suối vàng »⁽¹⁾.

Suốt mấy ngày liền, Tô Hiến Thành không nói với vợ một lời. Ông chưa nguôi giận người vợ đã mờ tối vì tiền, nhận của phi nghĩa để khuyên chồng làm điều trái đạo.

Sự tình ấy có làm cho Đỗ Thái hậu băn khoăn, nhưng chưa phải đã tuyệt vọng. Bà thầm nghĩ: tiền của, danh vọng, ai mà không ham muốn. Đường đường là bậc Thái hậu, châu báu vàng bạc trong kho bà cho ai mà chẳng được, chức tước của triều đình bà đặt vào tay ai mà không nên. Đối với Tô Hiến Thành, tuy cương trực, nhưng

(1) Nguyên văn theo lời dịch của *Việt sử thông giám cương mục*. Sách đã dẫn.

năm nén vàng không lay chuyển lời thì với mười nén vàng, bảo gì ông ta chẳng nghe. Vì vậy hôm nay bà ra lệnh với Tô Hiến Thành vào hoàng cung để bàn chuyện.

Đỗ Thái hậu đang bận khoản chờ đợi thì người lĩnh thi vế vào tâu: quan Nhập nội hành khiển đã đến hầu Thái hậu quát bảo:

— Sao không mời ngài vào đây theo lệnh của ta?

— Tâu Thái hậu, quan nhập nội hành khiển truyền bảo: nhà vua mới băng hà, ngài không có việc gì để vào hậu cung, xin đợi lệnh của Thái hậu ngoài sân đường.

Đỗ Thái hậu thở dài: — À ra thế! rồi truyền cho nữ tỳ đem tráp vật phẩm đi theo.

Thấy Tô Hiến Thành mặc tang phục, chân đi hài cỏ Đỗ Thái hậu chột dạ. Nhưng số vàng bạc châu báu đã sửa soạn sẵn trong tay lại làm cho bà trở nên mạnh dạn:

— Tôi kính chào quan Nhập nội hành khiển!

Tiếp theo là giọng cười đon đả của bà. Tô Hiến Thành vội vã chấp tay vái chào đáp lễ.

— Được lệnh của Thái hậu, thần kịp đến hầu, dám xin Thái hậu phán bảo.

Đỗ Thái hậu gật đầu tỏ ý hài lòng. Sau khi mời Tô Hiến Thành ngồi yên vị, theo thói quen, bà quắc mắt nhìn quan hầu, khiến mọi người sợ hãi lùi ra khỏi sân đường. Trong phòng chỉ còn lại Thái hậu và quan phụ chính đại thần. Bằng một giọng nhỏ nhẹ, dịu dàng nhưng vẫn với phong độ của bậc mẹ thiên tử, Đỗ Thái hậu nói với Tô Hiến Thành:

— Quan Nhập nội hành khiển! Nhà vua vừa mới băng hà, việc chọn người cầm quyền giữ nước là hệ trọng, chỉ có ngài là người đủ sáng suốt và quyền uy để tham dự bàn bạc. Chẳng hay ngài có thể vì trăm họ mà giúp đỡ mẹ con tôi được không?

Nghe lời Đỗ Thái hậu, nhớ lại điều thỉnh cầu hôm trước, Tô Hiến Thành lo lắng lựa lời ngăn chặn:

— Tâu Thái hậu, ngôi thiên tử đã có di chiếu của tiên đế định đoạt rồi. Là phận bề tôi, hạ thần đâu dám tiếc sức để phò vua giúp nước, giữ yên thiên hạ.

Đỗ Thái hậu cố giữ vẻ bình thản. Lặng đi hồi lâu, bà từ từ nâng áo tay rộng che ngang mặt như để xóa sạch nỗi đau khổ đang dày vò mình. Nét mặt của người đàn bà ngoài 40 tuổi ấy bỗng trở nên ủ rũ tiêu tụy lạ thường. Nhìn thẳng vào vị lão quan phụ chính ngồi đối diện, Đỗ Thái hậu kể lể:

— Nếu như vậy thì mẹ con tôi chẳng phải thỉnh cầu đến công sức và quyền uy của ngài. Long Sưởng hay Long Cán cũng đều là con tôi cả. Nhưng Long Sưởng vẫn là con trưởng. Theo tục lệ từ thượng quốc truyền dạy: ngôi kế vị phải thuộc về con trưởng. Chẳng qua khi còn sống, tiên đế phán quyết không mình, lại thiếu người can gián, nên làm lạc, để di chiếu truyền ngôi cho Long Cán. Tuy vậy, nay có thay đổi cũng không muộn. Tôi mong ngài giúp tôi lập lại Long Sưởng. Cái ơn ấy mẹ con tôi không bao giờ quên.

Tô Hiến Thành từ tay vào án thư, ngả người về phía sau, chau mày suy nghĩ: «Lời lẽ của Thái hậu xằng bậy, không thể chấp nhận được. Tiên đế không lập Long Sưởng là vì Long Sưởng không có đức. Vả lại, cứ gì phải con trưởng? Ai có tài đức thì trao ngôi, trưởng hay thứ cũng vậy thôi. Ngày xưa, vua Nghiêu vua Thuấn đã không truyền ngôi cho con mà lại truyền ngôi cho người hiền thì sao? Việc gì cứ phải theo tục lệ của thượng quốc mới được!». Nghĩ vậy, Tô Hiến Thành chột thấy bức bối. Tuy nhiên, là kẻ bầy tôi, Tô Hiến Thành vẫn không dám bài bác nặng lời. Ông dựa vào di chiếu của nhà vua để từ chối:

— Tâu Thái hậu, làm như vậy còn tờ di chiếu của tiên đế thì sao?

Thấy thái độ chần chừ, dè dặt của Tô Hiến Thành, Đỗ Thái hậu mở tráp châu báu và nói ngọt ngào:

— Ngai không ngại. Vàng bạc, chức tước của triều đình mẹ con tôi không tiếc đối với công ơn của ngai thì còn tiếc gì tờ di chiếu!

Thái hậu ngừng lại. Cặp mắt dài nhọn nấp trên hai gò má dò cao của bà bỗng nhiên mở rộng, sắc sảo lạ thường. Đôi con ngươi bạc mầu đảo nhìn quanh phòng một lượt rồi dừng lại, soi thẳng vào Tô Hiến Thành, Thái hậu nói nhỏ giọng:

— Hiện nay di chiếu trong tay ngai, triều đình chỉ nghe nói, làm sao biết rõ được. Ta cứ đóng cửa hoàng thành, mở triều hội làm lễ đăng quang cho thái tử Long Sưởng, rồi sau đó bố cáo cho thần dân biết. Ai dám chống lại? Các quan trong triều, kẻ nào không chấp nhận, bắt quả công khổ chỉ mất thêm ít lạng vàng và ta ban cho chức tước là trong ấm ngoài êm cả. Như vậy mẹ con tôi cũng yên ổn mà ngai thì sẽ được vinh hoa phú quý trọn đời, còn truyền lại cho con cháu mai sau nữa!

Nghe lời của Thái hậu Tô Hiến Thành tưởng như đối diện với một hung thần đang giơ nanh vuốt độc ác, hồng cào xé lương tâm trong sáng của mình. Nhưng trước mặt ông không phải là ma quỷ, mà là một con người. Con người ấy chỉ vì lợi ích của riêng mình mà mưu chuyện thay bực đổi ngôi. Đã vậy lại còn dám đem vàng bạc trong công khố, lấy chức tước của triều đình để mua chuộc lòng người, lấp liếm việc làm điên đảo. Thái hậu nghĩ về Tô Hiến Thành như thế nào mà dám đem điều đó ra bàn bạc? Không nén được

giận, Tô Hiến Thành buộc phải nói lên tiếng nói của lòng mình. Ông cười khinh bạc, quay mặt đi trả lời:

— «Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, có lẽ nào hạng trung thần nghĩa sĩ lại vui lòng mà làm được, huống chi lời tiên đế còn văng vẳng bên tai! Thái hậu chẳng nghe nói về chuyện Y Doãn Hoắc Quang đấy ư?⁽¹⁾ Tôi đây không dám vâng lời.⁽²⁾»

Hơn nữa, không chỉ là chuyện di chiếu mà điều quan trọng là chọn người giao việc lớn nên Tô Hiến Thành không muốn lập Long Sưởng. Giọng nói của Tô Hiến Thành sang sảng, vang động cả sảnh đường. Ông nói dường như không phải chỉ để cho Đỗ Thái hậu nghe, mà còn cho người đã chết và cả người mai sau nghe biết nữa. Từ đó Đỗ Thái hậu mới biết rằng tiền tài danh vọng và cả quyền uy, không phải là điều có thể dùng để sai khiến ai cũng được. Cũng từ đó, ý nghĩ nhờ cậy Tô Hiến Thành lập Long Sưởng lên làm vua dứt hẳn trong đầu óc của bà.

4

Nắng hàng tháng rờn. Vào buổi trưa, nắng hè lại càng gay gắt, đảo đẽ hơn. Thăng Long như ngừng lại trong hơi nóng hầm hập. Cây cối rũ lá, đứng im lìm. Chỉ có tiếng ve kêu ra rả.

Cũng hàng tháng nay, Tô Hiến Thành lâm bệnh. Giờ đây ông đang miên man, chợt tỉnh chợt mê trên giường

(1) Y Doãn — bầy tôi nhà Ân, Hoắc Quang — bầy tôi nhà Hán, đều là những người trung thần.

(2) Nguyên văn theo lời dịch của *Việt sử thông giám cương mục* (sách đã dẫn).

bệnh trong một căn phòng tĩnh mịch, mà theo lệnh của triều đình, quan Thái y đã dành riêng cho ông tĩnh dưỡng. Canh giương, quan Tham tri chính sự Vũ Tán Đường cầm quạt lông đang phe phẩy cho người bệnh.

Từ khi lâm bệnh, Tô Hiến Thành đã có ý muốn về quê nhà nhưng Thái hậu không nghe, giữ ông lại, giao cho quan ngự y trông nom thuốc thang và còn phái hầu viên đại thần họ Vũ đến săn sóc hầu hạ.

Hơi gió động khiến Tô Hiến Thành giật mình thure dậy. Gió quạt nhẹ nhẹ có làm cho ông dễ chịu. Mở mắt thấy quan Tham tri chính sự đang quạt cho mình, Tô Hiến Thành khẽ lắc đầu, tỏ ý không bằng lòng Ông trách móc qua giọng nói yếu ớt:

— Quân hầu đi đâu cả, phải phiền đến ngài?

Vũ Tán Đường không ngừng quạt, một tay khẽ kéo tấm gối bọc gấm xô lệch dưới món tóc bạc lòa xòa của quan phụ chính và đáp:

— Xin ngài đừng bận tâm đến chuyện nhỏ nhặt ấy. Đây là phận sự của tôi đối với ngài. Cả triều đình ai cũng mong ngài chóng bình phục để giúp rập nhà vua trông nom việc nước.

Không trả lời, Tô Hiến Thành nhắm mắt, mệt mỏi. Nghe Vũ Tán Đường nói đến việc nước, ông lại băn khoăn lo lắng. Trọn đời lo toan chèo chống giữ gìn và xây dựng đất nước trải ba triều vua⁽¹⁾, đến nay ông kiệt sức. Về già, bệnh tật ngày một nhiều, ông biết cái chết đã đến gần. Nhà vua còn nhỏ tuổi⁽²⁾ không biết sau khi ông nhắm mắt, có chọn được người xứng đáng tin cậy để ủy thác việc lớn hay không? Lần lượt các bậc đại thần hiện ra trong trí ông. Thái sư Đỗ An Di,

(1) Tức Lý Thần Tông, Lý Anh Tông và Lý Cao Tông.

(2) Lúc này Lý Cao Tông mới lên 7 tuổi.

em ruột Thái hậu, là bậc cao niên, đã từng trải, biết việc nhưng lại hay nể nang, chỉ làm theo ý Thái hậu, không dám can ngăn một lời. Lý Kinh Tu là người học rộng đức cao, thông thạo mọi điều, nhưng lại không quyết đoán, nhiều khi lỡ việc. Chỉ có gián nghị đại phu Trần Trung Tá là người hiểu biết, sắc sảo, dám mạnh dạn nói lên lẽ phải, và khi cần có thể đem thân mình để can gián nhà vua. Con người ấy được cả triều đình mến phục. Còn Tham tri chính sự Vũ Tán Đường... Một mỗi vì suy nghĩ, ông thiếp đi lúc nào không biết. Cho đến khi có người lay gọi, ông uể oải mở mắt nhìn. Vẫn Tham Tri chính sự Vũ Tán Đường tay bưng chén thuốc, đang cúi mình bên giường bệnh. Nhận thấy nét lo âu hiện trên khuôn mặt Vũ Tán Đường, Tô Hiến Thành gắng tỉnh tỉnh cho vui lòng người đang hết sức tận tụy với mình.

Từ khi được Thái hậu giao cho việc chăm sóc quan phụ chính, Vũ Tán Đường không mấy khi rời phòng bệnh. Không phải chỉ làm tròn phận sự của triều đình giao cho, mà Vũ Tán Đường, trong những ngày săn sóc quan phụ chính, còn biểu lộ tình cảm chân thành của mình đối với người mà ông hằng mến phục vì tài đức. Tô Hiến Thành biết rất rõ điều đó và càng thêm quý mến, biết ơn quan tham tri chính sự. Tiếc rằng Vũ Tán Đường là người có đức hạnh, nhưng lại không đủ tài cao để đảm đương việc lớn...

Cho đến một hôm, bệnh tình của Tô Hiến Thành trở nên nguy kịch, Đỗ Thái hậu đến thăm. Theo sau bà là một đoàn nữ tỳ và quan thị vệ mang tàn quạt hầu hạ.

Biết có Thái hậu đến, Vũ Tán Đường ra tận thềm đón. Được xuống võng, như không để ý đến cái vái dài đến gấp khúc người lại của Vũ Tán Đường, Đỗ Thái hậu hất hàm hỏi:

Bệnh tình quan thái úy có thuyên giảm đi chút nào không?

— Tâu Thái hậu, quan thái úy khó qua khỏi.

Một tiếng thở dài, tiếp theo là lời kêu than: Trời ơi! Thái hậu đi thẳng vào phòng bệnh. Quân hầu tất tả bước theo, còn thân nhân của thái úy Tô Hiến Thành rút rè, sợ sệt, đứng nép vào một chỗ.

Ngồi lặng đi hồi lâu trên chiếc kỷ bợc gấm ngồi cạnh giường bệnh, Thái hậu nhìn viên đại thần già nua, xanh xao nằm bất động dưới làn chăn mỏng. Đã mấy lần bà định vén tay áo lay gọi quan thái úy nhưng lại thôi. Bà không muốn làm khuấy động cái yên tĩnh cần thiết đối với một người mà bà vẫn kính phục, tuy thâm tâm bà không mến lắm. Bà kính nể Tô Hiến Thành vì tính cương trực, đạo đức cao cả của ông, nhưng bà không ưa ông vì ông là người khó bảo. Mặc dù vậy, bà cũng thấy con người đang hấp hối ấy đã hết lòng vì nước. Nhờ có ông, giang sơn và cơ nghiệp nhà Lý mới còn được vững vàng như bây giờ. Con người ấy qua đời, triều đình biết chọn ai làm người thay thế?

Thấy Thái hậu dè dặt, Vũ Tán Đường khẽ lay vai người bệnh gọi nhỏ:

— Quan Thái úy! Quan Thái úy!

Đôi mắt sâu thẳm và mờ đục của Tô Hiến Thành từ từ mở. Thái hậu ghé sát gần Tô Hiến Thành nghen ngào:

— Quan Thái úy! Ngài có nhận ra tôi không?

Tô Hiến Thành gật đầu, cố gượng cất tay để đáp lễ. Nhưng đôi tay của ông như gắn chặt xuống giường. Ông chỉ nói thều thào qua đôi môi khô ráo:

— Tâu... Thái hậu...

Đặt tay lên vai Tô Hiến Thành, Thái hậu muốn nói một điều gì, nhưng lại ngập ngừng. Vẫn theo thói quen,

bà quắc mắt đảo nhìn mọi người. Khi ai nấy đã rút ra khỏi phòng, Thái hậu nâng tay áo lau nước mắt, rồi cầm tay quan phụ chính hỏi:

— Nếu có cơ sự nào, ai là người có thể thay ngài làm Tướng quốc?

Khuôn mặt mệt mỏi của Tô Hiến Thành chợt bừng dậy. Sau một lát đắn đo, Tô Hiến Thành khe khẽ trả lời:

— Trần Trung Tá... có thể làm được!

Đỗ Thái hậu không ngờ Tô Hiến Thành lại nhắc đến gián nghị đại phu Trần Trung Tá — viên quan vẫn thường can gián, ngăn trở những việc làm quá đáng của nhà vua và bà. Từ ngày Tô Hiến Thành lâm bệnh, Trần Trung Tá vì bận nhiều công việc nên không lần nào đến thăm ông được. Ấy thế mà Tô Hiến Thành vẫn không quên ông ta. Nghe nói đến Trần Trung Tá, Đỗ Thái hậu không vừa lòng. Bà muốn Tô Hiến Thành chọn cử người khác:

— Vũ Tán Đường hàng ngày hầu hạ thuốc thang, sao ngài không nói đến?

Tô Hiến Thành cố gượng cười, giải bày với Thái hậu qua từng lời đứt đoạn:

— « Thái hậu... hỏi người có thể thay tôi, nên tôi mới cử Trần Trung Tá..., nếu hỏi người sẵn sóc... nuôi dưỡng tôi... thì không phải Tán Đường, còn ai nữa? (1)

Vào một ngày tháng 6 năm Kỷ Hợi (1179), Tô Hiến Thành qua đời. Nhưng tiếc thay, lời căn dặn sáng suốt vào lúc cuối đời của người bấy tôi trung thành, tài cao đức trọng ấy đã không được Đỗ Thái hậu nghe theo.

NGUYỄN ANH

(1) Nguyên văn theo lời dịch trong *Việt sử thông giám cương mục* (Sách đã dẫn).

Ỡ LAN

I

Dãy đèn lồng treo ngoài hành lang tòa điện Trường Xuân đã bắt đầu thấp sáng. Trong phòng riêng, nguyên phi⁽¹⁾ Ỡ Lan còn băn khoăn chưa chọn được y phục như ý muốn để nghênh tiếp nhà vua. Qua tấm minh giám⁽²⁾ bằng đồng, nguyên phi ngắm nhìn mái tóc chải bông của mình. Những bông hoa dát ngọc lóng lánh cài trên mái đầu làm cho khuôn mặt vốn đã xinh đẹp của nguyên phi càng thêm duyên dáng, và bộ xiêm áo bằng nhung gấm thướt tha cũng phù hợp với thân hình uyển chuyển cân đối của người thiếu phụ. Tuy vậy trang phục ấy chưa làm cho nguyên phi hài lòng.

(1) Người đứng đầu trong hàng phu nhân của nhà vua, dưới hoàng hậu.

(2) Gương sáng. Ngày xưa, chưa có gương bằng thủy tinh, người ta dùng một tấm đồng đánh sáng bóng để soi, gọi là « minh giám ».

Thấy nguyên phi còn băn khoăn, một nữ tỳ vừa nhẹ nhàng đưa tay gỡ sợi tóc vương cánh hoa ngọc cài trên đầu Ỡ Lan vừa nói:

— Tàu nguyên phi, hôm nay trời xuân về chiều càng thêm lạnh, nguyên phi bận xiêm y này đã đẹp lại hợp thời tiết lắm rồi ạ.

Ỡ Lan mỉm cười, mắt không rời tấm minh giám bằng đồng sáng loáng:

— Em cho là đẹp ư? Với ta, xiêm áo này lại không hợp đâu!

Mai Liên — một nữ tỳ có tiếng hay vui đùa, nâng tà áo gấm lên tay, liếc nhìn Ỡ Lan, cười nói:

— Tàu nguyên phi, đức hoàng thượng thấy nguyên phi bận xiêm áo này thì hẳn người không rời tòa điện Trường Xuân.

Nguyên phi Ỡ Lan gõ nhẹ vào đầu Mai Liên:

— Lúc nào em cũng đùa được! Ta không bận xiêm áo này đâu, em đem bộ xống áo nâu sồng ra đây cho ta!

Mọi người reo lên:

— A! Nguyên phi lại muốn làm cô gái hái dâu ở hương Thổ Lỗi rồi⁽¹⁾.

Nguyên phi cười:

— Đúng đấy, chỉ có xống áo ấy là hợp với ta mà thôi. Các em nhớ đem cả khăn trùm đầu bằng lụa đen cho ta nhé.

Một nữ tỳ hầu nguyên phi thay áo gấm gùg:

— Tàu Nguyên phi, hôm nào rồi rồi nguyên phi kể chuyện cho chúng em nghe...

— Chuyện gì?

(1) Làng Thổ Lỗi, sau đổi thành làng Siêu Loại, ở Thuận Thành, Hà Bắc bây giờ.

— Chuyện cô gái hái dâu đứng dựa vào khóm cỏ lan, được nhà vua với vào cung phong làm nguyên phi ấy mà!

Giọng cười lại rộ lên cùng với những tiếng nhao nhao:

— Nguyên phi kể đi, kể ngay đi, các em thích nghe chuyện ấy lắm!

Chuyện cũ được gọi lại đúng lúc nguyên phi Ý Lan muốn nghênh tiếp nhà vua với kiểu phục sức nâu sồng như thời son trẻ còn vui sống nơi quê mẹ, và cũng là kiểu phục sức của nguyên phi khi lọt vào mắt nhà vua từ cái nhìn ban đầu trên nương dâu làng Thổ Lỗi⁽¹⁾. Đã sáu năm rồi, nguyên phi còn nhớ rõ mồn một và có thể kể lại không sót một chi tiết nhỏ. Từ những cảm giác ngỡ ngàng, sợ hãi, đến băng khuâng hồi hộp ở cái tuổi mười sáu của người con gái khi được lệnh tiếp kiến nhà vua, nguyên phi cũng không quên. Nhưng lúc này chưa thể kể được, nguyên phi gạt đi:

— Để khi khác, ta còn bận việc.

Mai Liên lại được dịp dẹo môi vui đùa:

— Đã bảo, Nguyên phi còn bận mà!

★
★★

Đỡ chén rượu cất trên đôi tay của người sủng phi xinh đẹp, vua Lý Thánh tông uống một nửa rồi trao lại cho nguyên phi với một giọng âu yếm:

— Ai phi hãy cùng ta cạn chén!

(1) Sử cũ chép việc này vào năm Quý Mão (1063). lúc này vua Lý Nhân tông vừa 40 tuổi. Đại Việt sử ký toàn thư — của Ngô Sĩ Liên. Bản kỷ, quyển III.

Nàng chén ngọc ngang mày, nguyên phi Ý Lan kính cẩn:

— Đội ơn mưa móc của quân vương, thật là vạn hạnh đối với thần thiếp.

Trong con mắt của vua Lý Thánh tông, giữa nơi cung điện tráng lệ với một đoàn phi tần thướt tha, có một bóng dáng ăn vận nâu sồng trông lại đẹp mắt. Khuôn mặt xinh xắn của nguyên phi ánh hồng hơi men bừng lên cạnh cây đèn hàng chục ngọn bạch lập. Tám khăn mỏ quạ màu hạt huyền trằm nghiêng nghiêng trên mái đầu càng làm cho làn da mặt của nguyên phi thêm trắng trẻo mịn màng. Vua Lý Thánh tông tưởng như được sống lại ngày gặp người đẹp trên cánh đồng hương Thổ Lỗi. Vẫn người con gái hái dâu có vẻ đẹp thùy mị dịu dàng, cử chỉ đoan trang với cái nhìn sắc sảo trung hậu và nụ cười kín đáo duyên dáng lạ thường như xưa. Vua Lý Thánh tông yêu quý nguyên phi Ý Lan không phải chỉ vì nàng trẻ đẹp. Trong đám phi tần, không thiếu những người con nhà khuê các đang tuổi xuân môn mọn. Còn sắc đẹp thì mỗi người một vẻ. Ý Lan có nét đặc sắc riêng của nàng. Đó là tấm lòng trung hậu, trong trắng và cao thượng vốn có của mình. Tuy được nhà vua yêu chiều, nhưng không vì thế mà nguyên phi khinh thường lẫn lút với người trên, kiêu căng lên mặt với kẻ dưới. Lúc nào nguyên phi cũng giữ được nét na thùy mị của người con gái nơi đồng quê chất phác hiền hòa. Và đặc biệt, sau ba năm gần gũi nhà vua, nguyên phi sinh thái tử Càn Đức, thỏa lòng mong mỏi của nhà vua đã ngoài bốn mươi tuổi mà chưa có con trai kế vị. Sau khi sinh thái tử, được phong làm thần phi rồi nguyên phi, đứng đầu hàng phi tần, tuy vậy lúc nào nguyên phi cũng thích sống bình

đi như người con gái hái dâu ngày trước. Và hôm nay để nghênh tiếp nhà vua, nguyên phi lại chọn bộ quần áo quê mùa...

Vua Lý Thánh Tông ngắm nhìn nguyên phi hồi lâu, rồi đứng dậy đi đi lại lại trong nội thất. Thoảng thấy nét ưu tư hiện trên vẻ mặt nhà vua, nguyên phi Ý Lan dò hỏi:

— Muôn tâu, chẳng hay quân vương có điều lo lắng không thể cho thần thiếp biết được hay sao?

Nhà vua bước lại gần Ý Lan, cầm tay người đẹp:

— Ái phi! Ta sắp phải xa nơi này, không biết mấy tuần trăng nữa mới được gặp lại ái phi và trông thấy mặt hoàng tử!

Nguyên phi Ý Lan nhẹ nhàng kéo bàn tay ra khỏi đôi tay ấm áp của nhà vua, cất giọng run run:

— Quân vương phải xa thần thiếp? Thế ra hôm nay quân vương đến cung Trường Xuân để mang tin dữ lại cho thần thiếp đó hay sao?

Như không nghe thấy giọng nói xúc động của nguyên phi, vua Lý Thánh Tông chậm rãi:

— Hiện còn quân ngoại bang sang quấy rối nơi biên thùy phía nam. Nếu ta không một phen thân chinh đánh dẹp lũ chúng thì không thể nào ăn ngon ngủ yên nơi hoàng cung này được⁽¹⁾.

Ý Lan nguyên phi lắng nghe, chỉ yên lặng cúi đầu. Không muốn làm cho người sủng phi phải lo buồn, nhà vua suy nghĩ tìm cách khuyên giải, nhưng chưa kịp cất lời thì nguyên phi Ý Lan đã giải bày nỗi lòng của mình:

(1) Sử cũ đều chép việc nhà vua đánh dẹp Chiêm Thành tháng hai năm Kỷ Dậu (1069).

— Muôn tâu, phải sống xa quân vương là điều thần thiếp không muốn. Nhưng để giữ yên cho trăm họ, quân vương đã không quản ngại gian lao, dấn thân vào nơi mũi tên hòn đạn, thần thiếp là phận gái, không thể theo hầu bên cương ngựa, còn được yên sống nơi cung điện này, há lại không vui vẻ đợi ngày quân vương chiến thắng trở về hay sao? Xin quân vương đừng vì quá thương thần thiếp mà lo nghĩ để hao tổn mình rồng.

Lời nói của nguyên phi làm cho Lý Thánh Tông cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái. Nhà vua tự tay rót rượu ban cho nguyên phi:

— Ta khá khen ái phi là phận gái biết đẹp tình riêng vì việc lớn của xã tắc. Trong những ngày xa triều đình, ta giao cho ái phi thay ta giữ quyền trông coi việc nước...

Đã mấy hôm nay, Mai Liên — người nữ tỳ mới mười sáu tuổi đầu không còn nhí nhảnh vui đùa như thường ngày nữa. Hôm nay, sau khi dự buổi thường triều trở về, nguyên phi Ý Lan thoảng thấy Mai Liên đang ủ rũ đứng dưới gốc cây trong vườn thượng uyển. Nguyên phi truyền lệnh gọi đến hầu. Nhìn đôi mắt đỏ hoe của người nữ tỳ yêu quý, nguyên phi ân cần thăm hỏi:

— Có việc gì làm em lo nghĩ, sao không nói cho ta biết, chỉ thơ thần buồn bã một mình?

Mai Liên không nén được xúc động, đưa tay gạt nước mắt mà vẫn chối:

— Tâu nguyên phi, em không có việc gì lo nghĩ cả...

Đặt tay lên vai Mai Liên, nguyên phi dỗ dành:

— Thấy em buồn bã, ta cũng không vui. Em đừng giấu ta nữa! Hãy nói đi, ta không giúp nổi em hay sao? Biết không giấu mãi được, Mai Liên kể lại:

— Tàu nguyên phi, năm nay mất mùa đói kém, người các nơi đổ về kinh thành xin ăn đầy đường. Em gặp người quen, biết được gia đình ở Đông Ngàn đã hết ăn từ đầu tháng, phải lang thang đi xin ăn mỗi người một phượng. Ngày nào em cũng ra chợ tìm mà không gặp, không biết bây giờ sống chết ra sao?

Nguyên phi Ý Lan ngậm ngùi, nâng tà áo lau nước mắt cho Mai Liên đang thẫn thừ:

— Ta sẽ tìm cách giúp, sao em không nói cho ta biết sớm?

Trở về phòng riêng, nguyên phi ngồi lặng đi hồi lâu trên kỷ. Lời kể của Mai Liên khiến nguyên phi đau lòng. Đúng là năm nay mùa màng kém, lại đang vào dịp tháng ba. Cảnh đói nghèo nhéo nhóc của trăm họ vào những dịp này như thế nào, nguyên phi không xa lạ. Được nhà vua ủy thác cho tam trông coi việc nước, nguyên phi đã nghĩ đến điều này. Vừa rồi, trong triều hội, nguyên phi có nghĩ đến việc đói kém ở các châu phủ và truyền cho triều thần phải lo tìm cách chẩn cứu dân nghèo. Giờ đây, nghe lời kể của Mai Liên, nguyên phi cảm thấy chưa làm hết chức trách của mình. Nguyên phi tự hỏi: « Trong lúc quân vương đi đánh dẹp giặc ngoài, giao quyền bính lại, mà để cho dân đói phải phiêu bạt vì bữa cơm manh áo thì sao gọi là trông coi việc nước được? Cũng chỉ vì cảnh tang thương của gia đình ở Đông Ngàn mà Mai Liên vui tươi là thế đã trở nên ủ rũ đau buồn, vậy mà người cầm quyền trông coi việc nước lại không biết đau lòng vì con dân trăm họ phải đói khổ hay sao? ». Nguyên phi nhớ lại những ngày

còn là cô gái hái dâu ở Thổ Lôi. Hàng năm, vào dịp tháng ba ngày tám, vốn là những lúc giáp hạt thiếu ăn, gộp năm mất mùa, bà con phải rau cháo qua ngày, rủ nhau đi xin ăn độ nhật. Chết chóc, trộm cắp, tù tội cũng do đấy mà ra. Chính bản thân nguyên phi đã từng sống những ngày đói khổ dưới mái tranh nghèo, chị em ôm nhau kêu khóc, mỗi mắt chờ bố mẹ mang về cho củ khoai mầu sắn. Và vào lúc này, giữa tháng ba, chắc xóm làng cũng đang trải qua nạn đói...

Nguyên phi Ý Lan truyền lệnh vời thái sư Lý Đạo Thành vào cung để bàn việc chẩn cấp cho dân. Viên đại thần tâu bày việc làm của mình:

— Tàu nguyên phi, theo lệnh của triều đình, thần đã sức cho tri phủ, phán phủ, tri châu⁽¹⁾ các nơi phải xuất thóc lúa trong kho để chẩn cứu dân đói sở tại. Viên quan nào để chậm trễ sẽ bị trách phạt.

Nguyên phi gật đầu tỏ ý vừa lòng và căn dặn thêm:

— Các châu, phủ ta làm như vậy là được. Còn ở kinh thành dân đói kéo về xin ăn ngày một đông. Ngoài việc phát chẩn ở các chợ, còn phải xuất kho cấp thêm tiền ăn đường cho dân phiêu bạt, khuyến họ trở về nguyên quán làm ăn. Thêm vào đó, phải khuyến dụ chùa chiền các nơi lấy của tam bảo để bố thí cho dân đói. Được như vậy thì chẳng những trăm họ sớm hưởng yên vui, mà thánh thượng nơi biên cương cũng an tâm, và quân sĩ mới gắng sức giữ gìn bờ cõi của đất nước⁽²⁾.

(1) Những chức quan ngoài, đứng đầu các địa phương dưới thời Lý.

(2) Sử biên niên của ta như Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử thông giám cương mục đều nhất trí đánh giá cao vai trò của Ý Lan phụ nhân trong việc cầm quyền khi nhà vua đi chiến trận xa. Sử gia Ngô Sĩ Liên chép như sau: « Mùa xuân, tháng 2 vua thân đi đánh Chiêm Thành (...) trận này vua đánh chiếm

Từ người con gái hái dâu tình cờ trở thành bậc nguyên phi, được nhà vua yêu chiều đủ điều, tưởng như cuộc đời của Ý Lan sẽ diễn ra êm ả. Không ngờ nhà vua sớm băng hà. Thái tử Càn Đức mới lên bảy đã giữ ngôi kế vị⁽¹⁾. Nguyên phi Ý Lan được phong Hoàng Thái phi, rồi được tôn là Linh nhân hoàng thái hậu⁽²⁾.

Cũng từ sau khi nhà vua băng hà, vận nước bị đe dọa nghiêm trọng. Giặc Tống tràn sang giữa lúc nhà vua mới lên mười⁽³⁾. Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan phải nhờ cậy bàn tay chèo chống của Thái úy Lý Thường Kiệt và Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành⁽⁴⁾. Những ngày sóng gió trôi qua, đất nước

thành mãi không lấy được, đem quân về đến châu Cư Liên⁽²⁾ nghe tin Nguyên phi giúp việc nội trị, lòng dân cảm hóa vui vẻ, trong cõi yên tĩnh, tôn sùng Phật giáo, nhân dân gọi là bà quan âm, vua nói: « Nguyên phi là đàn bà còn làm được như thế, ta là đàn ông thì làm được việc gì! ». Lại đi đánh nữa, lần này đánh được ». Đại Việt sử ký toàn thư, sách đã dẫn.

(1) Tức vua Lý Nhân Tông, lên ngôi năm 1072.

(2) Hoàng Thái hậu là mẹ hoàng đế đương kim.

(3) Đây là lần vương triều Tống tổ chức xâm lược nước ta lần thứ hai và bị quân dân ta đánh bại trên sông Như Nguyệt vào năm 1076. Lúc này, Lý Nhân Tông mới lên 10 tuổi.

(4) Về vai trò của Ý Lan phu nhân trong cuộc kháng chiến chống xâm lược nhà Tống, hiện nay chưa có tài liệu để tìm hiểu. Theo sự suy luận của chúng tôi, lúc này vua còn nhỏ, Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành giữ vai trò quyết định, nhưng chắc chắn Ý Lan phu nhân ở cương vị thái hậu của mình cũng có những cống hiến nhất định, ít nhất là ở mặt đoàn kết, động viên triều thần, quân dân hết lòng chống giặc.

sạch bóng thù, cuộc sống thanh bình trở lại. Cho đến khi nhà vua đã trưởng thành thì Ý Lan đầu đã bạc.

Sau nhiều năm ngồi buồng mành dự bàn việc nước, cho đến nửa cuối đời, Hoàng thái hậu mới được thư thái đôi chút. Nhưng mối lo của tiên đế ngày xưa lại đến với vua Lý Nhân Tông: mối lo về con trai kế vị. Điều đó không khỏi làm cho Hoàng thái hậu Ý Lan bận lòng. Mỗi khi đi thăm cảnh chùa, Hoàng thái hậu đều thắp hương trước Phật đài cầu nguyện đức Phật ban phúc lành cho dòng họ Lý. Ấy thế mà nhà vua vẫn chưa có con trai.

Đã có lần nhà vua sai các hoàng hậu, phi tần, lập đàn cầu tự. Hoàng thái hậu thấy vậy, nói với nhà vua:

— Tiên đế băng hà, con nối ngôi từ lúc còn thơ ấu. Việc nước do mẹ và triều thần bàn định lo liệu. Nay trong nước thái bình, biên cương yên vững, chỉ hiềm nỗi con chưa có hoàng tử kế vị. Mẹ thường nghe nói: trong dân gian còn có người nghèo khổ phải bán dợ con cái. Trai gái đến tuổi trưởng thành không chuộc nổi mình, đến nỗi phải chịu cảnh lẻ loi suốt đời, còn mong gì đường con cái, thế thì còn đau khổ đến chừng nào?

Vua Lý Nhân Tông chấp tay:

— Tâu mẫu hậu, con cũng buồn phiền vì việc ấy, chỉ lo đắc tội với phụ vương dưới suối vàng. Con đã sai lập đàn cầu tự ngay trong hoàng cung...

Hoàng thái hậu khoát tay nói với nhà vua:

— Làm cha mẹ, ai chẳng mong con cái trưởng thành để rồi trai dựng vợ, gái gả chồng. Bậc làm vua đối với trăm họ cũng phải như vậy. Con còn lo lập đàn cầu tự, nhưng người dân vì nghèo khổ đến không có vợ có

chồng thì biết cầu ở ai? Nghĩ đến điều đó mẹ không yên lòng. Mẹ muốn xuất tiền trong kho nội phủ chuộc trai gái bị bán đợ, dựng vợ gả chồng cho người ta, đó là cách làm phúc hay hơn cả.

Cúi đầu lắng nghe từng lời dạy của mẫu hậu, vua Lý Nhân tông mới bừng tỉnh, thấy rằng mình chưa hết lòng chăm lo đến hạnh phúc của trăm họ. Sau đó, nhà vua ra lệnh truyền cho dân chúng các nơi, ai có con cái bán đợ, đến tuổi trưởng thành không chuộc nổi thì cứ theo văn tự, xin Hoàng thái hậu cấp tiền chuộc về dựng vợ gả chồng⁽¹⁾.

★
★

Vào mùa xuân năm Quý Mùi⁽²⁾, sau khi ban phát tiền của cho dân nghèo, Hoàng thái hậu Ý Lan đi dạo chơi kinh thành. Chiếc kiệu của Thái hậu đi vòng về phía tây hồ Lục Thủy⁽³⁾ và dừng lại trước ngôi chùa Sùng Khánh⁽⁴⁾. Dân chúng nghe tin, rủ nhau nô nức đến xem, vây kín đường. Đứng dưới tam quan ngôi chùa

(1) Đại Việt sử ký toàn thư chép việc này vào năm 1103. Sử gia Ngô Sĩ Liên có lời bàn: « Con gái nghèo đến phải đợ mình làm mướn, con trai nghèo đến nỗi không có vợ, đó là cùng dân của thiên hạ. Thái hậu đổi mệnh cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy ». Cương mục lại chép việc này vào năm 1115.

(2) 1103.

(3) Tức hồ Hoàn Kiếm ngày nay.

(4) Cũng gọi là chùa Báo Thiên do Lý Thánh Tông dựng vào năm 1056, ở địa điểm Nhà thờ lớn Hà Nội ngày nay.

đồ sộ, nhìn lên ngọn tháp Báo Thiên mười hai tầng cao vòi vọi, nhớ đến tiên đế, Thái hậu quay lại nói với nữ tỳ và dân chúng đứng xung quanh:

— Sáu năm sau khi tiên đế xây tháp này ta mới được tuyền vào cung. Mới ngày nào mà nay đã gần năm mươi năm rồi.

Thái hậu đang mãi ngắm nhìn ngọn tháp nguy nga đồ sộ thì từ sân chùa, một sãi già gần sáu mươi tuổi rẽ đám đông đến trước Thái hậu chấp tay vái chào:

Mô phật, muôn tâu Thái hậu. Thái hậu còn nhớ con không?

Hoàng thái hậu Ý Lan — cố lục tìm trong trí nhớ để nhận ra người vãi già có khuôn mặt quen quen ấy. Thái hậu đã từng cho xây dựng nhiều chùa tháp và đã đi văn cảnh nhiều nơi. Không biết người vãi già này tu ở chùa nào đến đây? Rồi bỗng nhiên ký ức thời trẻ trung sống lại, Thái hậu đặt tay lên vai người vãi già:

— Có phải là Mai Liên không?

Người vãi già vui mừng cảm động đến rơi nước mắt:

— Nam mô a di đà phật! Vâng, Thái hậu còn nhớ đến con. Con là Mai Liên, nữ tỳ ở điện Trường Xuân đây.

Thái hậu nhìn người vãi già, cố nhận ra bóng dáng cô nữ tỳ Mai Liên xinh tươi vui vẻ ngày trước. Cặp mắt nhăn nheo của Thái hậu như mờ hắt đi. Nghĩ đến những thay đổi của việc đời và con người, Thái hậu thốt lên:

— Trời ơi! Sau cơn binh lửa, ta có hỏi thăm nhưng không ai biết đến em nữa. Tưởng đã chết rồi, không ngờ còn gặp lại!

Người vãi già cười.

— Tàu Thái hậu, nhờ Phật độ, con còn sống vài kỷ nữa, chưa chết đâu ạ.

Vãi già Mai Liên hầu Thái hậu lên tam quan thăm quả chuông của tiên đế sai đúc ngày xưa.

Trên tam quan chùa Sùng Khánh, Thái hậu ngắm nhìn quả chuông khổng lồ⁽¹⁾. Bài minh của vua Lý Thánh tông ngày trước còn hẳn rõ trên những hàng chữ thẳng tắp, khắc ở thân chuông màu xanh xám. Thái hậu vịn tay vào chuông, hỏi thăm người nữ tỳ ngày xưa:

— Từ ngày xa ta, em ở đâu, xuất gia tu hành từ bao giờ?

— Mô Phật, tâu thái hậu, từ ngày ấy con lấy chồng rồi theo chồng về Kinh Bắc. Nhờ trời Phật cũng được hai mụn con, một gái một trai. Chẳng may chồng chết sớm, ba mẹ con bơ vơ. Cùng đường, con phải bán cháu gái lớn để lấy tiền nuôi thẳng cháu trai. Nay thẳng con trai ở quê bố, còn con, nghĩ thương đứa con gái phải bán mình không chuộc được nên cũng đi ở chùa cho khuây. May nhờ lệnh Thái hậu ban cấp cho dân nghèo, con mới chuộc được cháu về gả chồng cho nó. Hôm cầm văn tự đi lĩnh tiền, con mong nhìn thấy Thái hậu mà không được. Hôm nay nhờ Phật độ, gặp Thái hậu ở đây, con mừng lắm...

Hoàng Thái hậu Ý Lan lập tức truyền cho vãi già Mai Liên theo chân kiệu về Bắc cung, giao việc trông nom am thờ Phật bên khu vườn thượng uyển.

(1) Chuông nặng 12.000 cân.

III

Mười lăm năm sau, vào năm Mậu Tuất⁽¹⁾, có một vãi già đã ngoài bảy mươi tuổi tìm đến ngôi chùa cổ thuộc miền đất Kinh Bắc trù phú, xin trú ngụ. Người vãi già ấy tuy cao tuổi, nhưng khá lịch lãm, lại biết nhiều chuyện nơi cung đình. Người ta đồn đó là một cung nhân của vua Lý Thánh Tông thuở trước.

Theo lệ thường hàng ngày, sau hồi chuông thu không và buổi đọc kinh sám hối, người vãi già lại về nhà trai ngồi bên ngọn đèn, kể chuyện ngày xưa cho sư sãi, tiểu, ni cô, và điền nô⁽²⁾ nghe.

Hôm nay, nhân đang vụ cày cấy, người vãi già muốn bắt đầu bằng câu chuyện nhỡn tiền. Bên ngoài, ánh trăng tháng sáu soi rõ từng viên gạch lát trên sân chùa. Và ngọn gió đông nam mát rượi quạt hơi đất mới từ cánh ruộng vừa cấy cấy vào hàng hiên của nhà trai. Người vãi già ngồi trên chõng tre, chỉ tay về phía rừng cây rậm rạp, hiện lên thành một giải đen thẫm gần chùa:

— Mô Phật, các người hẳn đã biết trước đây khu rừng kia là sào huyệt của bọn côn đồ trộm cắp. Đêm đêm chúng thường bắt trộm trâu đem về mổ thịt. Chẳng những ở đây, mà cả kinh thành nữa, đâu đâu cũng có nạn trộm trâu. Vì chúng mà nhà nông hầu như sạt nghiệp. Mấy hộ gộp lại mới chung nhau được một con trâu.

(1) 1118.

(2) Nô bộc làm ruộng: về thời Lý, Phật giáo phát triển, chia đặt các chùa làm 3 hạng: đại danh lam, trung danh lam, và tiểu danh lam. Chùa có điền nô, có kho chứa đồ vật. Dừng chức quan văn cấp cao coi quản việc đền chùa. Theo Việt sử thông giám cương mục, chính biên, quyển III.

Thành ra công việc đồng áng không kịp thời vụ, ruộng đất bị bỏ hóa nhiều. Bây giờ thì khác lắm rồi. Nạn ấy không còn nữa.

Một điền nô ngồi nghe tiếp lời:

— Vàng, bây giờ có lệnh cấm ngặt lắm. Ai giết trộm trâu thì cả vợ lẫn chồng đều bị phạt tội nặng, đến xóm giềng không tổ cáo cũng phải phạt đến 80 trượng.

Người vải già giảng giải:

— Mô phật! Ấy đấy, sở dĩ có lệnh đó là do Linh nhân Hoàng thái hậu Ý Lan. Nhân thấy nạn trộm trâu làm cho trăm họ cùng quần, việc canh nông đình đốn, Thái hậu liền nói với nhà vua ra lệnh nghiêm trị, nên mới được như ngày nay.

Nghe nói đến Ý Lan, có người liền hỏi:

— Chúng sinh đồn rằng Ý Lan chính là cô Tấm trong chuyện Tấm Cám, có phải hay không già nhỉ?

Người vải già lắc đầu cười. Cặp mắt mờ đục của bà bỗng ánh lên một niềm vui sướng, tự hào. Bà được dịp kể về con người mà bà vẫn hằng kính mến:

— Không, Hoàng thái hậu Ý Lan, hay Linh nhân Hoàng thái hậu, là người con gái hái dâu, được vua Lý Thánh Tông vời vào cung, rồi sinh ra đức hoàng thượng bây giờ. Còn cô Tấm, thì từ nhỏ, ta đã nghe bà nội ta kể chuyện Tấm Cám rồi. Chẳng qua là Hoàng thái hậu Ý Lan cũng từ một cô gái quê mùa tốt nết, làm ăn siêng năng, tình cờ được nhà vua vời vào cung, lại được phong làm nguyên phi, nên mới có chuyện tương đồng. Thái hậu Ý Lan đã có lần cầm quyền giữ nước. Thái hậu thương yêu mọi người như con đẻ của mình, lại thường khuyên bảo nhà vua làm điều lành cho trăm họ. Do đó mới có chuyện coi Hoàng thái hậu Ý Lan là cô Tấm xinh đẹp nết na được mọi người yêu quý trong chuyện kể ngày xưa...

Ngừng lại để uống nước nhấp giọng rồi liền đó, không phải đợi ai giục giã, người vải già bắt đầu kể lại ngọn ngành những điều mắt thấy tai nghe về cô gái hái dâu hương Thổ Lỗi, một buổi đứng dựa vào khóm cỏ lan mà lọt vào mắt hoàng đế nhà Lý đi tuần du, được nhà vua vời vào cung...

Cho đến khuya, bốn bề vắng lặng, chỉ có ánh trăng suông và gió nam thổi rì rào. Dưới mái hiên nhà trai, người kể và người nghe vẫn còn say sưa quên ngủ.

Câu chuyện kỳ lạ về cô gái quê trồng dâu chăn tằm, hiền lành chất phác trở thành bậc nguyên phi, làm nên nhiều công tích, đã khiến cho ai nấy chăm chú theo dõi như đàn trẻ nhỏ ngày người lắng nghe tích cũ ngày xưa ngày xưa...

Người nghe chuyện, không ai ngờ rằng bà vải già lịch lãm biết nhiều điều hay chuyện lạ chốn cung đình, đang ngồi ở đây lại chính là Mai Liên người nữ tỳ cũ của nguyên phi Ý Lan trong điện Trường Xuân thuở trước.

NGUYỄN ANH

LÊ VĂN HUU

Chiếc võng điều hai người khiêng và đoàn tùy tùng được lệnh dừng lại bên đường. Một ông già nho nhã, ngoài bảy mươi tuổi, râu tóc bạc trắng như cước khoan thai bước xuống. Trời nắng trong. Lúa mùa đang thì con gái mềm mại, lá lướt trải thành một vệt dài dọc trên cánh đồng màu mỡ. Xa hơn, mặt đất nâng cao dần. Và ở phía chân trời, núi rừng lớp lớp xanh thẫm vây bọc. Lọt vào giữa khoảng đồng ruộng bằng phẳng êm ả ấy là bốn ngọn núi xinh xắn giăng hàng, nhô lên như những hòn giả sơn đặt trong một chậu cảnh. Ông già chống gậy trúc đứng ngắm cảnh tượng thiên nhiên kỳ thú ấy dường như không chán mắt.

Từ khi được nhà vua cho nghỉ việc triều đình, về quê an dưỡng tuổi già, ông lại có dịp đi du sơn du thủy. Hôm nay, ông đem học trò đến thăm người bạn già ở huyện bên và cũng là dịp đi xem lại một vùng đất đẹp. Ông già đang cố mừng tượng lại quang cảnh ở đây hơn năm mươi năm trước, khi khúc sông Bà Mã chưa

đồi dòng. Ngày ấy, ông còn là một nho sinh ở đất Phú Lý⁽¹⁾ huyện Đông Sơn, đang tuổi thanh xuân phơi phới...

Biết thói quen của ông già, học trò đi theo bảo nhau mở tay nải, lấy la kinh⁽²⁾ đem hầu thầy. Ông già đưa bàn tay gầy cầm la kinh xoay đi xoay lại. Chiếc kim hai đầu nhọn lúng liếng đưa rồi dừng dừng, trên mặt la kinh tròn vành vạnh. Ông cố đem hết thị lực của đôi mắt già đọc những hàng chữ nhỏ li ti quen thuộc, nổi lên chỉ chít trên mặt la kinh rồi gọi đem giấy mực. Ngọn bút lông đưa đi đưa lại theo những ngón tay thon thon, móng dài lòng không của ông. Hết vẽ lại ghi chép hồi lâu, ông già ngừng tay bút, nói với học trò:

— Hơn năm mươi năm trước, đây còn thuộc đất Vĩnh Ninh⁽³⁾. Ngày ấy, vào năm Mậu Thân, theo kế của thái sư Trần Thủ Độ nhà vua sai các nhà phong thủy đi xem khắp núi sông trong nước, chỗ nào có vượng khí thì dùng phép thuật để trấn áp⁽⁴⁾. Chẳng là thái sư Trần Thủ Độ có một thời cai quản Thanh Hóa, ngài biết vùng này là đất đẹp nên mới có chuyện.

Một người học trò vòng tay hỏi:

— Thưa thầy, chuyện ở đây ra sao, xin thầy truyền dạy các con hay.

Đưa giấy bút, la kinh cho học trò cất đi, ông già giảng giải:

(1) Quê hương của Lê Văn Hưu, nay là làng Rị, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

(2) Một loại địa bàn, các nhà phong thủy thường dùng.

(3) Tên huyện, nay là vùng Vĩnh Lộc, Thanh Hóa.

(4) Việc năm 1248, các sử cũ như *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, *Việt sử thông giám cương mục* đều có chép.

— Ấy đấy, hậu sinh như các con, chỉ mới sau năm mươi năm mà đã không hay chuyện cũ. Nếu không có người ghi chép lại, thì mai sau còn ai biết gì lịch sử của tiền nhân. Ông già chỉ tay về phía xa rồi tiếp:

— Khúc sông Bà Mã ở đằng xa kia, bây giờ gọi là Tân Mã Giang. Các con có thấy không, giải đất màu mỡ này chính là dòng sông cũ lâu ngày bị vùi lấp, gọi là Cựu Mã Giang. Vì chuyện nắn lại khúc sông nên đất này, nay đã cắt về Yên Định⁽³⁾. Cảnh vật ở đây vẫn đẹp đẽ, hùng vĩ như xưa, tuy có ít nhiều thay đổi. Ta đã đi nhiều nơi, cảnh đẹp không ít, nhưng mỗi nơi một khác. Càng đi càng thấy giang sơn ta đẹp. Bình sinh ta chỉ thích đi khắp đó đây, mắt thấy tai nghe, ghi chép được nhiều chuyện hay điều lạ. Nếu chỉ có đọc sách thôi rút cục vẫn là con một sách. Ta đã có lần nhắc lại các con nghe câu nói của người xưa: «Độc vạn quyển thư, hành thiên lý lộ»⁽¹⁾. Đó là sở thích của ta mà cũng là điều các con phải nhớ kỹ.

Học trò kính cẩn chấp tay:

— Thưa thầy, chúng con xin ghi tạc lời thầy.

Dưới nắng thu, chiếc võng điều hai người khiêng lại tiếp tục hành trình về phía quê hương bạn cũ của ông già. Đoàn tùy tùng chia nhau khoác tay nải cặp tráp theo sau. Họ vừa đi vừa nói chuyện về lời dạy của thầy— một ông già đáng kính, cả nước ai cũng biết tên.

(1) Hiện nay ở địa phương này còn có câu ca dao:

« Xưa kia em ở Vĩnh Ninh

Vì vua nhà Trần mới xẻ khúc sông

Cho nên nước chảy đôi dòng

Tuy người Yên Định, song lòng Vĩnh Ninh! »

(2) Nghĩa là: đọc hàng vạn quyển sách, đi hàng ngàn dặm đường.

Ông già ấy là Hàn lâm viện học sĩ, Binh bộ thượng thư kiêm Chưởng sử quan, Nhân uyên hầu Lê Văn Hưu. Đó cũng là người chép sử đầu tiên của dân tộc — người đã nổi tiếng thần đồng từ khi còn là cậu học trò ở giáp Phủ Lý, huyện Đông Sơn, phủ lộ Thanh Hóa.

I

Thường ngày, khi tiếng chuông sớm mai bắt đầu vang lên từ ngôi chùa Hưng Nghiêm⁽¹⁾ thì Lê Văn Hưu đã dậy đốt đèn, ẽ a học bài. Nhưng hôm nay cậu vẫn nằm yên trên giường, cạnh ông bố ít ngủ. Tưởng con ngủ quên, ông bố gọi:

— Hưu!

— Dạ.

— Dậy học bài!

— Vâng.

Cái tuổi lên tám, ăn không biết no, ngủ không chán mắt của Lê Văn Hưu cũng đã quen lắm với cảnh thức khuya dậy sớm ở một gia đình nghèo, thanh bạch. Lê Văn Hưu thức giấc ngay từ khi tiếng chuông đầu tiên vọng vào từ đường của họ Lê mà bố Lê Văn Hưu là tộc trưởng. Ấy thế mà cậu không dậy học bài. Cậu đang lo không còn sách, còn thầy để cho mình học nữa!

(1) Một ngôi chùa do Lê Lương (?) xây dựng, có bia «Càn-nê sơn Hưng Nghiêm tự, bi ký» dựng năm 1124.

Nguyên do là thầy học, chính là nhà sư trụ trì ở chùa Hưng Nghiêm, trong buổi vừa rồi đã nói với cậu bé: « Con học hết chữ của thầy rồi, mà thầy cũng không còn sách để dạy con nữa ». Cậu nói vui của nhà sư có ý khen đùa học trò sáng dạ và ham học, không ngờ lại làm cho Lê Văn Hưu băn khoăn: « Không còn thầy, không còn sách thì học sao được ».

Trong đám trẻ theo học ở chùa, nhà sư yêu quý Lê Văn Hưu hơn cả. Ông quý Lê Văn Hưu không phải vì cậu thuộc dòng dõi quan tướng công tước Trấn quốc bệch xa⁽¹⁾ trong làng, mà vì cậu sáng dạ và ham học một cách lạ thường. Lê Văn Hưu học đâu nhớ đấy, lại hay hỏi những điều khiến nhà sư phải kinh ngạc.

Có hôm sau buổi học, Lê Văn Hưu rủ bạn ở lại chơi nghịch ngoài vườn chùa. Một chốc nhà sư thấy Lê Văn Hưu tìm đến hỏi:

— Thưa thầy, trước chùa làng ta có bia đá đề mấy chữ « Càn nê sơn, Hưng nghiêm tự ». Thưa thầy, ở đây không có núi, sao người ta lại viết là « Càn nê sơn » ạ?

Nhà sư cũng đã từng băn khoăn về điều này, nay bất chợt thấy học trò hỏi, đành phải trả lời gượng ép:

— Sơn là núi, đúng vậy. Ở đây không có núi, mà chỉ có một cái gò không cao lắm, tên cũ vẫn gọi là Càn nê. Nhưng trong một vùng đất thấp thì gò cũng tạm gọi là núi được, do đó người làm bia mới viết là Càn nê sơn.

Nghe ra chưa vừa ý lắm, Lê Văn Hưu vòng tay:

— Thưa thầy, gò là gò, núi là núi chứ ạ!

(1) Theo bia mộ Lê Văn Hưu: « Bểng nhỡn Lê tiên sinh thân bi » cho biết ông hiện là Tu Hiền, húy là Hưu, cháu 7 đời quan tướng công tước Trấn quốc bệch xa, sinh năm Canh Dần (1230) — xem tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 62.

Nhà sư đành cười, căn dặn:

— Con cố học nhiều, học mãi rồi sẽ biết hết.

Tưởng học trò hết băn khoăn, không ngờ cậu ta lại hỏi tiếp:

— Thưa thầy con còn thấy trong bia có hàng chữ: « Giáp Ti — Thuận Thiên thập ngũ niên » là bao giờ ạ?

— Giáp Ti à? lâu lắm rồi, cách đây hơn 100 năm.

— Thưa thầy sao lại Thuận Thiên thập ngũ niên ạ?

Đến câu hỏi này thì nhà sư cũng lúng túng. Thường ngày chỉ quen đọc kinh Phật, ít đề ý đến chuyện sử, nhà sư nhớ mừng tượng Thuận Thiên là niên hiệu ông vua đầu thời Lý. Ông trả lời:

— Thuận Thiên là niên hiệu của vua Lý Thái tổ. Như vậy là bia dựng vào khi Lý Thái tổ làm vua được 15 năm, đó là năm Giáp Ti, con rõ chưa?

Những tiếng: Lý Thái tổ, Thuận Thiên gọi lên cho Lê Văn Hưu một cái gì hay hay, bí hiểm mà cậu còn muốn biết nhiều nữa. Nhưng sợ thầy, Lê Văn Hưu không dám hỏi tiếp, chỉ băn khoăn:

— Thưa thầy, biết những cái đó có khó lắm không ạ?

Nhà sư nhắc lại:

— Không khó đâu, con cố học nhiều, học mãi rồi sẽ biết hết.

Lê Văn Hưu cười, chạy về với các bạn. Và không quên vòng tay cúi đầu chào thầy.

Còn nhà sư tay lần tràng hạt, lại vào ngồi trước quyền kinh Phật. Nghĩ đến đùa học trò ham học kỳ lạ của mình, ông phải bàn với bố Lê Văn Hưu cho con sang học bên làng Trầu, ở đấy xa hơn một chút, nhưng có thầy hay chữ, đủ sức dạy cậu ta.



Nắng chiều vàng rực trên dãy núi Nhồi. Những tảng đá hình người ngồi đứng chon von trên đỉnh núi trở nên đẹp để hùng vĩ lạ thường. Hàng ngày cấp sách đến làng Trầu, Lê Văn Hưu vẫn ước ao sẽ có lúc được leo lên đỉnh núi cao, sờ tận tay những dáng hình kỳ lạ ấy, và đứng tại đó ngắm nhìn bốn phương thì thích thú biết chừng nào! Hôm nay ngọn núi ấy có sức hấp dẫn lạ thường đối với cậu. Nhưng vì tan học muộn, cậu đành đứng nhìn tượng đá và thơ thần trông sang cụm Sơn Viên nổi lên xanh um, sườn núi phía tây tắm trong nắng chiều vàng ửng.

Mãi ngắm cảnh thiên nhiên hùng vĩ, Lê Văn Hưu không để ý đến cơn giông bất ngờ đang kéo đến. Nắng chiều nhạt dần rồi tắt hẳn, nhường chỗ cho một màu u ám. Gió thổi mạnh. Những tia chớp nháng nháng rạch ngang trời và tiếng sấm râm ran vang động cả một vùng núi. Lê Văn Hưu cấp sách chạy vội. Nhưng mưa đã nặng hạt, cậu đành tạt vào một quán nhỏ bên đường để trú mưa. Bước chân vào quán, Lê Văn Hưu nghe người ta đang kể chuyện ma quái trong núi Thần. Một người chỉ vào ngọn núi có hình người ngồi ngất ngưỡng trên đỉnh mà nói:

— Thật đấy, nhiều người gặp lắm. Những ngày mưa gió như hôm nay, vào lúc chập choạng thì ma quái lại hiện hình đồ chữ người qua lại.

Nghe chuyện lạ, Lê Văn Hưu tò mò hỏi:

— Thế ma quái có làm chết người ta không ạ?

— Cứ vào đấy thì biết!

Một người khác thấy Lê Văn Hưu cấp sách liền hỏi:

— Mà là học trò thầy làng Trầu à?

— Vâng, cháu là học trò.

— Thế thì chúng tao thách mày ra chân núi kia thi chữ với yêu quái xem ai giỏi.

Suy nghĩ một lát Lê Văn Hưu đáp:

— Được, cháu có làm gì mà ma quái hại cháu. Các bác chờ nhé, cháu đi đây!

Lê Văn Hưu bước vào chân núi.

Trời nhá nhem. Cả khối đá khổng lồ xám xịt đứng sừng sững làm cho cảnh vật thêm âm u. Sau cơn mưa, đường núi sạch nhẵn, màu bạc phếch. Cây đại lắc lư trong vách đá, đứng rũ rượi bên đường.

Vừa bước vào chân núi, thấy từ xa có một ông già đi lại, Lê Văn Hưu liền hỏi:

— Ông là ai?

— Ta là ta!

Lê Văn Hưu chột dạ, nhìn ông lão từ đầu đến chân. Trông ông hiền lành phúc hậu, không có dáng vẻ ma quỷ, có lẽ là khách qua đường. Nhưng sao ông ta lại ăn nói ngang ngạnh như vậy? Lê Văn Hưu hỏi lại:

— Ông là ai?

Ông lão trả lời:

— Đoán được ta là ai thì về, nếu không thì...

— Thưa ông thì sao ạ?

— Thì sẽ biết!

Lê Văn Hưu nhìn kỹ ông lão một lần nữa. Ông già đẹp lão, tướng mạo hiền lành, sao lại là ma quỷ được? Lê Văn Hưu suy nghĩ một lát rồi reo lên:

— Là ông tiên! đúng ông tiên rồi!

Ông lão cười, xoa đầu Lê Văn Hưu:

— Ta là người núi, cháu nói đúng. Cháu là học trò thầy làng Trầu phải không? Thôi, về đi, trời lại sắp đổ mưa to rồi đấy.

Vừa về đến quán, mọi người xúm lại hỏi, Lê Văn Hưu đáp:

— Không có yêu ma gì cả, chỉ là một ông tiên!

— Sao mày lại biết là ông tiên?

Lê Văn Hưu tròn mắt, xòe tay giảng giải cho mọi người:

— Một người đứng bên núi, chữ «nhân» bên chữ «sơn» chẳng phải là «tiên»⁽¹⁾ thì là gì? Ông tiên mà các bác lại bảo là ma quái làm cho người ta sợ!

Câu chuyện Lê Văn Hưu gặp tiên⁽²⁾ đến tai thầy làng Trầu. Một hôm, sau buổi học, thầy giữ riêng Lê Văn Hưu lại để hỏi. Nghe lời thuật, thầy đồ càng kinh ngạc vì lòng can đảm và trí thông minh của cậu học trò họ Lê. Nhìn khuôn mặt đầy đặn với cặp mắt tinh anh của đứa học trò chưa đầy mười tuổi, thầy đồ nói:

— Con chăm học lại có tư chất hơn người. Văn bài cử nghiệp thầy không chuyên lắm. Để cho con có chỗ dùi mài kinh sử, thầy gửi con đến Cồ Bôn⁽³⁾ học với thầy họ Nguyễn. Đó là sư huynh của thầy. Con tuy còn nhỏ tuổi, nhưng với sức và tài học này thì chẳng mấy chốc đã lều chông đi thi được rồi đây.

★
★★

Làng Cồ Bôn cách Phủ Lý một quãng đường. Hàng ngày đi học Lê Văn Hưu thường dừng bên quán thợ rèn ở đầu làng để xem.

Nhìn chùm tia lửa sáng lòe bắn tung tóe như sao sa theo tiếng búa nhịp nhàng, Lê Văn Hưu rất thích thú. Nhưng thú nhất là được xem người ta rèn giữa những thanh sắt vô dụng thành con dao, lưỡi cuốc xinh đẹp

(1) Chữ «tiên» gồm chữ «nhân đứng» cạnh chữ «sơn».

(2) Theo truyền thuyết còn truyền ở địa phương.

(3) Tức là làng Bôn, nay thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

và hữu ích. Khâm phục tài nghệ của bác thợ rèn, Lê Văn Hưu băn khoăn không biết tổ tiên ta, ai đã dạy truyền nghề rèn này cho bác.

Một hôm, Lê Văn Hưu xách túi sách đứng xem bác rèn đùi xiên, tò mò hỏi:

— Bác này! ông tổ nghề rèn của ta là ai đó?

Thấy thằng bé mới lên mười mà đã biết hỏi vặn vẹo, bác thợ rèn ngược mắt nhìn:

— May là học trò thầy họ Nguyễn ở Cồ Bôn à?

— Vâng ạ!

— Học được bao nhiêu chữ mà chưa biết điều đó? Lê Văn Hưu trả lời đùa:

— Có bao nhiêu chữ thì cháu học hết cả ngàn ấy.

Bác thợ rèn ngạc nhiên vì câu nói táo bạo của đứa bé:

— A! giỏi nhỉ. Được! Thế thì tao ra một câu đối, đối được tao có thưởng. Nếu không, phải ở đây quai búa, khi nào đối được mới cho về!

— Bác đọc đi, cháu xem câu đối bác ra khó đến đâu.

Bác thợ rèn ngừng tay búa, chỉ vào lò rèn, đọc:

— «Than trong lò, sắt trong lò, lửa trong lò, thổi phì phò, rèn nên dùi sắc», đối đi!

Lê Văn Hưu cười:

— Chả khó mấy! rồi vỗ vào túi đối ngay:

«Nghiên ở túi, bút ở túi, giấy ở túi, viết lúi húi, giật lấy khôi nguyên»⁽¹⁾.

Bác thợ rèn tròn mắt, buông búa, chỉ vào Lê Văn Hưu:

(1) Theo truyền thuyết còn truyền ở địa phương. Chúng tôi xin cảm ơn nhà giáo Nguyễn Vinh Phúc đã cung cấp cho chúng tôi những mẫu chuyện về Lê Văn Hưu do đồng chí sưu tầm được tại quê hương của ông ở Thanh Hóa.

— Mày là cháu bảy đời cụ Lê tướng công đấy phải không?

Lê Văn Hưu không trả lời. Bác cười:

— Thảo nào! Tao xin thua rồi đó. Đây, phần thưởng!

Bác trao cho Lê Văn Hưu một cái dùi và 30 đồng tiền để mua bút giấy. Nhưng cậu bé vẫn chưa tha:

— Bác còn chưa nói được ông tổ nghề rèn là ai đấy nhé!

Bác thợ rèn cười xòa:

— Thằng này tinh quái thật! Thôi, đến trường đi, muộn học lại phải quì bây giờ!

★
★

Trường học thầy họ Nguyễn nổi tiếng vì có cậu học trò Lê Văn Hưu văn hay chữ tốt. Trong đám học trò, có người tóc đã hoa râm, có người còn trẻ măng, thầy họ Nguyễn đặt hi vọng vào Lê Văn Hưu hơn cả. Nhà vua sắp mở khoa thi, phen này cậu học trò họ Lê ấy có cơ sẽ làm rạng danh thầy. Tuy vậy thầy vẫn không ưa cái nết hay đi đây đi đó của cậu. Gần đến ngày thi rồi mà Lê Văn Hưu còn bỏ luôn mấy buổi bình văn!

Hôm nay, cảm thấy người khó ở, thầy họ Nguyễn cho học trò nghỉ. Thầy nằm khênh ngả đầu trên gối xếp, đọc sách. Trong khi đó Lê Văn Hưu lại đang lững thững cắp sách đến trường.

Bước tới đầu làng Cổ Bôn, Lê Văn Hưu thấy bóng một người con gái đang đi phía trước. Hình như cô ta cố ý đi chậm để đợi ai. Cho đến khi nhận ra tà áo lụa

quen thuộc, dáng người thon thả, bước đi mềm mại của cô thì Lê Văn Hưu đã nhận ra đó là cô Cả⁽¹⁾ — con gái lớn của thầy đi chợ về.

Đợi Lê Văn Hưu đến gần, cô gái cười tinh nghịch:

— Anh Hưu! Phen này tha hồ mà quì.

Lê Văn Hưu giật mình thầm nghĩ: có lẽ mình bỏ học đi chơi lâu ngày bị thầy quở mắng nên cô Cả mới dọa như vậy. Nhìn anh học trò đẹp trai nhưng lại độn khuôn trước con gái, cô Cả hỏi dồn:

— Anh đi đâu mười hôm nay?

— Tôi xin phép thầy rồi

Cô Cả nguyệt dài:

— Xin phép có ba hôm mà đi luôn mười ngày. Hôm nào thầy cũng tra hỏi, câu gắt râm cả trường vì anh bỏ học đi chơi đấy!

Đến trường, Lê Văn Hưu rón rén bước vào nhà học. Thấy phàn, chiếu vắng tanh, chỉ có thầy nằm trên sập, Lê Văn Hưu chấp tay sợ hãi:

— Thưa thầy ạ.

Thầy đồ buông sách, nhồm dậy cười hỏi:

— Anh đi chơi về rồi à? Hôm nay thầy mệt, cho trường nghỉ. Nòng Cống có chuyện gì vui không, vào đây kể ta nghe.

Thấy thầy không giận, Lê Văn Hưu mạnh dạn ngồi xuống chõng tre kê bên sập hầu chuyện:

(1) Theo «Bảng nhỡn Lê tiên sinh thần bi», tài liệu đã dẫn. Lê Văn Hưu lấy con gái lớn của thầy dạy học họ Nguyễn ở xã Phúc Triều (Cổ Bôn), bà được phong Nhân minh phu nhân, thọ 82 tuổi.

— Thừa thầy, con vào Nông Cống thăm quê hương Bà Triệu và nhân tiện hỏi về đất Cư Phong⁽¹⁾ ngày xưa.

— Anh lại sa vào chuyện đó, thảo nào!

Thấy thầy có ý không vui, Lê Văn Hưu lựa lời nói rõ điều suy nghĩ của mình:

— Thừa thầy, nhân học Bắc sử, con thấy Nam sử cũng có nhiều chuyện hay, thế mà chưa có ai ghi chép cả. Chỉ nói riêng phủ lộ Thanh Hóa ta thôi, có tướng Đô Dương của Bà Trưng, có Bà Triệu, Dương Diên Nghệ, Lê Hoàn, đều là những người làm vẻ vang cho đất nước. Chuyện kể trong dân gian có nhiều, vết tích đều còn cả. Nếu không ghi chép lại thì lâu ngày đến mai một, sai lệch hết!

Thầy họ Nguyễn gật đầu, cho lời nói của Lê Văn Hưu là phải. Nhưng theo thầy, việc ấy phải có tài như Khổng Tử chép sử nước Lỗ⁽²⁾, như Tư Trùng⁽³⁾ viết *Sử ký* mới làm nổi. Thầy khuyên:

— Gần đến kỳ thi rồi, con cố tập văn bài, chuyện Nam sử con nghĩ là phải, nhưng sau này hãy hay.

Lê Văn Hưu vòng tay:

— Vâng, nhân tiện đi chơi, con hỏi thăm cho biết, ghi chép lại, sau này có khi cần dùng. Còn bây giờ con phải lo thi cử chứ ạ.

Sau khi chào thầy ra về, gặp cô Cả ở ngoài sân, Lê Văn Hưu trách:

— Thế mà dọa thầy bắt quì!

(1) Cư Phong, tên huyện thuộc quận Cửu Chân, nay vào khoảng miền đất Triệu Sơn — Nông Cống — Thọ Xuân, Thanh Hóa. Nơi tướng Đô Dương của Hai Bà Trưng chống Mã Viện hồi đầu Công nguyên.

(2) Tức kinh *Xuân Thu*.

(3) Tức Tư Mã Thiên.

Cô cả che miệng cười tinh nghịch:

— Khoa thi đến nơi rồi, không dọa thì còn trốn học đi chơi đến bao giờ!

... Mùa xuân đến. Vào năm Đinh Mùi⁽¹⁾ nhà vua mở khoa Thái học sinh. Lần đầu tiên triều đình đặt ra lệ kén tam khôi⁽²⁾. Lê Văn Hưu trong kỳ thi ấy đã đoạt được « Bảng nhãn », vào lúc đúng mười bảy tuổi đời.

II

Trong căn phòng rộng rãi dành riêng cho vương tôn công tử học tập tại Quốc học viện, Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu và hoàng tử Trần Quang Khải — hai thầy trò hơn kém nhau vừa một kỷ⁽³⁾ đang ngồi đàm đạo.

Từ sau khi đỗ khoa thi thái học sinh, Lê Văn Hưu được triều đình phong cho chức Hàn lâm viện học sĩ, lại được nhà vua ủy thác cho việc dạy dỗ hoàng tử. Sau gần mười năm học tập, đến tuổi trưởng thành, sắp ra ở phủ đệ riêng⁽⁴⁾, học văn của hoàng tử Trần Quang

(1) 1247.

(2) Tam khôi là trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

(3) Một kỷ gồm 12 năm. Lê Văn Hưu sinh năm Canh Dần (1230), Trần Quang Khải — con thứ ba của vua Trần Thái Tông, sinh năm Tân Sửu (1241).

(4) Theo chế độ nhà Trần, vương hầu đến tuổi trưởng thành đều ở phủ đệ riêng, khi có việc mới đến kinh sư.

Khải cũng xứng đáng với công lao rèn dạy của thầy. Thề theo điều ủy thác của thượng hoàng Trần Thái Tông⁽¹⁾, Lê Văn Hưu còn phải giảng giải thêm cho hoàng tử những hiểu biết về nước Nam — điều đó không có ở sách vở của thánh hiền. Do đó, trong mấy ngày gần đây, việc bình văn giảng sách được thay bằng những buổi đàm đạo. Tuy vậy, cũng không phải vì thế mà Trần Quang Khải không biết rằng mình đang được nghe rất nhiều điều truyền dạy bổ ích và thiết thực của thầy. Còn Lê Văn Hưu, ông cũng cảm thấy hứng thú được trở về với sự việc đã và đang diễn ra trên đất nước Đại Việt. Lê Văn Hưu muốn, bằng những buổi đàm đạo, dẫn dắt hoàng tử Trần Quang Khải vào đời, bắt tay xây nền trị bình trong thiên hạ như điều mong mỏi của thượng hoàng và cũng là điều hi vọng của ông đối với vị hoàng tử mãn tiệp này.

Hôm nay, Lê Văn Hưu nói với hoàng tử về việc bình giảng Nguyên mới xảy ra hồi cuối năm ngoái.

Đứng dậy lục tìm trên giá sách, Lê Văn Hưu rút ra một tập giấy mới ghi chép, rồi trở lại bên án thư, lật từng trang, hỏi:

— Trong công cuộc chống giặc vừa qua, hoàng tử có nghe câu chuyện « nhập Tống »⁽²⁾ chứ?

Trần Quang Khải vòng tay:

— Thưa thầy, con có nghe điều này trong lúc cùng triều đình tạm lui về vùng Thiên Mạc⁽³⁾. Nhưng từ bấy đến nay không thấy ai nhắc lại nữa.

(1) Trần Thái Tông — vua đầu của nhà Trần, nhường ngôi cho Trần Nhân Tông, giữ chức thượng hoàng từ năm 1258.

(2) Nghĩa là nên vào nước Tống, tức chạy sang Trung Quốc.

(3) Hạ lưu sông Hồng, ở khoảng xã Mạn Trù, huyện Khoái Châu, Hải Hưng.

Lê Văn Hưu đứng dậy, bước lại gần hoàng tử, tay không rời tập giấy:

— Không đâu! Chuyện này người sau sẽ còn nhắc mãi. Nhân đây ta muốn nói với hoàng tử rằng, học sách của thánh hiền chưa phải đã là đủ. Khi hữu sự, biết đem cái sở học của mình ứng phó với tình thế mới là quan trọng. Hay dở, hiền ngu, chính là ở chỗ đó. Như khi giặc Nguyên tràn vào kinh thành, triều đình phải tạm lánh đi một nơi, thế nước chênh vênh, lòng người nao núng, ấy thế mà có người lại khuyên nhà vua nên « nhập Tống » để nương nhờ thì thật là lạ!⁽⁴⁾. Nếu theo lời người ấy, hẳn chúng ta không có ngày nay và cơ đồ của tiền nhân rồi sẽ ra sao?

— Vâng, thưa thầy, phải chăng đó là lời bàn của thái úy Nhật Hiệu?

Lê Văn Hưu yên lặng, chần chừ, chưa muốn nhắc lại đích danh người ấy. Ông trả lời:

— Lúc bấy giờ ta là một văn quan, không được hầu cạnh Thượng hoàng nên chỉ nghe biết chuyện. Người đó là ai, có dịp, hoàng tử hỏi lại Thượng hoàng thì sẽ rõ.

Một chuỗi ngày sóng gió phiêu dạt đã qua hiện ra trong trí óc vị hoàng tử trẻ tuổi. Đột nhiên Trần Quang Khải hỏi:

— Thưa thầy, con nghe Thượng hoàng thường nhắc nhiều về lời tâu của thái sư Trần Thủ Độ.

(1) Chuyện « nhập Tống » cũng như lời tâu của Trần Thủ Độ, các sách sử của ta như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Việt sử thông giám cương mục* đều có chép lại trong khi nói về cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ nhất (1257).

Nét mặt Lê Văn Hưu chợt sáng bừng lên với một nụ cười kín đáo:

— Hoàng tử thấy lời bàn của Trần Thái sư như thế nào?

— Thưa thầy, con thường nghe nói: «nhất ngôn hưng bang»⁽¹⁾, quả là những lời nói như vậy.

Lê Văn Hưu lật tìm trang giấy, đọc lại cho hoàng tử nghe lời nói của Thái sư Trần Thủ Độ mà ông đã chép: «Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo», rồi giảng giải:

— Hoàng tử nói đúng. Lúc bấy giờ thế giặc mạnh, kinh thành đã mất, quân dân ta phải chịu lầm than phiêu dạt, nghĩ đến điều ấy, Thượng hoàng phân vân, bàn với các vương hầu là thành tri dinh lũy của triều đình: Nếu bấy giờ, ai cũng chỉ nghĩ đến mạng mình mà quên mất sơn hà xã tắc thì làm gì còn có người như Trần Thái sư với câu nói bất hủ đó. Lời tâu của Trần Thái sư đã làm cho Thượng hoàng yên tâm, quân dân bền lòng vững chí, ai nấy quyết tâm chống giặc giữ nước đến cùng.

Lê Văn Hưu nhìn vào hoàng tử căn dặn:

— Người trong chuyện cũng không sống được mãi, nhưng hậu thế sẽ không quên với những lời bình phẩm xác đáng. Tuy là vương hầu, khanh tướng, nhưng cũng bị người đời mai mỉa, hậu thế chê bai, nếu người đó không biết lo trước vui sau thiên hạ, và khi cần, lại không biết quên mình vì sự mất còn của nòi giống. Việc bình giặc Nguyên năm ngoái là võ công lớn của

(1) Nghĩa là: một lời nói dựng lại được nước.

triều ta. Tiếng thơm sẽ còn để lại đến muôn thuở cùng với tên tuổi của những người đã biết chọn con đường vì nước quên mình.

Lê Văn Hưu đưa cho hoàng tử Trần Quang Khải một tập sách do tay mình ghi chép rồi nói tiếp: Từ lâu, ta đã có ý định thu thập, ghi chép về Nam sử. Lần đánh giặc năm ngoái, tai nghe mắt thấy thêm được nhiều điều, mới càng thấy cần phải soạn ngay Quốc sử. Đây mới là những người, những việc còn ghi chép tản mạn. Nhưng hoàng tử cứ đọc trước, ta cho phép. Có chỗ nào không rõ, ta sẽ nói thêm.

Trần Quang Khải kính cẩn đưa hai tay đỡ tập sách của thầy rồi lùi về ấu thư. Từng trang sách như dẫn dắt vị hoàng tử trẻ tuổi trở về với quá khứ oanh liệt của dân tộc, của núi sông.

Trong khi đó Lê Văn Hưu lại cúi đầu trên trang sách mở rộng — quyển *Thông giám cương mục* của Chu Tử⁽¹⁾ mà ông mới tìm được.

★
★★

Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu xuống võng, dừng bước trước thánh cung⁽²⁾ để sửa sang lại triều phục. Trước mặt ông là một tòa điện không kém phần nguy nga cạnh hoàng cung⁽³⁾ tráng lệ. Vua Trần Thái tông, sau khi nhường ngôi cho thái tử Hoảng⁽⁴⁾ đã lui về đây

(1) Tức Chu Hi, học giả nổi tiếng của Trung Quốc, đời Tống.

(2) Nơi ở của Thượng hoàng.

(3) Nơi ở của nhà vua.

(4) Con thứ hai của Trần Thái Tông, lên làm vua năm 1258, tức Trần Nhân Tông.

với cương vị Thượng hoàng. Lê Văn Hưu đến thánh cung chầu đức Thượng hoàng theo lệnh triệu của người.

Lê Văn Hưu vừa đặt chân vào điện đình thềm thang, thì hoàng tử Trần Quang Khải đã từ thềm thánh cung vòng sau ngọn giả sơn bước ra đón, Hoàng tử chấp tay vái chào:

— Kính thưa thầy, hôm nay đức Thượng hoàng thác cơ bận việc không dự buổi thường triều ở điện Kiền Nguyên. Người truyền cho con phải có mặt ở đây để hầu thầy.

Lê Văn Hưu theo hoàng tử vượt qua đoàn lính cấm vệ đang cúi gập người trên thanh gươm cầm ngang, vào chầu Thượng hoàng:

— Hạ thần Lê Văn Hưu kính chúc Thượng hoàng vạn vạn an.

Từ trên ngai ngự, Trần Thái Tông bước xuống đỡ vị học sĩ đang sụp lạy dưới long án:

— Khanh giữ lễ quân thần là phải — chỉ vào hoàng tử đang chấp tay đứng hầu, Thượng hoàng nói tiếp — ta sinh ra Quang Khải, còn khanh thay ta dạy dỗ hoàng tử, thế là khanh đã giữ trọn đạo tể nhân tử rồi đó.

Thường thường các bậc đại thần, kể cả nhà vua, mỗi khi vào chầu Thượng hoàng đều phải phục lạy, cúi đầu đọi mệnh. Nhưng hôm nay, riêng với Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu, Thượng hoàng có đặc ân cho miễn lễ, lại sai đặt kỷ ngồi cạnh long án cùng đàm đạo.

Từ sau khi nhường ngôi, Thượng hoàng Trần Thái Tông mới rảnh rang đề nghị đến Quốc sử. Trong số các quan ở Quốc học viện, Lê Văn Hưu là người có học vấn sâu rộng, lại am hiểu Nam sử. Thượng hoàng ra lệnh triệu Lê Văn Hưu vào chầu để truyền bảo. Giờ đây con người có thể giao được trọng trách đó đang đưa

hai tay nâng chén ngự tửu do Thượng hoàng ban cho và kính cẩn lắng nghe từng lời truyền dạy của Người:

— Nước ta từ lập quốc đến nay trải qua nhiều biến đổi. Đời nọ truyền nối đời kia, đến bản triều đã mấy ngàn năm, ấy thế mà chưa có một bộ quốc sử để ghi chép lại. Khanh là người học rộng, am hiểu Nam sử, ta muốn giao cho đảm đương việc đó!

Lê Văn Hưu đứng dậy chấp tay tâu bày:

— Muôn tâu Thượng hoàng, thần trộm nghĩ một nước không có bộ Quốc sử sao gọi là nước văn hiến được. Vì vậy việc biên soạn một bộ Quốc sử là khẩn thiết. Huống chi, mỗi họa giặc ngoài xâm lấn vẫn đang còn đó. Việc làm rõ quốc thể bằng sử sách lại càng cần phải làm ngay. Thần được Thượng hoàng biết tên, lại có lòng tin giao việc, thật là điều vinh hạnh lớn. Nhưng nghĩ mình tài học nông cạn, kiến văn hẹp hòi, thần vẫn nơm nớp e sợ không làm trọn được điều sai bảo của Thượng hoàng.

Trần Thái Tông ngắt lời:

— Ta biết việc biên soạn Quốc sử là khó. Nếu dễ thì từ trước đã có người làm, không đợi đến bây giờ. Nhưng nếu vin vào khó mà không làm thì để đến bao giờ? Chẳng lẽ một nước có mấy ngàn năm văn hiến lại không có lấy nổi một bộ Quốc sử. Nếu dễ vậy, ta đắc tội với tiền nhân mà còn làm thiệt thời cho hậu thế.

Ngừng lại một lát rồi Thượng hoàng hỏi Lê Văn Hưu:

— Ta nghe hoàng tử Quang Khải kể lại rằng khanh đã từng ghi chép được nhiều về Nam sử?

Thấy Thượng hoàng hỏi, Lê Văn Hưu dè dặt:

— Muôn tâu, trước đây nhân mỗi khi đi thăm danh lam thắng cảnh, hoặc có dịp xem xét sinh hoạt làm ăn của dân cư, thần có viết lại những điều mắt thấy tai

nghe. Gần đây, vàng mệnh Thượng hoàng phải giảng giải thêm Nam sử cho hoàng tử, thần có kê cứu, sắp xếp lại theo tuế thứ niên đại để tiện sử dụng.

— Khanh làm việc đó từ bao giờ?

— Muôn tâu, từ thuở mới theo đòi việc nghiên bút, nhân học Bắc sử thần muốn hiểu biết về Nam sử nên đã bắt đầu tập tành ghi chép dần dần...

Nghe đến đây, Thượng hoàng đứng dậy cười lớn:

— Thế là khanh đã làm sử rồi đó! Thử hỏi, nếu giao việc này cho người khác, thì kẻ đó tất phải mất bấy nhiêu năm để đi xem xét, nghe ngóng, ghi chép lại, mà đã chắc gì hiểu biết hơn khanh. Ấy là chưa nói còn phải biết kê cứu, đối chiếu, phải xét đoán kỹ càng, chọn lọc phẩm bình tinh tường mới hạ bút chép thành bộ Quốc sử được chứ! Ta đã nghĩ kỹ, việc đó phải giao cho khanh!

Sau buổi chiều hôm ấy, theo lệnh của Thượng hoàng Trần Thái Tông, chức Chưởng sử quan đầu tiên của nước Đại Việt được triều đình gia phong cho Hàn lâm Viện học sĩ Lê Văn Hưu.

..

Đã sang canh ba, thư phòng của Hàn lâm viện học sĩ kiêm Chưởng sử quan còn le lói ánh đèn. Khu Quốc học viện⁽¹⁾ ở phía nam kinh thành vốn đã vắng lặng, về khuya lại càng tịch mịch.

(1) Viện Quốc học hay Viện Quốc tử, tức là Quốc tử giám được mở rộng cho học trò trong nước vào học. Sử cũ chép lập Viện Quốc học vào năm 1253 dưới triều Trần Thái Tông.

Một mình bên ngọn bạch lập, Lê Văn Hưu đang tu chỉnh lại bản thảo. Sau nhiều năm chép soạn, đến nay ông đã có dưới tay một tập Quốc sử tạm như ý muốn. Nhớ lại, sau khi nhận lệnh của Thượng hoàng, Lê Văn Hưu cũng đã biết đây là một việc khó. Đến khi bắt tay vào việc ông mới thấy rằng mình chưa lường hết được khó khăn đến chừng nào! Trước quá khứ lịch sử xa xăm của đất nước, đã có lúc ông cảm thấy bất lực trong việc biên soạn Quốc sử. Những bộ Bắc sử lớn như *Xuân thu* của Khổng Tử, *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Hán Thư* của Ban Cố, *Tam quốc chí* của Trần Thọ... cho đến quyền sử gần đây như *Thông giám cương mục* của Chu Hi, ông đều tham khảo kỹ. Các bộ sách ấy viết theo nhiều thể loại: biên niên, kỷ sự..... đều giúp cho ông nhìn ra cách viết bộ Quốc sử của mình. Nhưng chỉ mới là cách viết! Còn sử liệu để viết mới thật nan giải. Bắc sử, ngoài các quyển trên còn có những bộ riêng về từng triều đại như: *Hậu Hán thư*, *Tống thư*, *Lương thư*, *Tùy thư*, *Đường thư*... tất cả đều có ghi chép ít nhiều sự việc có quan hệ với phương Nam, nhưng không tránh khỏi chấp vạ sai lạc. Cuối cùng bảo bối của ông vẫn không ngoài những điều ghi chép được từ trước đã chất đầy giá.

Lần giờ từng mẩu chuyện cũ, những điểm son sáng ngời trong sự nghiệp của tiền nhân đã cổ vũ, thúc đẩy ông gắng gỏi làm việc.

Đọc lại chuyện kể dân gian về sự tích Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành một trăm con trai, con trưởng là Hùng Vương làm vua đầu tiên của nước Văn Lang, ông nhớ đến miền đất tổ Phong Châu mà ông đã từng đặt chân đến. Đối chiếu so sánh niên đại, ông thấy thời Hùng Vương ngang với

thời Phục Hi, Thần Nông của Bắc sử, cách đây đã vài bốn ngàn năm. Rồi chuyện Thục An Dương vương xây thành Cổ Loa, vết cũ hầy còn, chỉ cách Thăng Long mấy dặm đường. Ông rất tiếc, những điều ghi chép về thời này còn quá ít ỏi, không dựa vào đâu để khảo cứu cho tường tận được. Ông đành phải tạm gác lại, chờ một dịp khác. Và đành bắt đầu chép từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng.

Từ đó, ròng rã hơn mười năm trời lục tìm văn bản của các triều trước còn lưu ở thư các hoặc tản mạn trong dân gian, tìm kiếm thêm sự tích thần từ Phật tự, nghe ngóng truyện kể lưu truyền, đối chiếu với Bắc sử, cuối cùng ông biên soạn lại thành tập bản thảo như bây giờ.

Đã nhiều lần đọc lại, ông vẫn còn băn khoăn. Ngay từ khi mới chấp bút, ông đã nghĩ rằng chép sử không chỉ là kê cứu la liệt sự việc diễn biến của các triều đại nối tiếp. Người chép sử không phải chỉ làm có thế, và bộ Quốc sử cũng không phải là để thỏa chí tò mò cho những người muốn biết chuyện xưa. Theo ông, người chép sử phải đánh thức lịch sử dậy để quá khứ trở lại những điều dạy bảo cho mai sau. Sử bút phải biết rung lên tiếng nói hào hùng của các sự kiện oanh liệt, phải gọi bùng lên hào quang rực rỡ của những tấm gương chói lọi, nhưng cũng có khi phải làm búa rìu đối với những việc không hay để trước hết, cho các bậc vua chúa thay trời chấn dân lấy đó làm gương. Ấy thế mà mỗi khi đọc lại chồng bản thảo, ông vẫn thấy chưa làm được như điều mình mong muốn.

Đọc lại đoạn viết bản về Hai Bà Trưng: « Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và sáu mươi lăm thành ở lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương

đễ như trở bàn tay, đủ biết hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương »⁽¹⁾ ông thấy mình đã nói được một điều về cái thế vững như bàn thạch của cơ đồ đất nước tự nghìn xưa, nhưng lại thấy thế vẫn chưa đủ. Ngót một ngàn năm lệ thuộc các triều đại phương Bắc đã làm ông đau lòng. Thế mà bây giờ nguy cơ giặc Nguyên-Mông thôn tính lại nổi lên. Muốn nhân đây cổ vũ lòng người xả thân vì nước, nhất là đối với những kẻ vẫn vỗ ngực tự xưng là bậc tu mi nam tử mà lại nhiều phen tỏ ra quá đốn hèn, ông hạ bút viết thêm: « tiếc rằng noi sau họ Triệu cho đến họ Ngô, trong khoảng hơn ngàn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu bó tay, làm thần bộc cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà ư! Ôi! có thể gọi là tự bỏ mình vậy »⁽²⁾.

Ông vừa lòng với lời bàn về Ngô Quyền: « Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của đất Việt ta mà phá được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể bảo là một cơn giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy »⁽³⁾.

Ông đã khen Lê Đại Hành đánh tan giặc Tống: « Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc, bắt Quân Biện, Phụng Huân dễ như lừa trẻ con, như sai nô lệ, chưa đầy vài năm mà bờ cõi yên tĩnh, cái công đánh ấy tuy nhà Hán nhà Đường cũng không hơn được... »⁽³⁾.

(1, 2, 3) Những đoạn chép đặt trong ngoặc kép là lời bàn của Lê Văn Hưu viết trong *Đại Việt sử ký* của ông. Sách của ông hiện không còn nữa, chỉ còn lại những đoạn trích do Ngô Sĩ Liên dẫn rải rác trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngoại kỷ, quyển II, III, IV, V và Bản kỷ quyển I đến quyển V. Chúng tôi sử dụng nguyên văn theo bản dịch của Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội — 1967.

Nhưng nghĩ đến khi các con Lê Đại Hành đánh giết lẫn nhau tranh giành ngôi vua thì ông không ngần ngại hạ bút thêm: «Ngọa Triều giết anh⁽¹⁾ tự lập làm vua, bạo ngược với dân chúng để thỏa lòng hung ác, đến nỗi mất ngôi mất nước, không phải là sự bất hạnh của nhà Lê, là lỗi ở Đại Hành không sớm đặt thái tử và trung tôn, không biết phòng giữ từ khi mới chớm nên đến nỗi thế»⁽²⁾.

Xem lại phần chép về nhà Lý, thấy việc Lý Thái Tổ tiêu phí sức dân quá nhiều để xây dựng chùa chiền, cung điện đài tạ, ông bóp đầu suy nghĩ một hồi, rồi viết:

«Lý Thái Tổ lên ngôi được hai năm, tôn miếu chưa dựng, xã tắc chưa lập, mà trước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại sửa chữa chùa quán ở các lộ, và cấp độ điệp cho hơn ngàn người ở kinh sư làm tăng, thế thì tiêu phí của và sức dân về việc thờ mọt biết chừng nào mà kể!»⁽³⁾. Nghĩ đến sức dân, ông lại viết thêm: «Của không phải là trời mưa xuống, sức không phải là thần làm hộ, há chẳng phải là vết máu mỡ của dân ư! Vết máu mỡ của dân có thể gọi là làm phúc chăng?»⁽⁴⁾. Ngẫm đến di hại sau việc làm của Lý Thái Tổ, ông đề cho ngọn bút của mình lên tiếng: «Bậc vua sáng nghiệp, tự mình cần kiệm còn lo cho con cháu ngày sau xa xỉ, mà Thái Tổ để phép cho con cháu như thế, cho nên đời sau mới xây tường cao ngất trời, tạc cột chùa bằng đá, làm chùa thờ phật lộng lẫy hơn cung điện nhà vua. Rồi người dưới bắt chước, có kẻ hủy thân

(1) Ngọa Triều tức Lê Long Đĩnh, em ruột Lê Long Việt, đều là con trai của Lê Đại Hành. Long Việt làm vua được ba ngày thì bị Long Đĩnh giết.

(2, 3, 4) Lời Lê Văn Hưu, xem chú thích ở trên.

thê, đòi lỗi mặc, bỏ sản nghiệp, trốn thân thích, nhân dân quá nửa làm sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa, nguồn gốc há không phải là đây?»⁽¹⁾.

Chép đến việc Lý Thần Tông vừa lên ngôi 3 năm đã hạ lệnh cho con gái các quan không được gả chồng trước, đợi sau khi chọn xong vào hậu cung, người nào không trúng mới cho đi lấy chồng, Lê Văn Hưu bức bối đến không tìm được chữ viết: «Trời sinh ra dân mà đặt vua chúa để chăn nuôi, không phải để cho vua tự phụng. Lòng cha mẹ ai chẳng muốn con cái có vợ có chồng, thánh nhân thể lòng ấy, chỉ sợ dân ông đàn bà không được yên chốn thôi... Thần Tông xuống chiếu cho con gái các quan phải đợi khi tuyển vào cung không trúng rồi mới được lấy chồng thì là tự phụng cho mình, có phải là lòng làm cha mẹ dân đâu?»⁽²⁾.

Đã hay chép sử theo ông là chép việc làm của các bậc vua chúa⁽³⁾. Nhưng vua chúa cũng phải chăm sóc muôn dân mới hợp đạo trời và thuận lòng người. Ông dựa vào điều đó để ca ngợi hay bài bác. Ý nghĩ ấy lòi cuồn ngọn bút trong tay, ông đọc đi đọc lại, thêm bớt nhiều chỗ, say sưa làm việc đến quên cả trời gần sáng.

Tiếng chuông cảnh tỉnh của chùa Ngọc Hồ⁽⁴⁾ đã vọng vào Quốc học viện. Lê Văn Hưu đứng dậy, bước ra

(1, 2) Lời Lê Văn Hưu, xem chú thích ở trên.

(3) Đây là quan điểm của các sử gia phong kiến. Các cuốn sử biên niên cũ thực chất là cuốn «gia phả» của các nhà vua. Quan điểm này hoàn toàn khác với quan điểm chép sử của chúng ta ngày nay.

(4) Chùa Ngọc Hồ dựng từ năm 1218 gần Thái Hồ, tức gần Văn Miếu, ngày nay là địa phận chùa Bà Ngô, ở phố Nguyễn Khuyến, Hà Nội.

ngoài. Sương sớm mát dịu. Ông cảm thấy mệt mỏi và
thăm nhủ: còn phải thức nhiều đêm nữa để tu chỉnh
lại bản thảo mới kịp đem dâng nhà vua.

★★

Kinh thành Thăng Long còn đậm đà phong vị Tết,
tuy tháng giêng năm Nhâm Thân⁽¹⁾ đã bước vào hạ tuần.
Riêng điện Tập Hiền — tòa điện vào loại lớn nhất hoàng
cung, dựng từ thời Lý, lại được trang hoàng lộng lẫy
hơn. Hàng cờ đuôi nheo cắm dọc lối đi từ cổng vào
thêm điện. Trên hành lang, những chiếc đèn lồng bằng
lụa điều đu đưa lơ lửng. Điện Tập Hiền lung linh, ánh
lên màu sắc lộng lẫy. Và đội quân cấm vệ nón dẫu, bao
vàng, cặp gươm chia nhau đứng canh giữ dưới thêm
điện.

Hôm nay, nhân bộ Quốc sử đã biên soạn xong, để
khích lệ động viên quần thần phải gắng gỏi công việc
văn học, nhà vua sai Tướng quốc Thái úy Trần Quang
Khải⁽²⁾ — học trò của Chưởng sử quan Lê Văn Hưu,
triệu quần thần về điện Tập Hiền dự lễ hiến dâng
Quốc sử và cùng vui nhân dịp đầu xuân.

Chiêng trống khai trào đóng dả vang lên từng tiếng
một, rồi đồ hồi, rung chuyển cả tòa điện. Bá quan văn
vỗ phục trên thảm gấm bái mạng. Tiếp theo là những
tiếng hô vang: «Vạn tuế! vạn tuế!» chúc tụng Thượng
hoàng Trần Thái tông và hoàng đế Trần Nhân tông
đang ngự trên ngôi cao vọi vọi.

(1) Tức năm 1272.

(2) Trần Quang Khải được phong Tướng quốc Thái úy vào
năm 1271.

Khi mọi người đã yên vị, tay chấp ngang đai lưng,
đứng yên lặng như những pho tượng theo nghi lễ triều
hội, Thượng hoàng Trần Thái tông từ trên cao đưa mắt
nhìn khắp lượt quần thần rồi bước xuống nền điện
phán bảo:

— Từ khi ta lập Viện Quốc học, mở cửa đón học trò
trong nước vào học, đến nay đã gần hai mươi năm.
Theo đó, người có tài năng văn học xuất hiện ngày một
nhiều. Từ năm Đinh Mão⁽¹⁾ ta lại bắt đầu kén chọn được
người văn học giao cho quyền bính ở quán, các, sảnh,
viện. Như vậy, việc học đã mở mang thịnh đạt hơn so
với các tiên triều. Các người được triều đình ban cho
tước vị bổng lộc trọng hậu, phải gắng công vun đắp cho
nền học thuật nước nhà để thỏa lòng mong mỏi của ta.

Tiếng «dạ» ran đồng thanh vang lên trong tòa điện.
Thượng hoàng phán tiếp:

— Ta vui mừng truyền báo cho các người biết từ ngày
giữ ngôi ta đã nghĩ đến bộ Quốc sử. Cách đây mười
năm ta giao cho Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu soạn
thảo. Đến nay Quốc sử đã làm xong, lấy tên là *Đại Việt
sử ký*. Đây là bộ sử đầu tiên của nước Đại Việt biên
soạn dưới triều ta.

Thượng hoàng nói dứt lời, từ hàng quan văn, Lê Văn
Hưu nâng cao bộ Quốc sử gồm 30 quyển, tiến lên quì
dâng trước ngai rồng. Hàng trăm con mắt khâm phục
dồn về vị văn quan mới ngoài 40 tuổi đã làm nên việc
trước nay chưa từng có, xứng đáng với vinh dự được
Thượng hoàng nhắc đến tên. Bá quan văn vỗ lại càng
kinh ngạc khi thấy vị tướng quốc Thái úy trẻ tuổi Trần

(1) 1267.

Quang Khải vội vàng nghiêng mình trước Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu và đỡ lấy bộ Quốc sử chuyển dâng nhà vua.

Thấy vậy, Thượng hoàng chỉ vào Trần Quang Khải nói với nhà vua và quần thần:

— Thái úy Trần Quang Khải làm đến chức tướng quốc mà vẫn giữ đạo thầy trò. Còn Hàn lâm Viện học sĩ Lê Văn Hưu đã rèn dạy tướng quốc, lại theo lệnh ta biên soạn nên Quốc sử. Thầy ấy trò này, đều là bầy tôi lương đồng của triều đình.

Lê Văn Hưu nâng tay ngang trán quỳ trước mặt Thượng hoàng:

— Muôn tâu, nhờ oai linh của Thượng hoàng, hạ thần mới có vinh dự như ngày nay. Biết mình học vấn nông cạn, nhưng vâng mệnh, thần mạo muội chấp bút không tránh được sơ suất. Thần cúi đầu dám xin Thượng hoàng, bệ hạ tha thứ cho.

Từ trên ngai cao, vua Trần Nhân tông cầm quyền sử đưa ra trước mặt quần thần:

— Việc học nước ta bắt đầu mở mang từ triều trước, nhưng sử học thì phải đến bản triều mới có người mở lối. Để làm nên bộ Quốc sử này là nhờ oai linh của Thượng hoàng, nhưng công sức của Hàn lâm viện học sĩ Lê Văn Hưu không phải là nhỏ.

Nhà vua phán bảo Trần Quang Khải:

— Thái úy tướng quốc phải giao cho Viện quốc học chép lại làm nhiều bản, ghi rõ năm Nhâm Thân, niên hiệu Thiệu Long thứ 15 và người chép sử là Hàn lâm

viện học sĩ kiêm Chưởng sử quan Lê Văn Hưu. Sách làm xong sẽ lưu giữ ở Bí thư các làm tin sử truyền lại cho đời sau.

Đứng cạnh Tướng quốc Thái úy Trần Quang Khải, Lê Văn Hưu nghe rõ từng lời phán bảo của nhà vua. Không chép sử đương đại, nhưng ông thầm nghĩ rằng sau này sẽ có người ghi chép một đôi dòng về chuyện xảy ra trong ngày hôm nay ở điện Tập Hiền⁽¹⁾...

NGUYỄN ANH

(1) Hơn hai trăm năm sau, dưới triều Lê Thánh Tông (1460 — 1497), nhà sử học Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư* đã chép lại mấy dòng về công tích của người đồng nghiệp tiền bối: « Mùa xuân tháng giêng, Hàn lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu là Lê Văn Hưu vâng chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu hoàng, cộng 30 quyển dâng lên, vua xuống chiếu khen ngợi ».

Về Lê Văn Hưu, theo gia phả họ Lê cũng như bia mộ: ông giữ chức Binh bộ thượng thư vào năm 45 tuổi (1275), đến năm 50 tuổi (1280) mới kiêm giữ chức Chưởng sử quan soạn Quốc sử và mất vào năm 93 tuổi (1322). So với chính sử thì có khác: ông dâng *Đại Việt sử ký* năm 1272 tức vào lúc 42 tuổi, và chính sử không chép việc ông giữ chức Binh bộ thượng thư. Sự khác biệt này còn phải khảo cứu thêm. Ở đây chúng tôi dựa vào chính sử và chỉ tập trung giới thiệu Lê Văn Hưu dưới góc độ danh nhân văn hóa.

NGUYỄN CHÍCH

Cánh rừng Mã Trạch⁽¹⁾ đã nhuộm sương chiều. Những bóng cò trắng loang loáng mang mấy tia nắng cuối cùng, rải vọi cánh từ đồng nội Vạn Lộc trở về rừng tìm tổ.

Lũ trẻ chăn trâu vừa vòng tay làm điệu, rước « chủ tướng » của chúng từ quả gò mang cái tên cái vệ là Cồn Luyện về mồm đất cũng có một cái tên oai vệ chẳng kém: Cồn Binh⁽²⁾. Ném ngồn ngang những cò lau, cò củi, grom que xuống chân cồn, chúng vừa cùng « chủ tướng » trèo lên cồn, vừa chi chóc cãi nhau về chuyện thắng bại, hay dở của trận đánh vừa qua.

Mặc cho lũ bạn tiếp tục đấu khẩu om sòm, Nguyễn Chích lặng lẽ đi đến chỗ đặt chiếc lồng tre nhỏ, mở

(1) Rừng Mã Trạch, còn có tên là Mã Phủ hay Mã Dưới Đồng, nay đã được khai phá thành đồng ruộng, thuộc địa phận thôn Vạn Lộc, xã Đồng Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quê hương Nguyễn Chích.

(2) Những địa danh này, ngày nay vẫn còn ở cánh đồng Mã Trạch. Truyền thuyết ở Vạn Lộc nói rằng, đây là nơi ngày nhỏ, Nguyễn Chích chơi trận giả cùng các bạn chăn trâu của mình.

cửa cho chú chim bồ câu trắng muốt từ trong nhảy ra đậu lên tay. Đám mục đồng lúc này mới chịu thôi cãi vã, xúm cả lại bên « chủ tướng ». Chú bé nhẹ nhàng vuốt ve con vật rồi hướng mỏ chim về phía làng, hất nhẹ cánh tay. Thông thả đập vỗ đôi cánh mềm mại, con chim khôn ngoan lượn một vòng trên đầu chủ, rồi nhắm thẳng ngọn tre cao nhất ở xa xa, vùn vụt tung cánh.⁽¹⁾

Một đứa trẻ nói:

— Lũ em thắng Chích thấy chim về là lại sửa soạn ra ngõ đón phần cơm đấy!⁽²⁾

Đang nheo mắt dõi theo bóng chim chấp chới mờ dần, nghe câu nói ấy, Nguyễn Chích chợt nhớ đến phần việc cuối cùng phải làm trong ngày để được lĩnh của chủ suất cơm mang về cho em: tắm cho trâu. Nhưng trước khi đi đến chỗ buộc trâu, Chích còn chống nạnh, nói với lũ bạn:

— Đánh nhau mãi ở đây cũng chán. Hôm nào tao với chúng mày kéo nhau vào hấn trong thung lũng núi Hoàng, núi Nghiêu kia mà bày trận mới sướng!⁽³⁾

Theo cánh tay chỉ thẳng của « chủ tướng », bầy trẻ chăn trâu cùng ồ à thích thú, quay cả về nơi trời chiều đang rục lên những tia nắng quái. Rặng núi hoang vu hiem trở ở nơi ấy bỗng ngời lên như dát vàng.

(1) Truyền thuyết kể: Nguyễn Chích có tài nuôi chim bồ câu, dạy chim đưa tin cả trong khi đánh giặc.

(2) Nguyễn Chích nhà nghèo, mồ côi cha mẹ từ sớm. Để nuôi 2 em nhỏ, theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, Chích phải « tự bán mình làm đứa ở chăn trâu ».

(3) Từ Vạn Lộc, quê hương Nguyễn Chích, tới vùng núi Hoàng Nghiêu cách nhau khoảng 8km.

Hai dải núi Hoàng Sơn và Nghiêu Sơn đột khởi giữa đồng bằng phủ Thanh Hóa⁽¹⁾, khoanh lại trong lòng một thung lũng um tùm cây cỏ, rộng hàng trăm mẫu. Dòng Hoàng Giang như tấm lụa vàng, vắt từ đầu núi này tới đầu núi kia, tắm tưới đôi bờ đất cát dọc trong thung lũng.

Từ ít lâu nay, những dãy lũy đất rậm rạp tre gai đã sừng sững mọc lên, vít chặt hai đầu thung lũng và những chỗ núi đứt đoạn, biến hai dải Hoàng Nghiêu thành một tòa thành kiên cố không lồ⁽²⁾. Người từ xa tới, không tài nào lần ra được ngả vào thành. Bởi cổng thành lại chỉ là mấy cửa hang ngầm xuyên qua dãy Nghiêu Sơn, có nơi ngách đá chỉ vừa một người đi lọt. Lối ra vào bí mật ấy luôn luôn có một toán nghĩa quân đêm ngày canh giữ nghiêm ngặt.

Toán nghĩa quân ấy, bây giờ hồ hởi mà kính cẩn, đang xúm quanh một người ăn mặc như kiều lái buôn, với chiếc đòn xóc nhọn hộ thân nắm gọn trong tay. Bụi đường trường và những nét nhăn vất vả của một chuyến đi xa trở về, không làm giảm nổi vẻ oai phong của giọng nói sang sảng càng được vòm đá vách hang nhân to thêm lên của người ấy:

(1) Phong kiến nhà Minh xâm chiếm nước ta từ năm 1407 đến năm 1427 chia đất nước ra làm 15 phủ, trong đó, phủ Thanh Hóa gồm tỉnh Thanh Hóa và một phần tây bắc Nghệ An bây giờ.

(2) Sách *Thanh Hóa tỉnh chí* chép: « Ông Chích lợi dụng trong đó, lấy núi làm thành, mượn sông làm hào. Thành tuy không bằng phẳng cho lắm, nhưng ra vào thì khó mà lường được. Từ đó mà đánh giặc, mừng tượng có cái thế một người giữ chỗ hiểm mà trăm người không thể địch được ».

— Đêm mai, người của ta sẽ dẫn một toán anh em từ phủ Nghệ An ra đến bãi Châu Nghĩa⁽¹⁾. Các chú tra xét cho cẩn mật, rồi đưa họ vào trong Thung Đình⁽²⁾. Nhớ nói là ta chờ họ ở đấy!

— Vậy là lại có thêm người tụ nghĩa nữa rồi!

Một nghĩa quân trẻ vui vẻ reo lên. Nhưng một nghĩa quân đứng tuổi đã ném cho anh ta một cái lườm nghiêm nghị, đoạn kính cẩn hỏi:

— Thưa chủ tướng, tình thế trong phủ Nghệ như thế nào?

— Giặc ở trong ấy không mạnh như ở ngoài này, nhưng những oán hờn do chúng gây nên ở đấy thì cũng chẳng khác gì ở đây. Thành ra rất nhiều người muốn theo ta về ngoài này ngay, nhưng ta chỉ mới kén lựa lấy những kẻ khá nhất...

Người được gọi là chủ tướng ấy vừa sang sảng nói, vừa vui vẻ thân mật vỗ vai từng nghĩa quân, ra hiệu cho họ chú ý canh giữ cửa hang, rồi quay người, đi thẳng vào ngách hang sâu, thoăn thoắt, quen thuộc như đi về nhà.

Đúng là quen thuộc như đi về nhà, bởi vì đó chính là Nguyễn Chích. Từ chủ bé « chủ tướng » của đám trẻ chăn trâu Vạn Lộc, đến bây giờ trở thành chủ tướng thật sự của căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn, Nguyễn Chích đã hàng trăm hàng nghìn lần vào ra, xem xét, nơi này. Từ chỗ chơi bời, tập trận giả, đến bây giờ tụ tập thật

(1) Bãi đất này, ngày nay vẫn còn ở ngoài cửa hang Nghiêu Sơn. Sách *Thanh Hóa tỉnh chí* viết: ngày trước, Nguyễn Chích chiêu mộ nghĩa quân ở đấy.

(2) Thung lũng này ở trong dãy Hoàng Sơn. Tục truyền: Nguyễn Chích dùng nơi này làm chỗ hội họp, bàn bạc việc nghĩa.

sự được những người có nghĩa khi đi theo mình vào nơi hiểm trở này cứ lại giặc Minh dò họ, Nguyễn Chích vẫn luôn luôn được mọi người tin phục bởi tài năng xuất chúng và lòng quả cảm hơn người.

Chính là nhờ tài trí ấy mà, dù chỉ là người xuất thân «nghèo hèn», Nguyễn Chích vẫn cùng nghĩa quân của mình biến được căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn thành một lũy gươm lợi hại, treo lơ lửng trên đầu quân thù, ở ngay, giữa đồng bằng Thanh Hóa. Từ chỗ ban đầu chỉ có một ít bạn bè và một đàn trâu làm «dẫn vốn»⁽¹⁾, đến nay, Nguyễn Chích đã có trong tay cả một cơ ngơi hùng vĩ: kho lương, bãi tập, đồn trại, thành lũy và nhất là lòng người từ cả hai phủ Thanh Hóa, Nghệ An hướng về.

Lần này, Nguyễn Chích vừa rời xa căn cứ một thời gian đi vào tận Nghệ An để chiêu mộ thêm nghĩa quân. Tận mắt xem xét địch tình và lòng dân, bộ óc lớn của người chỉ huy nghĩa quân vừa nảy ra nhiều ý định mới. Nhưng trước khi trở về gian đại sảnh nằm giữa thung lũng để nghỉ ngơi và bắt tay vào những công việc đang chờ đợi sau một chuyến đi dài, Nguyễn Chích vẫn chu đáo như thường lệ, xem xét khắp một lượt cơ ngơi của mình. Những thửa ruộng cấy cấy lấy lương ăn cho nghĩa quân ven đôi bờ Hoàng Giang lúa lên xanh tốt trải dài đến chân núi. Trên bãi tập⁽²⁾ ven núi, từng toán

(1) Sách *Thanh Hóa tỉnh chí* chép: «Sau khi Hồ Quý Ly mất, chính sách nhà Minh độc ác, nhân dân khổ sở, Nguyễn Chích mới kết đảng khởi nghĩa, lừa bầy trâu của mình và vài bầy trâu của đồng đảng ở các làng lân cận làm vốn liếng».

(2) Ngày nay vẫn còn vết tích ở phía tây bắc thung lũng Hoàng Nghiêu.

nghĩa binh vẫn miệt mài rèn luyện các thế đánh đỡ. Và kho lương ở Thung Táo⁽¹⁾ thì âm ập những thóc gạo, ngô khoai dự trữ.

Vị chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn yên tâm trở về đại sảnh của mình.

★
★★

Mùa hạ năm Nhâm Dần (1412), toán nghĩa quân canh giữ Cửa tiền⁽²⁾ bắt được một tên gian tế, lập tức trói gô lại, giải về tòa đại sảnh trong thung lũng. Trước mặt chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đặng đặng sát khí, kẻ do thám tái mặt lắp bắp khai báo: hần được lệnh của Tổng binh Trương Phụ⁽³⁾ từ Đông Quan⁽⁴⁾ vào dò xét miền này, để đại quân nhà Minh sửa soạn kéo đi tiêu diệt.

Thủ thách lớn đã đến với những người dũng sĩ tu nghĩa dưới cờ Nguyễn Chích! Căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn lập tức sửa soạn chống giặc. Thành lũy được sửa sang chu đáo. Việc canh giữ tiến hành nghiêm ngặt. Chủ tướng và nghĩa quân ngày đêm luyện tập. Cho đến

(1) Địa danh này ngày nay vẫn còn ở gần làng Nham Cát. Truyền thuyết địa phương giải thích sở dĩ có tên gọi này, bởi vì ngày xưa, nơi đây là vùng kho dựn, bếp núc của nghĩa quân Nguyễn Chích.

(2) Lũy đất ở phía nam núi Hoàng Sơn, ngày nay còn vết tích dài 150m, cao 6m, chân rộng 20m, mặt rộng 4m.

(3) Tên tướng chỉ huy quân đội nhà Minh xâm lược và thống trị nước ta hồi thế kỷ XV, khét tiếng gian ác.

(4) Tên của nhà Minh đặt cho kinh thành Hà Nội đầu thế kỷ XV.

một hôm, từ cửa hang Từ Thước⁽¹⁾, những hồi trống cấp báo dồn dập vọng về, dội vang khắp thung lũng.

Đứng cao trên vọng tiêu phía bắc, Nguyễn Chích đã phát hiện thấy giặc ngay từ khi ở xa tận chân trời, một đám mây bụi kỳ quái ùn ùn dần dần lên. Chủ tướng nghĩa quân chỉ ra lệnh thúc trống động binh khi từ trong đám bụi mù trời ấy, hiện rõ từng đám người ngựa đông nghịt, mang sắc phù lõe loét của quân Minh, cùng với những tiếng ngựa hí quân reo ồn ào nhưc óc. Nghĩa quân Hoàng Nghiêu Sơn đã tràn ra các vị trí mai phục quanh căn cứ, sẵn sàng xả thân giết giặc theo lệnh chủ tướng của mình. Nhưng tướng giặc Trương Phụ lại chưa hạ lệnh tấn công ngay. Quân Minh dừng lại xung quanh núi, đóng đồn hạ trại như bát úp.

Nhìn thế án binh của quân Minh, Nguyễn Chích thầm khen tướng giặc dùng binh rất đúng phép tắc. Các doanh trại tiền hậu tả hữu của Trương Phụ lề chỉnh tựa vào nhau thành một liên hoàn trận vững chãi, rất khó công phá. Chỉ có thể chờ lúc giặc tan binh đánh thành mà giao chiến. Nhưng xem ra thì Trương Phụ không khinh xuất, nóng vội. Hấn án binh, lập trận, thăm thú tình hình kỹ lưỡng, quyết phen này phá tan bằng được căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn của người chủ tướng nông dân.

Không để cho giặc làm theo ý chúng, ngay đêm ấy, Nguyễn Chích lập tức dẫn một cánh nghĩa quân vượt núi ra ngoài, đánh úp tiền trại quân Minh, đốt phá một loạt lều trại, rồi trong ánh lửa nhập nhoạng, nhanh chóng thu quân vào thung lũng.

Đòn du kích chọc tức ấy quả đã khiến được tướng giặc phát khùng. Hấn tức tốc đốc toàn lực tấn công dữ

(1) Hang ở phía bắc núi Nghiêu Sơn. Tương truyền đây là vọng canh của nghĩa quân Nguyễn Chích.

dội vào dãy thành lũy che chắn các cửa núi của nghĩa quân. Chỉ chờ có thế. Nguyễn Chích cũng dồn hết nghĩa quân ra sau các bờ lũy đất, dựa vào hàng rào tre gai dày đặc, xa thì dùng cung nỏ, gần thì dùng lao giáo, hạ sát quân Minh như ngả rạ.

Ác chiến diễn ra suốt một buổi ở Hoàng Nghiêu Sơn. Chết hết lớp này đến lớp khác, quân Minh vẫn cày đông mạnh, tấn công không ngừng, cho đến khi Trương Phụ bàng hoàng sức tỉnh trước tổn thất quá lớn của quân Minh và cái thế đánh đỡ lợi hại của nghĩa quân. Vội vã ra lệnh lui binh, chủ tướng giặc vừa cay đắng nghiền ngẫm thất bại, vừa nghiêng răng xoay chuyển cách đánh.

Từ đấy, quân Minh bắt đầu bủa một vòng vây dày đặc chung quanh căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn. Ráo riết cô lập nghĩa quân trong thung lũng, Trương Phụ còn liên tục tung các toán du binh lần mò tìm kiếm những lối ngả ra vào bí mật của căn cứ Hoàng Nghiêu. Giặc đã phát hiện ra cửa hang Nghiêu Sơn và mấy phen toan bất ngờ tràn vào căn cứ nghĩa quân bằng con đường nguy hiểm ấy. Nhưng chúng đều bị Nguyễn Chích cố sức lợi dụng đường hang chật hẹp, huy động nghĩa quân vít chặt mất lối vào⁽¹⁾.

Tình hình trở nên rất khàn trương. Lực lượng nghĩa quân đã quá ít so với kẻ địch, lại ngày một hao hụt

(1) Trận tấn công Hoàng Nghiêu Sơn của Trương Phụ ở đây viết theo sách *Việt kiện thư*. Lý Văn Phụng, tác giả sách này sống ở cuối đời Minh, đã không biết được Trương Phụ đánh với ai ở Hoàng Nghiêu. Gần đây, Phạm Văn Kính, trong bài nghiên cứu về "Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Chích chống quân Minh xâm lược vào đầu thế kỷ XV" (Tập chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 155) đã chứng minh rằng chính Nguyễn Chích là đối thủ của Trương Phụ trong trận này.

dẫn, trong khi mọi ngả ra vào liên lạc với bên ngoài đều đã bị giặc chặn kỹ. May mà nhờ sự tính toán chu đáo từ trước của Nguyễn Chích, nên các kho lương thực dự trữ vẫn còn tạm đủ cho nghĩa quân cầm cự với giặc một thời gian.

Giữa lúc ấy, bỗng có tin báo vào đại sảnh chủ tướng Nguyễn Chích: quân Minh đang nhốn nháo tháo dỡ lều trại, nườm nượp kéo đi cả về hướng bắc! Lấy làm lạ, Nguyễn Chích vội lên thẳng mỏm viển tiêu trên núi cao xem xét, thì thấy quả là như vậy. Nhanh như chớp, vị tướng nông dân tìm cách thử thách quân giặc. Một cánh nghĩa quân lập tức được lệnh vượt núi, hò reo đuổi theo đạo hậu quân của Trương Phụ còn đang vương lại cách căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn không xa.

Quân Minh hốt hoảng bỏ chạy rất nhanh. Và Tổng binh Trương Phụ cũng đề mặc cho đám quân chặn hậu bị nghĩa quân băm đánh đại đẳng, chẳng ứng cứu được gì.

Chủ tướng Nguyễn Chích hể hả ra lệnh thu quân, bởi đã rõ là quân Minh hẳn đang có việc phải ứng phó gấp với tình thế nổi dậy của nghĩa binh ở mạn ngoài.

*
**

Một chiếc cánh gấm với dăm tên lính hầu từ phủ thành Thanh Hóa cuốn đường tiến đến Hoàng Nghiêu Sơn. Và toán nghĩa quân canh giữ ngoài Cửa Tiền lại báo vào gian đại sảnh: có phủ quan Lương Nhữ Hốt⁽¹⁾ thân đến hội kiến cùng chủ tướng Nguyễn Chích!

(1) Tên viết gian này rất được quân Minh trọng dụng, về sau thăng đến chức Tham chính.

« Hội kiến! — Nguyễn Chích vừa nghe tin báo đã muốn nổi giận — Ta có thêm mời mọc cái tên nguy quan này lời nào bao giờ mà hắn dám bảo thân đến hội kiến! Chẳng qua là hết Tổng binh thì đến lượt Phủ quan đó thôi! Nhưng được, cứ cho nó vào! Và phải đề phòng cẩn mật, không cho một ai đi theo nó được nhập trại... » Nguyễn Chích vừa nghĩ và ra lệnh, vừa xua hết tả hữu ra khỏi gian đại sảnh.

Thế là chỉ một mình Lương Nhữ Hốt lê tấm thân phi nộn, lặn lội « hội kiến » với Nguyễn Chích trong gian nhà vắng tanh giữa thung lũng Hoàng Nghiêu Sơn.

— Tráng sĩ! Bấy lâu nghe danh, bây giờ mới được gặp mặt, thật là hạnh ngộ...

Tên nguy quan cầm đầu bộ máy nguy quyền của phủ Thanh Hóa, vừa thấy vị chủ tướng nghĩa quân, đã làm ra bộ đon đả chào hỏi. Nhưng trước vẻ mặt lạnh lùng của Nguyễn Chích, hắn lại đành đổi giọng:

— Ta cất công tìm gặp lúc hạ là đề cùng bàn với túc hạ một việc hệ trọng. Túc hạ hẳn đã rõ nguy Hồ⁽¹⁾ làm điều trái đạo, cướp ngôi nhà Trần, nên Minh triều phải theo đạo trời, đem đại quân sang tiêu phạt, phủ Trần diệt Hồ. Nay vì chưa tìm được dòng dõi nhà Trần cho xứng đáng, nên còn phải nấn ná hành quân để kén lựa cất nhắc, trọng dụng nhân tài...

Nghe những lời lẽ thao thao của tên nguy quan, Nguyễn Chích cố nén giận dữ để còn thử xem dụng ý của quân giặc. « Mày khua môi múa mép thế kia chứ mày nỡ thì cũng có lừa nổi ai? — Nguyễn Chích nghĩ thầm trong bụng — Phủ Trần diệt Hồ mà sao bây giờ chính Giản Định Đế Trùng Quang Đế là dòng dõi nhà

(1) Tiếng của phong kiến nhà Minh gọi triều đình Hồ Quý Ly (1400—1407).

Trần lại phải nổi dậy chống cự? ⁽¹⁾. Còn những chuyện tàn ngược đang diễn ra khắp nơi kia mà cũng là kén lựa nhân tài ư?

— Người tài như túc hạ không phải là nhiều — Lương Nhữ Hốt vẫn cứ tiếp tục khua môi múa mép — Vì thế mà gì chứ một chức huyện quan Đông Sơn ở đây, ta có thể lấy tình cùng quê ⁽²⁾ mà xin với Minh triều phong cho túc hạ được ngay! Khi ấy túc hạ và ta sẽ cùng nhau chung hưởng phú quý, và gì mà phải vào ra chui rúc trong chốn núi rừng hẻo lánh này?

Nhận ra Nguyễn Chích vẫn im lặng, Lương Nhữ Hốt bỗng thấy cần phải buông tiếp lời đe dọa:

— Bữa trước, Trương Tổng binh kéo đại quân tới đây, ta đã lo sợ vùng này phải chịu và làm cỏ! May mà vừa nghe tin có giặc Sứ kéo binh thuyền vào cửa Thần Đầu ⁽³⁾, Trương Tổng binh đã vội đưa quân đi tiêu phạt, nên lần ấy, vùng này mới được thoát nạn. Nhưng nếu túc hạ cứ cứng lòng, nay mai đại quân lại đến, khi ấy liệu chạy đâu cho thoát? Mà ta khi ấy cũng không thể bảo lĩnh cho túc hạ được...

Tên nguy quan còn toan nói nữa nhưng một tiếng đập bàn dữ dội như sét đánh đã làm hắn giật nảy người. Hồn vía lên mây, hắn ù tai hốt hoảng trước giọng nói sang sảng của Nguyễn Chích:

(1) Chỉ cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh của Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng (1407—1414) chống giặc Minh nhưng bị thất bại.

(2) Lương Nhữ Hốt là người làng Trảo Vinh, huyện Cồ Đăng, phủ Thanh Hóa, (tức là xã Hội Triều, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày nay) gần quê hương Nguyễn Chích.

(3) Sử cũ chép: tháng 9 năm 1412, tướng Nguyễn Sứ chỉ huy nghĩa quân của Trần Quý Khoáng kéo binh thuyền vào cửa Thần Đầu tức là Thần Phù — tỉnh Ninh Bình, giao chiến lớn với Trương Phụ ở Yên Mô.

— Đáng lẽ ta ra lệnh lấy đầu ngươi ngay bây giờ! Nhưng lại e chưa đúng đạo làm tướng! Vậy nay hãy tạm cho ngươi mang đầu ra khỏi đây. Nhưng hãy liệu mà giữ mình, bởi ta sẽ đem quân đến tận sào huyệt bắt ngươi về để hỏi tội theo giặc hại dân. Bước ngay!

Nói là làm. Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đợi cho Lương Nhữ Hốt lập cập về đến đồn giặc ở Cồ Vô ⁽¹⁾ thì lập tức tung quân đi bắt. Tên nguy quan cuống cuống cắt râu cởi áo lủi trốn thoát thân, nhưng đồn Cồ Vô của hắn thì chỉ trong chớp lát đã tan tành trước cơn giận dữ dội của Nguyễn Chích ⁽²⁾.

Từ ấy, nghĩa quân Nguyễn Chích tung hoành quanh Hoàng Nghiêu Sơn như những đạo thần binh. Chẹn đường, đánh úp, bắt quân, giết tướng — những việc ấy nối nhau xảy ra trong vùng, khiến cho quan quân nhà Minh lo lắng đến mất ăn mất ngủ. Sau lần tấn công không thành của Tổng binh Trương Phụ, quân Minh ở Tây Đô ⁽³⁾ còn nhiều lần được lệnh phải điều bát binh mã đến Hoàng Nghiêu Sơn để nhờ cho kỹ được mũi chông cắm sâu vào cơ thể bộ máy đô hộ ở giữa đồng bằng Thanh Hóa. Nhưng giặc Minh lần nào cũng hùng hổ kéo quân đi rồi lại vội rút quân về. Bởi chủ tướng

(1) Có thể ở vùng Núi Go ngày nay, cách Hoàng Nghiêu khoảng 20 km.

(2) Đoạn này viết theo nội dung tấm bia "Quốc triều tá mệnh công thần chi bi", dựng năm 1449 ở Vạn Lộc — quê hương Nguyễn Chích.

(3) Dinh lũy chủ yếu của quân Minh ở Thanh Hóa, nay thuộc huyện Vĩnh Lộc.

Hoàng Nghiêu Sơn đã ngày càng có kinh nghiệm gìn giữ căn cứ và thả quân đánh giặc.⁽¹⁾

Giữa lúc quân Minh đã trải nhiều năm loay hoay đối phó với Nguyễn Chích mà vẫn chưa xong, thì từ núi rừng Lam Sơn lại bay về tin lớn: Bình Định Vương Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa! Công văn cấp báo từ Tây Đô bay về Đông Quan như bướm bướm, mà quân Minh vẫn không thể đưa được đại binh vào trấn áp, bởi ở mạn ngoài cũng như mạn trong, đâu đâu cũng có tin nghĩa quân đang nổi dậy như sóng cồn.

Từ trong căn cứ Hoàng Nghiêu Sơn, Nguyễn Chích hồ hởi đón nhận những tin vui ấy. Càng vui hơn nữa, bởi người đem tin tức nức lòng ấy tới cho chủ tướng Hoàng Nghiêu chẳng phải ai khác, mà lại chính là Nguyễn Trãi — quân sư lầy lừng tiếng tăm của Bình Định Vương Lê Lợi.

Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn tiếp kiến quân sư của Bình Định Vương giữa một đêm trăng yên tĩnh trong Thung Đình. Vách đá tai mèo quây quanh lưng núi nhỏ, giữ kín bí mật cho cuộc gặp gỡ hệ trọng.

Nguyễn Trãi khe khẽ nói với Nguyễn Chích:

— Hơn 10 năm nay, cứ lại giặc Minh tàn bạo, đâu đâu cũng nổi dậy. Kể tính toán việc lớn thấy vậy thì mừng mà lo. Bởi nếu thiên hạ mà cứ giữ mãi cái thế mỗi người hùng cứ một phương, thì chẳng khác gì cảnh ngộ năm tốt gặp mưa mà mọc, nhưng rồi vẫn bị người ta lần lượt đến hái mang đi. Núi sông thì rộng, kẻ thù thì đông, không biết bao giờ mới thu lại được cả về cho dân nước, đuổi sạch được giặc thù?

(1) Sách *Thanh Hóa tỉnh chí* viết về hoạt động của Nguyễn Chích ở Hoàng Nghiêu Sơn: «Hễ tướng nhà Minh đến thì giữ chỗ hiểm để cố thủ, tướng nhà Minh đi thì đón đánh».

Nguyễn Chích giật mình trước mối lo âu sâu rộng của những người cầm đầu cuộc dấy nghĩa lớn ở Lam Sơn:

— Chích tôi vì giận lũ giặc ngoài tham bạo mà dựng cờ ở đây, bấy lâu nay chỉ mới tính toán chiêu mộ sao cho đủ được nghìn người⁽¹⁾ để thủ hiểm chốn này, chứ chưa nghĩ được như quân sư...

— Một nghìn người thì đủ tụ ở đây, nhưng nếu đông người nữa thì sẽ chứa vào đâu? Lại nếu giặc đã phá xong các nơi tụ nghĩa, dồn cả đại binh trùng điệp đến đây vây đánh, thì một dải Hoàng Nghiêu liệu có thể tự giữ được mãi?

Nguyễn Trãi ngừng lại, nhìn vẻ mặt dần dần trở nên đăm chiêu của Nguyễn Chích, rồi lại hỏi tiếp:

— Giặc kia chỉ mong được lần lượt chia dũa ra mà bẻ. Còn người có chí lớn thì lại lo qui tụ sức lực khắp nơi về một mối, tướng quân nghĩ sao?

Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đã nhận ra dụng ý của vị quân sư của Lê Lợi, nhưng vẫn giữ vẻ trầm ngâm:

— Chích tôi cũng thấy được điều ấy, nhưng chỉ giận là chưa có ai đáng mặt anh hùng để về theo...

Không cần úp mở nữa, Nguyễn Trãi cầm lấy tay Nguyễn Chích:

— Bình Định Vương ở Lam Sơn, vốn dòng hào kiệt, bền gan nuôi chí lớn, dốc sức rèn tài năng, một lòng liên kết các bậc hiền tài⁽²⁾. Chính bởi cảm phục nghĩa

(1) Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: nghĩa quân của Nguyễn Chích ở Hoàng Nghiêu Sơn có một nghìn người.

(2) Lời Nguyễn Trãi viết về Lê Lợi trên tấm bia Vĩnh Lăng: «Tuy gặp thời loạn lớn mà tài chí càng bền... Vì giận quân cường bạo mà chăm lo thao lược. Dốc hết của cải, hậu đãi tân khách...»

khí và tài năng của tướng quân, nên Bình Định Vương đã sai tôi đi mời đón tướng quân cùng về Lam Sơn chung lo nghiệp lớn. Xin đừng chần chờ nữa!

Đúng là không thể chần chờ được nữa. Một con đường lớn vụt mở ra, với người chỉ đường chỉ tinh như thế! Chủ tướng Hoàng Nghiêu Sơn đã cùng toàn bộ nghĩa quân của mình đi thẳng vào con đường ấy⁽¹⁾.

Bấy giờ là mùa đông năm Canh Tý (1420)⁽²⁾.

II

Có lệnh với Nhập nội Thiệu úy⁽³⁾ Nguyễn Chích đến hành doanh của Bình Định Vương dự cuộc họp bàn cơ mật. Đã cảm thấy trước tính chất quan trọng của cuộc

(1) Theo nội dung tấm bia Vạn Lộc thì Lê Lợi có cho người về Hoàng Nghiêu «ngầm dụ» Nguyễn Chích và được Nguyễn Chích theo phục, bởi «biết được mệnh trời đã có nơi, ngôi vua đã có người». Truyền thuyết nói: người được cử đi dụ Nguyễn Chích là Nguyễn Trãi.

(2) Sử cũ không chép rõ Nguyễn Chích về theo Lê Lợi từ năm nào. Bài nghiên cứu của Phạm Văn Kinh về «Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Chích...» đã chứng minh thời điểm ấy là mùa đông năm 1420.

(3) Chức tước của Nguyễn Chích trong thời gian đầu tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Thiệu úy, thuộc hàng Tam Thiệu, là một trong ba chức quan võ cao cấp của triều đình phong kiến. Nhập nội là danh hiệu được ghép thêm để tỏ ý tin cậy, qui trọng.

họp bàn này, Nguyễn Chích chỉ đem theo mấy nghĩa quân thân cận, vượt rừng ra đi ngay.

Rừng núi Lam Sơn đang độ cuối thu. Đây là mùa thu thứ sáu của cuộc khởi nghĩa đánh giặc trường kỳ. Đem lực lượng của mình hòa vào cuộc đẩy binh lớn lao của dân tộc, trong những năm tháng hoạt động dưới cờ của Lê Lợi ở Lam Sơn ấy, Nguyễn Chích đã lung hoành trên đất đại miền tây Thanh Hóa như hổ được về rừng. Mới đầu năm trước đây — mùa xuân năm Quý Mão (1423) — vị tướng quân tài giỏi ấy đã đánh một trận lớn vào lúc tuổi mình vừa đúng bốn mươi, lập một võ công chấn động: chém chết tên Tả Tham tướng Phùng Quí của quân Minh!

Bấy giờ, nghĩa quân Lam Sơn vừa từ Quan Du⁽¹⁾ kéo lên đóng giữ ở Khôi Huyện⁽²⁾ thì gặp đại quân nhà Minh từ ba bề bốn bên ập đến bờ vây. Tổng binh Trần Tri — kẻ vừa được hoàng đế nhà Minh đặt vào chức vị đây tội ác của những tên như Trương Phụ — thân chỉ huy cuộc vây đánh, cùng với một loạt tướng lĩnh gian hiểm, khát máu: Sơn Thọ, Mã Kỳ, Phùng Quí...

Khắp các ngả núi rừng đều bị quân giặc vây kín. Và chính Phùng Quí là kẻ giữ việc thi hành độc kế: chặn đường, tuyệt lương của nghĩa quân. Đứng trước tình thế hiểm nghèo, Bình Định Vương xit giọng nói với các tướng lĩnh đang bồn chồn tụ tập xung quanh:

— «Quân giặc vây ta bốn mặt rồi! Đây chính là nơi mà binh pháp gọi là «đất chết». Chỉ có cách đánh nhanh thì còn, không đánh nhanh thì mất!»⁽³⁾

(1) Nay là vùng huyện miền núi Quan Hóa của Thanh Hóa

(2) Miền Nho Quan — Thạch Thành bây giờ.

(3) Nguyễn văn trong sách Đại Việt sử ký toàn thư.

Lời kêu gọi khẩn thiết ấy của người cầm đầu đất Lam Sơn như đốt lửa trong lòng các tướng sĩ. Nguyễn Chích lập tức xin lĩnh một cánh quân xông thẳng vào trận giặc và bất ngờ đụng độ với Phùng Quí. Khắp các mặt trận, những tướng lĩnh Lam Sơn cũng đang dẫn quân vào trận. Tiếng hò reo giết giặc phá vây dậy núi rừng. Trận đánh hoàn toàn không cân sức, cuối cùng đã chỉ nhờ chí quyết liệt hy sinh của các nghĩa sĩ yêu nước mà làm đảo lộn kết quả. Giặc Minh bất ngờ vỡ quân, hối hoảng chạy tháo khỏi núi rừng Khôi Huyện, cầm đầu rút thẳng một mạch về tận Đông Quan. Nhưng riêng Tả Tham tướng Phùng Quí thì không về được. Đụng độ với Nguyễn Chích, nhát chém như sét nổ cùng khi thể tấn công ngút trời của vị tướng nông dân đã khiến tướng giặc rơi đầu bỏ mạng ngay giữa trận, gây kinh hoàng dư dội trong khắp hàng quân Minh ⁽¹⁾.

Từ sau chiến công ấy, tiếng tăm Nguyễn Chích càng nổi như sóng cồn. Bình Định Vương Lê Lợi và khắp hàng tướng lĩnh Lam Sơn, ai ai cũng vì thế. Cảm kích trước thái độ ấy, Nguyễn Chích càng ngày đem nung nấu cho chín cái kế hoạch đã dần dần nảy nở trong đầu, những mong đóng góp hẳn một đổi thay lớn cho cuộc khởi nghĩa đã kéo dài sáu năm nhưng vẫn chưa vượt được ra khỏi khuôn khổ của miền rừng núi quê hương Bình Định Vương. Đây là một kế hoạch khác thường, nhưng lại nảy nở từ trong kinh nghiệm hàng chục năm lận lộn bôn ba xa gần của vị tướng quân nông dân. Cần đi nhắc lại nhiều lần, Nguyễn Chích thấy đã

(1) Theo sách *Lam Sơn thực lục*, cùng lập công trong trận thắng lớn này còn có Lê Linh, Phạm Văn, Lê Hào, Lý Triện. Tầm bia Vạn Lộc ghi rõ: Nguyễn Chích là người chém đầu Phùng Quí trong trận này.

đến lúc phải đem kế hoạch của mình trình bày với bộ chỉ huy nghĩa quân. Thì cũng vừa gặp lúc Bình Định Vương cho lệnh mở cuộc họp bàn cơ mật này — hẳn cũng là kết quả những tính toán nghiền ngẫm của người đứng đầu cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Quả nhiên, vừa vào cuộc họp bàn, Lê Lợi đã đắm đắm nhìn khắp lượt các tướng lĩnh thân tín của mình, rồi dẫn giọng nói:

— Sáu năm qua, dựng cờ đánh giặc, nắm gai nếm mật đã nhiều mà cướp cờ chém tướng cũng lắm. Vậy mà nghiệp lớn vẫn chưa nên! Chúng ta vẫn chỉ vào ra được ở một vùng núi rừng này. Đâu phải là ta không có chí muốn mở mang thế lực ra ngoài đất Lam Sơn? Nhưng đã mấy lần kéo xuống đồng bằng Thanh Hóa rồi mà đều không thành! Thế lực giặc đồn lại ở đấy quá mạnh...

Lại nhìn các tướng lĩnh của mình một lần nữa, tin cần, thiết tha, người chủ tướng Lam Sơn cất giọng hỏi tiếp:

— Vậy thì để mở nước cho kỳ được, chúng ta phải đi tới đâu? ⁽¹⁾.

Mạch nghĩ của Bình Định Vương thế là đã nhập cùng mạch nghĩ của Nguyễn Chích từ lâu. Đưa mắt xem nhanh thái độ của những tướng lĩnh trụ cột của cuộc khởi nghĩa nhân dân: Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Xí ⁽²⁾..., thấy ai nấy đều đắm chiều trước câu hỏi quan trọng ấy — không phải chỉ là câu hỏi của

(1) Nguyên văn trong tấm bia Vạn Lộc: «Vua hỏi các bầy tôi rằng: Chúng ta sẽ đi đâu để lo việc nước?»

(2) Xin xem *Những vì sao đất nước*, các tập I, II, III.

Bình Định Vương mà còn là của cả cuộc dấy nghĩa — Nguyễn Chích thấy cần phải nói ngay những điều nung nấu bấy lâu của mình:

— « Nghệ An là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông. Tôi đã từng qua lại Nghệ An nên rất thông thuộc đường đất. Nay ta trước hãy đánh lấy Trà Long⁽¹⁾, chiếm giữ cho được Nghệ An để làm chỗ đứng chân, rồi dựa vào nhân lực, tài lực ấy mà quay ra đánh Đông Đô thì có thể tính xong việc dẹp yên thiên hạ! »⁽²⁾

Chính Nguyễn Trãi là người đầu tiên sửng sốt trước những điều kỳ diệu chứa đựng trong lời trình bày gọn ghẽ đó của Nguyễn Chích! Từ vị thủ lĩnh Hoàng Nghiêu Sơn năm xưa đến vị tướng quân Lam Sơn bây giờ, Nguyễn Chích quả đã tiến những bước dài trong cách nghĩ của người làm tướng! Vị quân sư của Bình Định Vương vội vàng tiếp lời ngay:

— Bấy lâu nay, chúng ta lo việc tạo ra chỗ đứng chân cho cuộc dấy binh. Chỗ đứng chân là vùng Lam Sơn này có lợi thế hiểm yếu của núi rừng, lại là đất quê hương Vương thượng cùng nhiều tướng lĩnh của ta. Nhưng sáu năm qua cũng đã đủ để thấy rằng chỗ đứng chân này không đủ nuôi cuộc khởi nghĩa lớn nữa. Giặc đã lợi dụng thành Tây Đô kiên cố của triều Hồ để đóng cả một vệ quân, cùng với 5 thiên hộ sở và biết bao đồn binh nữa để bao bọc chúng ta ở đây. Trước mắt là Tây Đô, hai bên lại bị kẹp giữa Đông Đô và Nghệ An, cũng

(1) Nơi đóng quân quan trọng của giặc Minh ở Nghệ An. Nay là đất huyện Trương Dương.

(2) Nguyên văn trong sách *Việt sử thông giám cương mục*.

đều là căn cứ mạnh của giặc. Binh pháp nói: « Phát tránh chỗ mạnh của giặc mà đánh vào chỗ hư của nó »⁽¹⁾...

Hướng về phía Nguyễn Chích, vị quân sư lỗi lạc của Bình Định vương hào hứng nói tiếp:

— Quả đúng như lời tướng quân Nguyễn Chích, Nghệ An sẽ là chỗ đứng chân rất tốt cho ta. Là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông, lại xa cả Đông Quan lẫn Tây Đô, tránh được cái thế hai mặt kẹp lại. Thế lực của giặc ở đây cũng chưa sâu rộng, bởi mới đây còn là đất của hai vua Trần⁽²⁾. Tiến quân vào đánh chiếm lấy Nghệ An làm chỗ đứng chân rồi từ đây mà phát triển đi các nơi thì việc lớn tất thành!

Bình Định vương và các tướng lĩnh Lam Sơn, sau những lời lẽ ấy của Nguyễn Trãi, chỉ còn biết nhìn Nguyễn Chích, đầy khâm phục⁽³⁾.

★
★

(1) Tư tưởng quân sự này được Nguyễn Trãi trình bày trong sách *Quân trung từ mệnh tập*.

(2) Cho đến năm 1414, Nghệ An vẫn còn là địa bàn chống giặc Minh của Giản Định đế và Trưng Quang đế.

(3) Nhà bác học thế kỷ 18, Lê Quý Đôn là người đầu tiên nhận ra thiên tài và cống hiến to lớn của Nguyễn Chích qua phương hướng chiến lược mà ông mở ra cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đánh giá Nguyễn Chích ngang với Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn đã viết trong sách *Kiến văn tiểu lục*: « Lấy hòa hiếu để kết liễu chiến tranh, tuy là mưu kế của Nguyễn Trãi, nhưng trước hết làm cho căn bản mạnh để thu lấy thắng lợi hoàn toàn, thực là bắt đầu từ Lê (họ vua ban cho Nguyễn Chích) vậy ».

Theo đường thượng đạo, toàn bộ nghĩa quân Lam Sơn đã rời Thanh Hóa, tiến vào Nghệ An⁽¹⁾. Những trận đánh dữ dội diễn ra dọc đường tiến quân đều mang lại thắng lợi oanh liệt cho nghĩa quân. Là người đề ra kế hoạch tiến quân, Nguyễn Chích còn là người hăng hái tham gia vào tất cả những trận đánh lớn ấy.

Đúng như điều đã thấy trước ở cuộc họp bàn cơ mật năm Giáp Thìn (1424), cục diện mới xuất hiện trên đất mới đã tạo cho nghĩa quân Lam Sơn một chỗ đứng chân rất tốt ở Nghệ An. Nghĩa quân đã dồn được quân giặc ở khắp phủ chạy về cố thủ trong tòa thành xây cao trên núi Lam Thành⁽²⁾. Làm chủ cả một miền đất đai rộng lớn, đông dân, giàu tài lực và nhất là giàu lòng yêu nước, nghĩa quân đã có thêm hàng vạn, hàng vạn người nô nức xin đứng dưới cờ. Những người ấy lại đưa thêm về hàng vạn, hàng vạn người nữa, khi theo các đạo binh được Bình Định vương phái đi mở rộng thêm chỗ đứng chân vào mãi các phủ Tân Bình, Thuận Hóa⁽³⁾ ở phía nam và ra tận phủ Diên Châu⁽⁴⁾ nối liền với phủ Thanh Hóa ở phía bắc, dồn thêm quân giặc ở các nơi ấy vào mấy tòa thành chơ vơ, đơn độc.

Những tin tức nức lòng ấy tới tấp bay về tòa thành Lục Niên trên núi Thiên Nhân⁽⁵⁾. Giữa những bức tường đá uốn theo thể núi mà xây dựng thật khéo léo và kiên cố là tòa đại sảnh mà Bình Định Vương sử

dụng làm bản doanh trong những ngày vào hoạt động ở Nghệ An. Suốt cả năm Ất Tỵ (1425) ấy, chính từ nơi đây đã tạo ra những kế sách, tung ra những mệnh lệnh, đề nghĩa quân ở khắp nơi thu về những thắng lợi ngày càng lớn. Bây giờ, mùa xuân năm Bình Ngọ (1426), thế lực đã mạnh hẳn lên, cũng từ tòa thành Lục Niên này, một kế sách mới với tầm trọng đại rất lớn, lại cũng đang hình thành. Và chính những người hoạch định những bước đi qui mô cho thời gian sắp tới ấy — Lê Lợi và Nguyễn Trãi — lại đang cùng Nguyễn Chích bàn tính những việc cụ thể để chuẩn bị cho việc thực hiện kế sách này.

— Đã đến lúc phải chia quân rồi — Lê Lợi ngả người về phía trước cho gần với Nguyễn Chích hơn, rồi hạ giọng nói tiếp — ít hôm nữa, ta sẽ đưa bản doanh ra ngoài Lôi Dương⁽¹⁾ để sửa soạn mở đường cho đại quân đánh ra Đông Quan. Chúng ta sẽ đem lực lượng xây dựng được tại đây đi dò sức với giặc ở ngoài sào huyệt chính của chúng, chứ không để cho chúng tìm ta mà giao chiến như trước nữa!

— Vương thượng sẽ giao đạo quân tiên phong cho tôi chứ?

Nguyễn Chích cố kìm vẻ bồn chồn, vờn người hỏi khẽ. Nhưng thấy Nguyễn Trãi mỉm cười, Lê Lợi cũng cười theo, và đặt một tay lên vai Nguyễn Chích:

— Ta vừa nói đến việc chia quân, tướng quân không thấy sao? Vẫn phải để một phần binh mã ở đây, bao vây các tòa thành cố thủ của giặc, không cho chúng đưa

(1) Phủ Nghệ An thời nhà Minh thống trị gồm phần đất phía nam tỉnh Nghệ An và cả tỉnh Hà Tĩnh ngày nay.

(2) Dinh lũy chủ yếu của quân Minh ở Nghệ An, nay còn vết tích ở huyện Hưng Nguyên.

(3) Miền đất từ Quảng Bình đến Thừa Thiên ngày nay.

(4) Nay là miền bắc tỉnh Nghệ An.

(5) Thành xây từ năm 1425 của Lê Lợi. Nay còn di tích ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

(1) Miền huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa bây giờ.

quân miền này di tăng viện cho bọn giặc ở mạn ngoài, một khi bọn ở mạn ngoài bị đánh. Tướng quân phải đảm nhiệm việc ấy⁽¹⁾.

— Tướng quân là người có công đầu trong việc giúp vương thượng vào đất này xây dựng lực lượng — Nguyên Trai ôn tồn phân giải — Bây giờ tình thế đã biến đổi, nhưng công việc ở đây không vì thế mà bớt nặng nề. Chọn tướng quân ở lại đề lo nốt việc trọng đại này chính là vì lẽ đó!

Quả là phần việc mới giao cho Nguyên Chích không nhẹ nhàng một chút nào. Giặc Minh đã mất vào tay nghĩa quân những vùng núi rừng, đồng ruộng, xóm làng mênh mông từ Thanh Hóa vào đến Thuận Hóa. Nhưng những tòa thành mà chúng cố thủ trên miền đất ấy, với hàng vạn quân, không phải là nhỏ. Bấy lâu nay, nghĩa quân đề nghị cho chúng là cốt được rảnh tay mà lo việc gây dựng lực lượng của mình. Bây giờ, phần lớn những lực lượng ấy đã kéo ra mạn ngoài để độ sức với quân thù, chỉ còn lại một bộ phận nhỏ được giao cho Nguyên Chích đề trực tiếp xử trí những tòa thành của giặc.

Nguyên Chích chẳng chút nề hà, đứng ra cáng đáng trách nhiệm của mình. Và vị tướng trước kia đã từng chuyên tâm rèn luyện cách giữ thành, cố thủ bao nhiêu, thì bây giờ lại dốc sức tập tành cách tấn công, phá thành bấy nhiêu. Nhanh chóng xây dựng những đạo

(1) Theo văn bia Vạn Lộc thì Lê Lợi "lưu ông (Nguyên Chích) ở lại giữ thành Nghệ An". Theo sách *Lam Sơn thực lục*, thì được giao việc xử trí các thành lũy cố thủ của giặc, còn có Đinh Lễ, Lê Văn An, Lê Ngân, Lê Sát, Nguyễn Thận, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng.

quân thảo trận công kiên⁽¹⁾, Nguyên Chích đã đưa thẳng những đạo quân ấy vào Bồ Chính⁽²⁾, bắt đầu loạt trận đánh hạ những đồn lũy của giặc Minh từ mạn trong trở ra. Và cuối cùng thì trước mắt vị tướng quân năng nổ của nghĩa binh Lam Sơn đã là những bức tường sừng sững của tòa phủ thành Nghệ An chễm chệ trên núi Lam Thành.

Nguyên Chích đã nhiều lần từ xa nhìn ngắm đến nhưc mắt tòa thành kiên cố này. Những bức tường cao ba bốn đầu người của nó không phải là không thể vượt qua⁽³⁾. Nhưng cái thế tựa vững vào vách núi ở hai phía tây, bắc, và bám chắc lấy bờ sông ở phía nam của nó, đã tạo ra cả một vị trí thủ hiểm lợi hại: chỉ có thể triển khai công kích từ một phía duy nhất là mặt đông của thành!

Những đạo quân vừa được tôi luyện trong những trận đánh phá thành lũy giặc ở mặt trận phía nam của tướng quân Nguyên Chích đã dàn trận sẵn sàng ở hướng đó. Những chiếc thang có móc dài ngắt nghều, những lưới câu liêm dựng lên tua tủa, bên những chiếc xe đánh thành có tầng mui đầy cộm, sẵn sàng lăn bánh áp sát vào tận cổng cái cửa dinh lũy giặc.

Thấp thỏm đứng trên tòa địch lâu của tòa thành bị bao vây, đô đốc Thái Phúc — kẻ được giao trọng trách trấn giữ tòa thành của quân Minh — cũng đã thấy rõ cảnh tượng đáng sợ đó. Nhưng từ phía lều trận của vị chủ tướng nghĩa quân, Thái Phúc lại chỉ thấy tiến ra

(1) Văn bia Vạn Lộc chép: Nguyên Chích lấy quân ở vùng Thừa Lộc, Kiến Uy (nay thuộc Hà Tĩnh) để đảm nhiệm việc này.

(2) Nay thuộc phía nam Quảng Bình.

(3) Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: tường thành Nghệ An cao 17 thước (khoảng 7 mét).

một lính cung thủ, xoắn chân, căng hết dây cung, phóng một mũi tên nặng lên mặt thành. Một lá thư buộc kèm với mũi tên: thư phủ dụ của nghĩa quân Lam Sơn do vị quân sư lỗi lạc của Bình Định Vương thân đứng ra soạn thảo!

Hết nhìn đạo binh tinh nhuệ của Nguyễn Chích lại nhìn lá thư mang những lời lẽ thiết tha của Nguyễn Trãi⁽¹⁾, đô đốc Thái Phúc, sau một hồi cân nhắc, dần dần nát óc, đã đi đến quyết định cuối cùng: nộp thành cho nghĩa quân!

Tướng Nguyễn Chích cùng nghĩa quân không mất một mũi tên hòn đạn, tiến binh nhập thành Nghệ An vào đầu xuân Đinh Mùi (1427).

*
**

« Con người ta có lúc cứ như được chim trời chấp cánh cho mà bay vậy » — Nguyễn Chích đứng cao trên cửa ải Lê Hoa⁽²⁾ nhìn khắp một vùng rừng núi điệp trùng trải rộng bát ngàn trước mắt, bất giác không khỏi nghĩ thầm — « Mới ngày nào còn ở Bồ Chính, Nghệ An, rồi được vờ ra bắc làm Tổng tri⁽³⁾ quân dân sự ba lộ Thượng Hồng, Hạ Hồng và Tân Hưng⁽⁴⁾, đem quân

(1) Lá thư này, về sau, trong sách *Quán trung từ mệnh tập* có chép lại.

(2) Trên biên giới tỉnh Hà Giang giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) ngày nay.

(3) Từ năm 1426, Lê Lợi chia miền Bắc ra làm 4 đạo, đứng đầu mỗi đạo là một Tổng tri.

(4) Miền Hải Hưng, Thái Bình, Hải Phòng ngày nay.

đánh hạ các thành Điều Điều⁽¹⁾, Thị Cầu⁽²⁾ vậy mà bây giờ đã lại ở trên địa đầu phía bắc của giang sơn dài rộng này rồi! ».

Nhớ lại ngày được tin hoàng đế nhà Minh đã động binh khắp thiên hạ để phái đi một lúc 15 vạn quân và 3 vạn ngựa, chia hai đường tiếp viện cho lũ quân tướng của Minh triều đang bị nghĩa quân bao vây ở Đông Quan, các tướng lĩnh Lam Sơn đều náo nức chờ giờ ra quân. Và bỗng chồn đôn nhận hưởng tiến binh của mình. Bởi vì đã có tin từ ngoài biên giới đưa về: cánh quân xuống bằng đường ải Chi Lăng do Thái tử Thái phó An Viễn hầu Liễu Thăng chỉ huy gồm 10 vạn quân và 2 vạn ngựa sẽ là cánh quân chính của địch. Còn cánh quân xuống theo đường ải Lê Hoa do Thái phó Kiềm Quốc công Mộc Thạnh chỉ huy gồm 5 vạn quân và 1 vạn ngựa thì chỉ là cánh quân phụ.

Nguyễn Chích, cũng như lần nghĩa quân cử binh ra Đông Quan năm trước, lại nóng nảy mong được đánh với Liễu Thăng cho bổ sức, thế nhưng, cũng như lần đã phải ở lại Nghệ An, vị tướng quân năng nổ ấy lại được giao lĩnh cánh quân chặn đường Mộc Thạnh⁽³⁾. Nhìn về mặt có phần không vui của Nguyễn Chích, quân sư Nguyễn Trãi lại tỏ bày:

— Mộc Thạnh là viên tướng lão luyện chiến chinh, được vua Minh phong đến tước Công chứ không như Liễu Thăng chỉ có tước Hầu. Và lại được mang ấn Chinh nam tướng quân chứ không phải là Chinh lộ phó

(1) Thuộc Gia Lâm (Hà Nội) bây giờ.

(2) Thuộc Bắc Ninh (Hà Bắc) ngày nay.

(3) Cùng với Nguyễn Chích đánh Mộc Thạnh, theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, còn có Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Lê Trung, Lê Khuyển,

tướng quân như Liễu Thăng. Chính vì vậy mà phải chọn tướng quân để đương đầu với viên lão tướng ấy!

Nhìn vẻ mặt đã tươi tỉnh trở lại của Nguyễn Chích, Bình Định Vương Lê Lợi dặn thêm:

— «Hãy cho đặt phục binh để chờ. Không nên đánh nhau với giặc vội!»⁽¹⁾.

Lãnh quân ra đi, Nguyễn Chích hiểu rằng cả một kế sách đánh giặc lớn lao đã được gói gọn trong lời dặn ấy. Lên đến Lê Hoa, bắt đầu đụng độ với Mộc Thạnh, vị tướng trấn ải mới càng thấy rằng kế sách ấy tuyệt hay! Viên lão tướng của giặc quả là một con cáo già! Biết binh lực của mình không mạnh lắm, nên mặc dầu đã được lệnh phải tiến binh phối hợp với Liễu Thăng cho ăn ý, Mộc Thạnh lại ra quân rất lừng khừng, thận trọng, chủ ý chờ đợi tin tức thắng bại của viên tướng trẻ nồn nóng kia, rồi mới quyết định phương sách tiến lui của mình. Thành ra, trong khi ở mạn Chi Lăng, đại binh Lam Sơn đã dốc ra chặn đánh Liễu Thăng rất khàn trương, dữ dội, thì ở Lê Hoa, dựa vào núi rừng hiểm trở, Nguyễn Chích và số ít nghĩa quân của mình, không khó nhọc gì lắm, vẫn cản được Mộc Thạnh ở địa đầu biên giới. Nhưng vị tướng quân nông dân lúc nào cũng sục sôi ý chí giết giặc không lấy thế làm thỏa lòng. Đứng cao trên ải Lê Hoa, nhìn xem địa thế khắp xa gần, Nguyễn Chích đã chọn sẵn được những nơi hiểm địa, nghĩ sẵn ra những kế lợi hại, chờ đợi xua giặc vào đất chết khi có dịp.

Dịp ấy đã đến thật là nhanh. Vào tháng mười năm Đinh Mùi (1427), một toán lính Thiết Đột⁽²⁾ hăm hở

(1) Nguyên văn chép trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(2) Đạo quân tinh nhuệ, dũng cảm, mang danh hiệu «Mũi nhọn bằng sắt» này được Lê Lợi thành lập ngay từ ngày đầu

cuốn bụi đường trường từ mạn Đông Đô tiến lên, áp giải bốn viên tướng giặc bị trói chặt⁽¹⁾ và một hòm sắc thư, phù tin, ấn chương thu được của cánh quân Liễu Thăng. Rạng rỡ nét mặt, Nguyễn Chích vừa ngắm nghĩa chiếc ấn «Chinh lỗ phó tướng quân» nhem nhuốc, vừa lắng nghe tin tức từ đại doanh Bình Định Vương: 10 vạn quân Minh theo đường ải Chi Lăng tràn xuống đã bị phá tan, chủ tướng Liễu Thăng bỏ mạng ngay tại trận!

Lập tức, mặt trận ải Lê Hoa cũng rùng rùng chuyển động. Vừa ra lệnh nhanh chóng điều bát nghĩa quân tràn ra bày trận ở chốn hiểm địa đã chọn sẵn: Khe nước lạnh⁽²⁾ và làng Đan Xá, Nguyễn Chích vừa tính kế lừa Mộc Thạnh vào bẫy. «Giặc hèn đã quan sát thấy ta động binh. Càng tốt! Vậy thì hãy cho giải ngay đám chiến tù và hòm chiến phẩm kia sang trại giặc để chúng hay số phận của đồng bọn. Đang chờ đợi tin tức của Liễu Thăng, thấy cảnh này, chắc hẳn tướng già Mộc Thạnh chỉ còn đường rút chạy!» — Nghĩ là làm, Nguyễn Chích vừa ném lữ con tin ra cửa trại đã lập tức lên ngựa phóng thẳng ra trận địa mai phục của nghĩa quân.

Quả như dự kiến của viên tướng tài, vừa được tin cấp báo: bên trại nghĩa quân đang ồn ào rục rịch, thì đã thấy tận mắt những tang vật của đạo chủ lực quân bị tiêu diệt, lão tướng Mộc Thạnh hồn vía lên mây,

khởi nghĩa ở Lam Sơn. Có thời kỳ Nguyễn Chích đã chỉ huy đạo quân này với chức vị «Thiết Đột hữu vệ đồng tổng đốc chư quân» (theo văn bia *Vạn Lộc*).

(1) Gồm 1 viên chỉ huy, 3 viên thiên hộ (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*).

(2) Tên chép trong thư tịch cũ: Lãnh Câu hoặc Lãnh Thủy Câu, đều có nghĩa là khe nước lạnh.

cuồng cuồng hạ lệnh lui binh. Lệnh của chủ tướng chưa xuống đến quân lính thì lũ giặc nhát gan đã tự tan vỡ. Con đường độc đạo trở về nước vừa dẫn lũ quân tướng Minh triều tháo chạy đến vùng núi khe trùng điệp Lãnh Câu — Đan Xá, thì đã thấy Nguyễn Chích dẫn nghĩa quân ủa ra, chém giết dữ dội như những đạo thần binh.

Trận đánh đẫm máu kéo dài⁽¹⁾. Cho đến khi tướng quân Nguyễn Chích hạ lệnh khua chiêng thu binh, thì từ khắp các ngả, nghĩa quân đã ùn ùn giải về hơn một ngàn tên giặc bị bắt sống, cùng với hơn một ngàn ngựa chiến, chưa kể hơn một vạn xác giặc nữa còn đang rải đầy trên chiến trường⁽²⁾. Vị tướng trấn ải Lê Hoa chỉ còn hậm hực một điều là không bắt sống được tên tướng cáo già Mộc Thạnh!

Hơn hai chục năm sau, vào năm Mậu Thìn (1449), quan Nhập nội đô đốc tham dự triều chính đình hầu⁽³⁾ Lê Chích từ triều đình trở về thăm quê cũ Vạn Lộc. Trái

(1) Nguyễn Trãi đã mô tả trận đánh này trong *Bình Ngô đại cáo* như sau: « Máu chảy đầy đồng, Lãnh Câu nọ nước trôi ắp ức.

Thấy chất thành núi, Đan Xá kia cỏ nội thắm hồng ».

(2) Số liệu của sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(3) Chức tước của Nguyễn Chích được phong vào lúc cuối đời.

mấy chục năm đánh giặc và gánh vác việc nước — thời gian và lo nghĩ đã nhuộm trắng mái đầu chàng trai xuất thân là mục đồng Vạn Lộc. Quyền cao chức trọng, lại được vua ban cho quốc tính⁽¹⁾, vinh hoa phú quý đã tốt đỉnh, nhưng tấm lòng xa quê vẫn bồi hồi bồi hồi khi mái tóc bạc lại được sống với những kỷ niệm thuở đầu xanh. Lê Chích bước những bước lằng lằng trên đất rừng Mã Trạch gần làng. Đi bên cạnh vị lão tướng là một thượng khách vừa được mời về thăm quê bạn: Tiến sĩ Trình Thuấn Du, bậc thức giả đang độ lừng lẫy tiếng tăm thuở bấy giờ⁽²⁾.

Thấy Lê Chích dừng lại bên mấy gò đất rất lâu, vẻ xúc động lộ ra nét mặt, Trình Thuấn Du cũng yên lặng đứng bên, ngó nghiêng quanh quất.

— Ngày xưa tập trận ở đây, bên trái là chỗ cắm cờ, bên phải là nơi đặt trống, phía trước là nơi tụ hội ba quân, đằng sau là chốn dàn bày voi trận...⁽³⁾

Lê Chích khoát tay nói với Trình Thuấn Du, rồi lại tiếp tục bước đi giữa những hàng cỏ thụ. Rừng Mã Trạch rì rào những tiếng động muôn thuở của gió lá chim cành, và cả lời tâm sự của vị lão tướng với người bạn văn nhân:

— Từ đất này ra đi, đến khi trở về thì mái tóc đã bạc. Năm nay thế là đã sáu chục lẻ sáu tuổi rồi, chẳng mấy chốc nữa là đến cõi! May mà còn có niềm vui là

(1) Chủ trương của Lê Lợi: trọng đãi công thần thì cho đổi họ thành họ Lê của vua, gọi là « ban quốc tính ».

(2) Trình Thuấn Du đỗ tiến sĩ năm 1429, từng sung chức Chánh sứ giao thiệp với triều đình nhà Minh.

(3) Mô tả thế đất này cho đến nay, ở Vạn Lộc vẫn còn câu nói chữ: « Tả kỳ, hữu cổ, tiền tam quân, hậu bạch tượng ».

đã được đánh giặc suốt từ địa đầu biên giới phía nam cho đến tận cùng biên giới phía bắc của giang sơn, giữ yên được bờ cõi cho dân nước⁽¹⁾. Bây giờ chỉ còn ước vọng là khi nào nằm xuống thì lại được trở về chốn đất quê này...

Trình Thuấn Du nhẹ nhàng mỉm cười:

— Tôi thì cũng sắp đến cõi như quan bác, nhưng nếu trời cho đi sau quan bác thì khi ấy sẽ xin vì quan bác mà sửa bút thảo một bài văn, thuật lại đầy đủ cuộc đời hiển hách của quan bác. Bài văn ấy sẽ cho đem khắc vào bia đá và dựng ở ngay đây!

Đôi bạn già cùng cười. Khi ấy không ai nghĩ rằng đấy là những lời nói chẳng bao lâu nữa đã thành sự thật! ⁽²⁾.

VĂN LANG

(1) Sau trận Lê Hoa, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép Nguyễn Chích còn được cử làm "Đồng Tổng quản Châu Hóa, trấn thủ Thất ải. Người Chiêm hai lần đến cướp, vây thành. Chích lấy ít đánh nhiều, đều phá được".

(2) Nguyễn Chích mất ngày 26 tháng 11 năm Mậu Thìn (1449) mộ chôn ở Mã Trạch. Tấm bia đá khắc bài văn của Trình Thuấn Du dựng ở cách mộ ông khoảng 20m, ngày nay vẫn còn. Đó chính là tấm bia Vạn Lộc, mang tên "Quốc triều tá mệnh công thần chi bi" mà bài viết này đã nhiều lần viện dẫn làm cứ liệu.

YẾN PHI

I

— Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật. Tôi năm nay tuổi cũng đã luống, mà vợ cả rồi vợ hai lại cứ chỉ sồn sồn rất một giống con gái! Hôm nọ, có người nói tôi phải lấy vợ ba mới có con trai, mà người vợ mới này phải có tướng như chim bay cá nhảy. Ngẫm đi ngẫm lại, nhắm gần nhắm xa thấy chỉ có cô Yến Phi nhà ta! Yến Phi, chẳng phải là chim bay thì còn là cái gì nữa?

Chắc hẳn đặc ý về câu nói tình tứ đượm vẻ chữ nghĩa thâm thúy của mình, viên chánh tổng vừa ề ề đến đấy thì tựa lưng vào thành kỷ, ngửa cổ hình hích cười một tràng. Đoạn, cứ ngồi như thế, vừa lấy tay vờ vờ chòm râu dê, chánh tổng vừa thủng thủng nói tiếp, mắt nhìn lên bức hoành mang hai chữ « Minh Đức » chừng chặc treo cao trên đầu:

— Cụ là người có chữ nghĩa, chẳng qua chỉ nhất đàn làm đường theo giặc. Dẫu chưa cử sự, nhưng đã

là chỗ quen biết của tướng giặc châu chấu Cao Bá Quát⁽¹⁾ thì cũng đủ rắc rối rồi! Thế mà vừa qua tôi lại được tin báo là lão Tuần Nhòn⁽²⁾ vẫn lén lút đi lại ở đây. Việc này mà đến tai quan trên thì vạ lớn làm sao tránh khỏi được? Nghĩ cứ ái ngại cho cụ, nên tôi mới càng tính đến việc xin cô Yến Phi nhà ta về làm kế thất đấy! Nàng khấn sửa túi cho tôi, được tôi che chở cho thì còn lo gì việc người ta quấy nhiễu nhà này nữa?

Nhóm người ngồi thẳng trên kỷ, liếc nhìn thấy cụ Đồ, từ nãy vẫn cứ yên lặng chịu chuyện, không rõ ý tứ ra sao mà chỉ đắm đắm nhìn vào chén nước đã nguội ngắt trên tay, viên chánh tổng dần giọng:

— Luật lệ Hoàng triều về án đại nghịch như thế nào, cụ hẳn đã biết! Kẻ liên can với giặc mà không thú cáo thì ngoài án chém cầm chắc, nhẹ nhất cũng phải xử trượng 100 gậy, đầy xa ba nghìn dặm. Mà đã bị xử lưu đầy thì cả vợ con cũng đều phải đi đầy theo⁽³⁾. À mà cô Yến Phi đâu nhỉ, trà nguội cả rồi, sao chẳng thấy ra tiếp nước...

Chánh tổng đổi giọng xun xoe, nhìn ngong ngóng vào ngạch cửa thông xuống nhà ngang, nhưng mãi cũng vẫn chỉ thấy lặng ngắt như tờ. Hơi có vẻ ngượng, kẻ cường hào hăng giọng, quay về phía cụ Đồ từ nãy vẫn giữ yên vẻ lặng thinh:

— Cụ cứ nghĩ kỹ đi rồi cho tôi biết! Việc này chẳng vội gì, nhưng cũng chẳng nên để lâu. Bởi tôi cũng còn

(1) Thủ lĩnh của cuộc nông dân khởi nghĩa chống phong kiến nhà Nguyễn năm 1854 — 1855. Xin xem: *Những vì sao đất nước*, tập II.

(2) Thủ lĩnh dư đảng của cuộc khởi nghĩa Cao Bá Quát, sau khi Cao Bá Quát tử trận.

(3) Luật Gia Long, điều 223 (Hình luật).

phải thu xếp việc chở che cho cụ, chứ rồi chuyện tố giác đã đến tai triều đình thì thánh cũng chẳng kịp gỡ nữa. Thôi, tôi về!

Viên chánh tổng đã đi rồi, nhưng những lời dọa đe hôn hào như vẫn còn đọng lại mãi trong căn nhà tối mờ mờ. Cụ Đồ cứ ngồi trầm ngâm trước chiếc kỷ đã trống chỗ của kẻ cường hào, cho đến khi nghe tiếng bước chân nhẹ nhẹ dừng lại ở phía sau lưng mình.

— Tội vạ đến nơi rồi con ạ!

Không ngánh lại, cụ Đồ thở dài nói khẽ. Nhưng lập tức, một giọng thanh thoát, sẽ sàng mà rần rỏ đã cất lên:

— Ở trong nhà, con đã nghe rõ cả! Xin thầy cứ đề mặc cho con lo liệu việc này. Được thầy cho theo đòi việc bút nghiên, tuy là phận gái nhưng con cũng hiểu được cái nghĩa chữ « Minh Đức » là thế nào. Nghĩa phụ⁽¹⁾ con lại cũng đã truyền đủ cho con những miếng nghề để theo được cái đức sáng ở vào thời buổi vua quan nhiễu nhương này...

Mấy tên lính phủ, gậy hèo tay thước, mang gông xách thùng nhằng nháo bước qua cổng nhà cụ Đồ. Chánh tổng, lý trưởng dẫn đầu bọn chúng.

Bị cụ Đồ cự tuyệt việc gả bán cô gái vừa nhan sắc vừa khỏe mạnh, lại giỏi giang chữ nghĩa nhất trong vùng, chánh tổng râu dề căm tức tím mặt, rắp tâm thi hành ngay việc trả thù⁽²⁾. Ton hót với phủ quan rằng,

(1) Theo truyền thuyết, Yến Phi là con nuôi Tuần Nhòn.

(2) Về nạn quan lại cường hào ở triều Nguyễn, vào năm 1863, chính sử nhà Nguyễn, sách *Đại Nam thực lục* (chính biên,

chính nhà cụ Đồ là nơi chứa chấp Tuần Nhòn, dư đảng của Cao Bá Quát đã một thời làm quan quân triều đình mất ăn mất ngủ, chánh tổng đã lập tức được lệnh phải cùng lính phủ tróc nã tên giặc cỏ, điệu về phủ đường ngay. Đặc ý về ngón đòn hiểm: vừa táng công được với quan trên, vừa trừ khử được cái gai trước mắt, chánh tổng còn ngốt người lên vì mối hy vọng chiếm đoạt được Yến Phi, một khi thân cô thế cô, sẵn đàn tan ghé, chắc chắn sẽ phải rơi vào tay hắn.

Nhưng, đã kéo vào đây cả căn nhà « Minh Đức » rồi mà lũ đầu trâu mặt ngựa vẫn thấy ba bề bốn bên vắng lặng như không. Chánh tổng có phần chột dạ, đảo mắt nhìn quanh, dặng háng mấy tiếng. Vừa lúc ấy, tự ngách cửa ngang, bỗng nhẹ nhàng xuất hiện một Yến Phi khác hẳn ngày thường. Cô gái gọn gàng trong bộ võ phục bó chẽn, vẻ mặt nghiêm lạnh, nhưng đôi mắt thì long lên, thật dữ tợn. Toán lính tráng, cường hào còn chưa kịp định thần thì đã choáng tại vì những tiếng quát lạnh lạnh:

— Các người vô cớ kéo nhau vào nhà dân lành để làm gì?

Tình thế bị đảo lộn thật nhanh chóng. Kẻ toan ra oai bỗng trở nên lúng túng khi người bị ức hiếp đã nổi giận với sức mạnh của mình. Tuy vậy, chánh tổng râu dê vẫn cố lấp bấp:

— À, giỏi thật! Giặc già lánh mặt để nghịch nữ lộng hành. Các anh mau trói cổ nó lại!

Đám lính phủ lấy lại tinh thần, đồ xô về phía người con gái. Nhưng vọt một cái, hết như én liệng, Yến Phi

quyển 27) cũng phải ghi lời vua Tự Đức: « Nay mối tệ của quan lại rất nhiều. Nhân dân cũng khổ, trộm cướp nổi dậy, chưa chắc là không bởi tại đó ».

đã tung người nhảy vọt ra giữa sân. Đứng thủ thế trên miếng đất thoáng dặng, cô gái hát đầu:

— Ra đây! Ra cả đây, chị dạy cho mấy bài...

Những tên lính nhao nhao ủa cả ra sân, gây gộc vung lên tới tấp. Nhưng thật không ngờ! Né người tránh nhanh chiếc tay thước đầu liền vừa bỏ xuống đầu mình, Yến Phi đã thuận tay giật gọn lấy vũ khí của tên lính đánh trượt bị nhỡ đà, lại co chân tổng ngay một đạp vào giữa bụng kẻ hung đồ. Bị đòn trời giáng, tên lính ngã bật ngửa ra sân, ôm bụng lăn lộn, rống lên như lợn bị chọc tiết. Cây gậy trong tay cô gái lập tức vung lên, bay lượn như rồng múa, chỉ mấy đòn tiếp theo, đã đánh bằng vũ khí của toán lính, lại còn bồi được cho mấy tên gãy tay, toạc trán.

Phút chốc, cả đám lính phủ đã nháo nhào tháo sạch ra khỏi cổng. Lý trưởng cũng đã nhanh chân lui biến trước cảnh tượng kinh hoàng. Chỉ còn chánh tổng râu dê, ngạc nhiên đến cứng cả tay chân, há hốc mồm đứng tựa trời trồng ở trước thềm nhà. Đến lúc thấy Yến Phi thét lên một tiếng, lao thẳng đến phía mình, chánh tổng mới cuống cuống chạy vòng ra phía cổng. Nhưng chỉ kịp chệnh choạng được vài bước, hắn đã bị cô gái nhảy theo, túm lấy khăn, giật mạnh về phía sau. Ngã chổng vó lên trời, chánh tổng cứ nằm thế mà lạy như tế sao:

— Tôi lạy cô Yến Phi! Trăm lạy cô Yến Phi! Xin cô thương tình sinh phúc cho kẻ hèn này...

Xoắn lấy mái tóc sổ tung của kẻ cường hào, Yến Phi vừa kéo xềnh xệch chánh tổng về phía nhà ngang, vừa lầm bầm:

— Tha à? Được! Vào đây mà xin...

Quảng tên tù binh xuống dưới chân cụ Đồ, từ nãy vẫn ngồi yên lặng trong gian nhà ngang. Yến Phi lùi

lũ đi xuống bếp. Cô gái vừa đi khỏi, chánh tổng đã lại căn rơm căn cỏ lay van người chạ cho đến khi hết hoảng nghe thấy tiếng củi nứa nổ lép bép, cùng với tiếng bước chân trở lại của Yến Phi.

Tay cầm bó đuốc cháy rừng rực, cô gái rành rẽ nói vào mặt kẻ cường hào:

— Ta cũng chẳng thèm lấy cái mạng tanh hôi của người làm gì. Nhưng phải đốt cho trụi cái thói dâm bạo của người đi!

Đi bó đuốc vào chòm râu dê của chánh tổng cho cháy xèo xèo, rồi thuận tay cái luôn mỗi lửa lên mái gianh, cô gái quì xuống niu áo cụ Đồ:

— Cha con ta chẳng thể nào ở yên đây với lũ cướp ngày này được. Xin thầy mau rời đến chỗ nghĩa phu con mà lánh nạn.

— Còn con?

— Xin thầy cho con được từ nay ra tay trừ tận gốc những bọn sâu mọt như kẻ kia!

Cô gái trừng mắt, chỉ thẳng tay vào bộ mặt lem nhem trần trụi râu tóc của tên chánh tổng, lúc này đã lập cập lùi dần ra đến cổng.

★
★★

Thủ lĩnh nghĩa quân Tuần Nhòn trọng vọng đón tiếp cụ Đồ và mừng rỡ, âu yếm ngắm nhìn Yến Phi gọn gàng, nhanh nhẹn trong bộ võ phục. Nghe kể lại chuyện cô con gái nuôi trừng trị bọn cường hào linh tráng, Tuần Nhòn vỗ đùi cười ngất:

— Phải, phải lắm! Thế mới đáng mặt nghĩa nữ của Tuần Nhòn này.

Thét nghĩa quân bày tiệc rượu khoản đãi khách qui, Tuần Nhòn hể hả tâm sự: Dư đảng nghĩa quân Châu Châu ở đây cũng vừa trải qua một cơn sóng gió dữ dằn. Quan quân triều đình từ bốn mặt kéo đại binh đến vây đánh thật ráo riết. Giữa lúc tình thế chưa biết sẽ ra sao thì tự nhiên thấy binh mã triều đình lục tục giải vây, kéo đi. Mãi sau mới biết là nghĩa quân Cai Vàng ở Lạng Giang ⁽¹⁾, được tin nghĩa quân Tuần Nhòn đang bị nguy khốn, đã nổi dậy đánh phá ở mạn trên để ứng cứu...

Vị thủ lĩnh nghĩa quân dịu hẳn giọng khi nhắc đến cái tên Cai Vàng ⁽²⁾ của người nghĩa hiệp đang nổi danh ở xứ Bắc về tài mộ quân dấy nghĩa đánh lại triều đình. Và cô con gái nuôi của Tuần Nhòn, chỉ qua những câu chuyện chấp nối giữa hai người cha bên mâm rượu, bỗng nhiên cũng thấy bị lôi cuốn vào những kỷ tích và cuộc đời ngang tàng của người đàn ông đang còn xa lạ mà sao đã thấy gần gũi như trong gang tấc. Đây là người đã giỏi võ nghệ lại hay chữ nghĩa, và nhất là giàu chí quật cường. Xuất thân trai một nhà hào phú trong miền, Cai Vàng đã xin được cha cho tiêu cả cái gia tài đồ sộ vào việc khởi nghĩa của mình. Là học trò giỏi của cụ Tú Bái — vốn cũng là chỗ quen biết cũ của cụ Đồ đấy thôi — Cai Vàng đã dùng ngay được cả thầy học làm quân sư cho nghĩa binh, bày ra những trận đánh kinh hồn táng đờm quan quân triều đình...

Đang nồng câu chuyện, Tuần Nhòn chồm người qua mâm rượu, ghé vào tai cụ Đồ mà hạ giọng: Cai Vàng

(1) Miền Bắc Giang (Hà Bắc bây giờ).

(2) Tên thật là Nguyễn Văn Thịnh, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa nông dân lớn chống lại triều đình phong kiến nhà Nguyễn ở vùng Hà Bắc, Hải Hưng vào những năm 1862 — 1863.

vừa cử người tới nhắn tin sẽ thân dẫn các bộ tướng đến ngay đây để bàn việc liên kết thế lực đánh lại triều đình!

Đúng lúc ấy, chợt nhận ra thái độ bỗng trở nên lúng túng khác thường của cô con gái nuôi — ngày thường vẫn luôn bình thản, dạn tợn trong tất cả mọi chuyện — Tuần Nhòn bèn vừa gật gù vuốt râu, vừa nhếch mép cười hóm hỉnh, khiến cho cô gái bỗng như người bị bắt quả tang đang làm điều vụng trộm, vụt đỏ lựng đôi má. Và tự nhiên bối rối cúi đầu, mỉm cười ngượng nghịu. Ngẩng người về phía sau, cười lên thành tiếng sau giọng khà khoái trá của ngum rượu lớn, Tuần Nhòn mướn hơi men, hỏi to:

— Này, nghĩa nữ! Con đã không khứng làm vợ ba lão chánh tổng râu dê, nhưng nếu ta muốn xin thầy con cho con làm vợ ba Cai Vàng⁽¹⁾ thì con nghĩ sao?

II

Hàng quân đã chỉnh tề đội ngũ. Nhưng người có tài cầm quân, chẳng cần tinh mắt lắm cũng nhận được ra ngay sự ô hợp trong sắc phục, trang bị và ngay cả

(1) Sử ca dân gian, truyền thuyết và thư tịch cũ đều thông dụng danh xưng «vợ ba Cai Vàng» để chỉ Yến Phi. Sách *Bắc Giang địa chí* còn dùng tên Hồng y liệt nữ và sách *Vợ ba Cai Vàng* thì dùng tên Lê Thị Miên(?). Còn tên Yến Phi ở đây là dùng theo tài liệu của cụ Hoa Bằng (Tập chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 94)

trong hàng đội đã được cố gắng sắp xếp. Bởi vì đây chỉ toàn là những người vừa từ khắp nơi tụ hội, và bàn tay thì mới rời cây cuốc mà nắm lấy bất cứ thứ gì có thể sát thương được kẻ thù.

Những cặp mắt mở to hướng cả về phía kỳ đài đắp vuông vức bằng đất nện trên rệ đồi. Thủ lĩnh Cai Vàng ngồi oai vệ trên chiếc ghế bành giữa kỳ đài, cùng với long vàng tán tia và đội quân hộ vệ gươm giáo tuốt trần. Nhưng bên cạnh Cai Vàng, ghé vào chiếc loa trường hướng xuống hàng quân, lại là một nữ tướng đang cất giọng kim lạnh lạnh nói lớn. Quần bó, áo chẽn, vành khăn chít gọn, hai thanh gươm dài giắt bên người — đây chính là Yến Phi.

— Nay ta vâng mệnh chủ tướng mà báo cho các anh em biết — Yến Phi đang thét to, bỗng ngưng lại, đưa mắt nhìn một lượt khắp hàng nghĩa binh rồi mới dẫn giọng nói tiếp — Quân ta sắp mở cuộc giao phong lớn với binh triều! Cho nên quân sĩ phải tinh luyện để mà đủ sức cự địch. Ở đây có nhiều người mới đến ứng mộ. Vì vậy, ai là người còn cha già, vợ đại, con thơ thì hãy mau đứng ra một bên!

Hàng quân đột nhiên rung động. Những tiếng xì xào nổi nhau truyền đi như những đợt sóng dài. Thủ lĩnh Cai Vàng cũng nhòm người trên chiếc ghế rộng, ngược nhìn Yến Phi, vẻ ngạc nhiên hiện trên nét mặt. Từ ngày lấy được cô gái tài ba ấy, Cai Vàng đã nhiều lần ngạc nhiên vì những hành động quả quyết, và nhất là vì những suy tính sắc sảo của người vợ trẻ. «Đàn bà dễ có mấy tay!» — vị thủ lĩnh nghĩa quân vừa sung sướng vừa nề vì, khi thấy Yến Phi, ngay từ khi mới về với mình, đã đứng ra lo liệu đủ các việc trong quân ngũ, rồi dần dần, quyết đoán được trước cả nhiều điều hệ trọng. «Cô Ba Yến Phi», hay gọn hơn, «Cô Ba», những

tiếng gọi ấy, từ khắp các quân hiệu, Cai Vàng đã nhiều lần được nghe biết, kèm với vẻ thán phục, kính trọng không giấu giếm của nhiều người. Đây là khi, những kẻ dưới trướng của thủ lĩnh nghĩa quân kể lại với nhau, hoặc trình với chủ tướng, những việc làm hoặc ý định của Yến Phi — từ việc lặn lội, xông xáo khắp các nơi đóng quân, hay thu xếp cất cử tuần phòng, binh lương, đến việc giảng giải về tình thế, hay tiên đoán sự điều bát của các cánh quân triều đình ở bên kia tuyến trận. Và bây giờ thì chắc hẳn Yến Phi lại đang sắp thi hành một ý định gì mới, trước đạo quân vừa tuyển mộ, và mới xin chủ tướng cho lệnh hội binh cấp tốc.

— Ai là người nặng gánh gia đình thì đứng cả sang phía bên này!

Thấy hàng đội nghĩa quân vẫn chỉ mới rục rịch, Yến Phi chỉ tay, danh giọng quát lớn vào ống loa. Thế là, bắt đầu từ mấy người gầy yếu, rồi dần dần, cả một đám đông có phần ngơ ngác đã tụ lại ở chỗ chỉ tay của Yến Phi. Thấy việc chia quân đã thành, vị nữ tướng liền cất giọng rành rẽ:

— Bây giờ thì cho những ai vương váu thân nhân trở về! Còn những người ở lại đây, phải lập tức ngày đêm rèn tập phép xung trận ngay!

Những tiếng xì xào bỗng chuyển ngay thành lời lẽ ồn ào. Một tiếng kêu thốt lên từ phía những người bị loại, kéo theo cả một loạt tiếng lao nhao:

— Chúng tôi không phải là kẻ dễ cho vợ con trôi buộc. Xin Cô Ba đừng gạt bỏ chúng tôi!

— Đừng đuổi chúng tôi!

— Chúng tôi không về!

Từ phía cánh quân được tuyển lựa, một tiếng nói lớn vọng lên:

— Anh em chúng tôi đến đây, không ai không muốn liều chết làm cuộc đổi đời. Xin Cô Ba đừng để lòng nghi ngại. Cứ thu nhận và giao việc cho tất cả chúng tôi!

Hàng quân vừa tách ra đã nhập cả lại thành một khối. Tất cả, chen chúc ồn ào trùng điệp lẫn tới gần kỷ đài, vẻ phấn khích bốc lên bừng bừng. Thủ lĩnh Cai Vàng cũng vụt đứng dậy. Và nhìn cặp mắt long lanh cùng nét mặt tươi tắn của Yến Phi — hài lòng vì dịp thử thách tinh thần quân sĩ của mình — chủ tướng nghĩa quân biết rằng trận đánh sắp tới sẽ là trận rất lớn⁽¹⁾.

Cánh quân nông dân khởi nghĩa do Yến Phi dẫn đầu đang mở đường tiến về phía thành Bắc Ninh, thủ phủ của cả trấn Kinh Bắc rộng lớn ngày xưa. Chủ tướng nghĩa quân Cai Vàng tiến theo làm thế ỷ dốc ở phía sau. Trận đánh lớn chưa từng thấy kể từ ngày dấy binh đã bùng nổ.

Các cơ đội nghĩa quân nườm nượp kéo đi như nước chảy. Nhờ tài thu phục lòng người và điều bát quân sĩ của Yến Phi, dưới ngọn cờ nghĩa của thủ lĩnh Cai Vàng bây giờ đã qui tụ được, không những chỉ một cánh quân Tuần Nhòn, mà hầu như tất cả lực lượng khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn của đất Kinh Bắc xưa. Chính là vì có trong tay cả một lực lượng hùng hậu như thế, nên Yến Phi mới bàn với chồng ra quân,

(1) Phần này và phần sau, viết theo nội dung một đoạn trong bài *Về Cai Vàng*.

nhắm thẳng vào tỉnh thành Bắc Ninh, đánh một đòn phủ đầu thật dữ dội. Cho khiếp vía bọn vua quan sâu một!

Quả nhiên, vừa nghe tin ấy, khắp hàng tướng sĩ triều đình trên đất Bắc đã xôn xao, rung động. Khắp ngã đường quan, những tên lính trạm mang hỏa bài, phóng ngựa như điên, nhốn nháo chuyển đệ các công văn hỏa tốc điều động lực lượng bố phòng. Binh mã triều đình được lệnh đồ dờn cả về trước thành Bắc Ninh.

Yến Phi còn đang trên đường tiến binh thì đã gặp phải quân địch dày đặc chặn đường. Phủ Oanh, khét tiếng là viên tuần phủ năng nổ mẫn cán, đã thân dẫn lính tráng trong hạt đón đánh ở phía trước. Binh mã triều đình dàn bày theo đúng phép trận: chánh lệnh cưỡi ngựa đốc chiến, phó lệnh ngất ngưỡng trên mình voi cao, án ngữ phía đầu hàng quân.

Trước mặt Yến Phi là cả một đạo binh mã lắm lần oai phong, sẵn sàng ăn tươi nuốt sống kẻ địch. Nhưng người nữ tướng vẫn cứ điềm nhiên tiến tới. Biết chẳng phải tay vừa, Phủ Oanh vội vã truyền cho chỗ loa hét lớn:

— Tèn giặc cái kia! Khôn hồn thì đem đám lâu la lui về. Triều đình sẽ tha cho tội khởi loạn, nếu biết trở lại cùng chồng con làm ăn lương thiện...

Một cơn giận dữ bốc lên đầu người nữ tướng. Vây quân sĩ dừng lại, Yến Phi đỏ bừng nét mặt, trợn ngược cặp mắt sáng, giương loa mở đầu cuộc đấu khẩu:

— Nghe đây! Một lũ các người cũng chẳng làm gì nổi ta đâu! Chỉ cần một mình ta cũng đủ chơi với cả đám quân tướng các người rồi! Có giỏi thì hãy giao

chiến cùng ta đây này! Bắt được ta thì đạo quân kia không đánh cũng tan. Bằng không thì lũ người sẽ phải khốn đốn gian nan với ta!⁽¹⁾.

Phủ Oanh còn đang kinh ngạc trước những lời lẽ dữ dội ấy thì viên phó lệnh đã hùng hổ thúc voi tiến lên. Quài tay rút ở bành voi ra một ngọn mác sáng loáng, phó lệnh hăm dọa:

— Giặc cái! Lui ngay!

Từ trên mình cao voi dữ, mũi mác rung rung nhắm thẳng vào người đàn bà đứng thấp nhỏ trước đầu voi. Nhưng Yến Phi vẫn không lùi một bước. Nữ tướng nông dân choãi lấy thế rồi quát to thách thức:

— Ném đi!

Ngọn mác lập tức bay vút, vạch một vệt sáng như chớp trước những tiếng kêu thẳng thốt bật ra từ cả hai bên tuyến trận. Nhưng liền đó, những tiếng reo ngạc nhiên và mừng rỡ đã bật lên: Yến Phi vừa ung dung vung tay bắt gọn ngọn mác của phó lệnh.

— Coi đây!

Viên tướng triều đình, sau một thoáng choáng người, đã giận dữ rút ngay ngọn mác thứ hai, nhòm người trên bành voi, nhắm thẳng vào Yến Phi, phóng tiếp. Những tiếng reo hò lại dậy lên: nữ tướng nông dân lại bắt được thứ vũ khí giết người lợi hại của kẻ thù.

Lồng lộn như hóa dại, phó lệnh vừa hò hét, vừa liên tiếp phóng đi bảy ngọn mác. Nhưng, tài tình, dũng mãnh như tướng nhà trời, bảy lần Yến Phi cũng đảo người, vung tay chop gọn được cả bảy ngọn mác của phó lệnh! Tiếng reo hò nổi lên rầm trời dậy đất. Phủ Oanh, chánh

(1) Câu nói này của Yến Phi được bài *Về Cai Vàng* ghi giữ và lưu truyền.

lệnh và cả đạo quân triều đình há hốc mồm kinh ngạc, trong khi phó lệnh tái mét nét mặt, tháo mồ hôi trộm đầy người.

Chính lúc ấy, Yến Phi quay loa về phía quân mình. Giọng loa kêu hãnh của người nữ tướng nghe như tiếng reo mừng thắng trận:

— Đánh đi, anh em!

Nghĩa quân lập tức tràn lên, hò hét inh ỏi. Một phát súng tay nhắm vào viên phó lệnh đang lúng túng trên bành voi. Kêu lên một tiếng đau đớn, phó lệnh ôm cánh tay đầm đìa máu đỏ, thúc voi quay đầu tháo chạy.

Thế trận đột nhiên chuyển đổi. Chánh lệnh vội vã phòng ngựa cuống cuống chạy theo phó lệnh. Phủ Oanh ôm đầu lần ngay vào đám loạn quân. Cả đạo binh mã triều đình rùng rùng tan vỡ như đàn ong bị phá tổ.

★
★★

Chủ tướng Cai Vàng đưa đại binh lên phía trước, hội sư cùng đạo quân vừa đại thắng trong trận đầu giao chiến của Yến Phi. Từ sau lần đánh bại đạo quân Phủ Oanh, oai danh nữ tướng Vợ Ba Cai Vàng vang dậy khắp trong miền. Và thanh thế nghĩa quân cũng nổi cao như sóng cồn. Nhân đà ấy, Cai Vàng quyết định hạ thành Bắc Ninh. Trước khi mở cuộc tấn công, Cai Vàng xuống lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi ba ngày. Và phái Yến Phi đi đốc thúc việc chuyển vận lương thảo khí giới cho nghĩa quân sử dụng vào dịp đánh thành.

Tin tức cấp báo từ Bắc Ninh bay về Hà Nội. Trước tình thế nguy khốn của tòa tỉnh thành, bổ chính⁽¹⁾

(1) Một trong ba chức quan đứng đầu một tỉnh thời Nguyễn.

Nguyễn Khắc Thuật được lệnh kéo gấp ngay ba nghìn quân triều đình từ Hà Nội di cứu viện. Quan tỉnh Sơn Tây cũng được lệnh đưa ngay quân Cam Đường⁽¹⁾ và lính thiện xạ đi tiếp ứng.

Các đạo binh mã triều đình cấp tốc dồn đến Bắc Ninh, giữa lúc nghĩa quân Cai Vàng còn đang tản mác, nghỉ ngơi trong các thôn xóm. Khi chủ tướng Cai Vàng nghe tin quân triều kéo đến, thì dưới trướng lệnh, chỉ có một toán quân hộ vệ. Truyền lệnh hội binh cấp tốc cũng chỉ thu thập thêm được vài trăm người, Cai Vàng không có cách nào khác, ngoài việc đem hết lực lượng ra cự địch.

Trận kịch chiến không cân sức giữa nghĩa quân Cai Vàng và binh mã triều đình do Nguyễn Khắc Thuật chỉ huy kéo dài hai ngày đêm ròng rã⁽²⁾. Cậy số đông áp đảo và lợi thế bất ngờ, Nguyễn Khắc Thuật thúc binh triều tiến đánh nghĩa quân như mưa như gió. Cai Vàng đã đem hết sức mình cùng với đám nghĩa quân dưới cờ kháng cự quyết liệt, nhưng cuối cùng vẫn bị dồn ép và rơi vào mạng lưới bao vây chặt chẽ của binh mã triều đình.

Rạng sáng ngày thứ ba, tình thế trở nên hết sức nguy ngập. Từ cả về trên một khu gò cao, thủ lĩnh nghĩa quân, về mặt căng thẳng, đưa mắt nhìn khắp lượt những nghĩa binh trung thành của mình. Tất cả đều lăm lăm vũ khí, quây tròn chung quanh Cai Vàng, sẵn sàng đem cái chết của mình để bảo vệ chủ tướng. Chính Cai Vàng cũng nắm chặt thanh gươm vẫn còn

(1) Lĩnh thiện chiến Cam Đường: nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây.

(2) Theo bài *Về Cai Vàng* thì đó là ngày 29 và 30 (không rõ tháng).

đắm máu kẻ địch của mình, chờ đến lúc cùng đường thì tự vẫn chứ không chịu để triều đình bắt sống...

Đang lúc nghiêm trọng ấy thì từ phía ngoài hàng trận bao vây của quân đội triều đình, bất chợt rộ lên những tràng súng tay nổ ròn như bắp rang. Tiếng hò reo xung trận như những đợt sóng lưng dội tới mỗi lúc một gần. Vòng vây của binh triều bỗng nhiên nháo nhác rung động. Một chớp hy vọng chợt lóe sáng, Cai Vàng phải ngay một nghĩa quân trèo nhanh lên đỉnh gò xem xét tình hình. Thì cũng vừa lúc, từ ngoài vọng tới rõ ràng một giọng loa lanh lảnh quen thuộc:

— Đánh đi, anh em!

Cả đạo nghĩa quân bị bao vây hần như reo lên cùng một lúc với tiếng kêu cổ gắng kìm lại trong cổ họng của chủ tướng:

— Cô Ba Yến Phi!

— Cô Ba đã tới!

Quả nhiên, Yến Phi đã tới kịp. Vừa chuyển về xong một chuyến quân lương lớn, hay tin binh triều bất ngờ kéo tới tăng viện đã bao vây được Cai Vàng, Yến Phi lập tức thay chõng tập hợp lại toàn bộ nghĩa quân còn rải rác ở ngoài vòng vây, rồi mở ngay cuộc tấn công. Cùng với giọng loa thét gọi khẩu lệnh tiến đánh, Yến Phi lao mình phóng thẳng vào hàng ngũ quân triều, dẫn đầu cả đạo binh cứu viện. Chiếc túi da trước ngực người nữ tướng phồng căng những lưỡi dao lá liễu nhọn hoắt. Liên tiếp thò tay vào bọc rồi vung tay nhanh như chớp, Yến Phi cùng với những lưỡi dao lợi hại phóng đi, đã phát đổ cả một vạt binh mã triều đình. Những nghĩa quân theo sát người nữ tướng mở rộng thêm đường tiến. Như một mũi dùi khổng lồ xuyên vào vòng vây dày đặc của bố chính Hà Nội, đạo nghĩa

binh của Yến Phi cuối cùng đã phá vỡ trận tuyến quân triều, cùng lúc với cánh quân của Cai Vàng từ phía trong cũng dốc toàn lực đánh thốc ra đón.

Ba giờ đồng hồ kịch chiến trôi qua⁽¹⁾. Hàng trận Nguyễn triều từ chỗ rối loạn đã chuyển nhanh thành tan vỡ. Tàn quân Nguyễn Khắc Thuật chạy rạt cả vào trong thành Bắc Ninh, cùng với binh lực phòng ngự ở đây đóng chặt cổng thành cố thủ.

Bên ngoài cổng thành, hai đạo nghĩa quân hân hoan vỗ vập hội binh. Cai Vàng ứa nước mắt nắm lấy tay Yến Phi, trong khi người nữ tướng vừa gạt nhanh những giọt mồ hôi chiến trận long lanh trên khuôn mặt đỏ bừng kích động, vừa thét loa gọi tiếp tục dàn trận.

Lệnh bao vây thành Bắc Ninh được ban bố ngay lúc ấy.

III

Những tin tức quần chúng nổi dậy ở Bắc Ninh và các nơi khác nối nhau bay về kinh thành Huế như bướm bướm. Trong Nam ngoài Bắc, các thế lực nông dân nổi dậy chống triều đình càng mạnh, thì giữa triều đình,

(1) «Đánh nhau đã ba giờ ròng
Súng nổ đi đùng như thê pháo ran»
(Về Cai Vàng)

những ý kiến xung đột, trách cứ càng rối loạn. Công văn, sổ biểu chồng chất như núi trên án thư của vua Tự Đức trong Cẩm thành. Sử quan ở Quốc sử quán đã được lệnh ghi ngay lại thánh ý của hoàng thượng bệ hạ để làm sáng rõ mối bận tâm của nhà vua vào lúc này:

«Mấy năm nay, trăm đã lo nghĩ thành ốm, mà công việc quân cơ đưa đến ngày một nhiều, ngoài ra còn giấy tờ lặt vặt cũng không ít. Trăm thure không dám tiếc sức, ngày đêm xem xét phát đi, nhưng vẫn không khỏi đọng lại hàng đống...»⁽¹⁾

Lời hoàng đế đã được chép nguyên vào sử, nhưng hôm nay, vua Tự Đức lại vẫn cứ phải tiếp tục vùi đầu vào đống giấy tờ đó. Cầm một bản sổ lên tay, thấy cung kính đề tên người dâng sổ là Lại khoa Chương ấn Đặng Xuân Bảng, vua Tự Đức tươi nét mặt, nghiêng đầu chú ý đọc:

«Nhà nước dùng quân đã sáu năm nay, quân thứ ở mạn Nam mạn Bắc mỗi nơi có đến vài vạn người, mà bốn tướng tá quân lính có tiếng là người dũng lược, sao lại vắng vắng thế? Há trong vài vạn người mà không có lấy một ai hay sao?»⁽²⁾

Tự Đức buông tờ sổ xuống án, ngao ngán thở dài. Tình thế quả có như vậy. Nhưng những lời tâu xin bàn bạc để giúp hoàng thượng chấn chỉnh tình thế thì sao vẫn chẳng tìm thấy đâu! Bỗng nhiên, một cơn giận dữ ập đến. Tự Đức cúi kính dầm bút vào nghiên, viết nhanh lời chiếu để tới buổi thiết triều này sẽ tuyên đọc ngay cho các quan:

(1) Nguyên văn trong sách *Đại Nam thực lục*, chính biên, quyển 27.

(2) *Đại Nam thực lục*, chính biên, quyển 29.

«Trăm ít đưc, gặp buổi nhiều khó khăn, sự thế còn khó duy trì, chứ còn mong chấn chỉnh được ư? Các đại thần⁽¹⁾ nếu có kế sách gì, hãy thực lòng bảo trăm. Phải cốt lấy thực tâm mà làm, nếu chỉ bàn nhiều, nói suông thì phỏng có ích gì?»⁽¹⁾

Đặt bút lên giá, một mỗi nhấp một ngụm sâm, Tự Đức tiếp tục đưa mắt lướt qua một lượt các giấy tờ còn đặt trên án. Đôi mắt hoàng đế bỗng mở to. Một tờ sở có nội dung khá kỳ lạ: tâu xin nhà vua phân xử cho một trường hợp tranh giành công cán, đã mở sẵn. Đây là việc viên cai đội ở Hà Nội, tên gọi Đội Hến, ngày mới rồi, được lệnh điều «ông Ấm cửa Đông» — khẩu thần công đặt ở cửa Đông thành Hà Nội — sang Bắc Ninh dự trận cứu thành bị vây. Vừa đến hạt Từ Sơn⁽²⁾, Đội Hến trèo lên một ngọn đồi cao, quan sát thấy ở tít xa có một đám người ngựa đông nghịt, lại thấp thoáng ẩn hiện cả bóng long vàng, tán tía của nghi vệ thiên tử. Chuyền vận ngay khẩu thần công lên ngọn đồi, Đội Hến ra lệnh nhắm vào đám đông nãy mấy phát đạn thị uy. Sau đấy thì đồn quân nghỉ lại. Không ngờ, bỗng nhiên thấy các cánh quân của Cai Vàng đang bao vây thành Bắc Ninh tự-lui tan! Mãi mới nghe đồn trong dân gian: chủ tướng Cai Vàng trúng đạn, tử thương. Hai tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh bèn lập tức nhận phần công lao về cho mình⁽³⁾ không sao có thể phân xử được nữa...

Đọc xong tờ sở, Tự Đức ngả người vào thành long kỷ, cười không thành tiếng một hồi lâu. Thật cũng lấy làm kỳ cho cái đám tỉnh thần này! Việc chính yếu là

(1) *Đại Nam thực lục*, chính biên, quyển 29.

(2) Thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc ngày nay.

(3) Theo tài liệu của cụ Doãn Kế Thiện trong sách *Hà Nội cũ*.

mỗi lo canh cánh của hoàng đế về nạn « giặc » Cai Vàng thế là đã được cất đi, thì chúng không tâu bày kỹ lưỡng, lại chỉ cứ nhằm vào việc công cán với tể tướng! Vẫn không tắt tiếng cười thầm, Tự Đức vui vẻ đàm bút, ghi thánh ý của hoàng thượng để các quan bộ Lễ y theo mà xử trí, thì hành: hãy tể tướng phong cho « ông Âm của Đông », từ nay sắc phong cho « ông » làm Thần vũ tướng quân; ban cờ, biển và quân hầu cùng thuốc men sẵn sóc thật chu đáo⁽¹⁾...

Buồng bút, vẫn với tâm trạng vui thầm như thế, Tự Đức lại xem xét tiếp các công văn giấy tờ. Nhưng, bỗng nhiên, hoàng đế trợn ngược cặp mắt hấp háy. Và vụt hiểu ngay vì sao triều đình không tâu bày về việc nạn « giặc » Cai Vàng đã dứt. Bởi vì trước mắt Tự Đức, lại thêm ngay tờ sớ trình về vụ nghĩa quân Cai Vàng đã tụ hội trở lại, dữ dội hơn trước, do chính nữ tướng Vợ Ba Cai Vàng cầm đầu. Nghĩa quân đã vừa tấn công, giết hại quân triều không biết bao nhiêu mà kẻ ở Núi Sơn, tỉnh Hải Dương. Và nguy kịch nhất là việc quan phó đề đốc Vũ Tảo⁽²⁾, người huyện Hương Thủy thuộc ngay đất kinh thành, trong trận ấy đã sa vào tay « giặc »!

Chính Yến Phi là người đã lập nên công tích ấy.

Người nữ tướng trẻ tuổi đã vấp phải những khó khăn rất lớn khi chồng mình ngã xuống. Viên đạn của Đội

(1) Chuyện thật ở đời Nguyễn: Khi súng thần công bắn không nổ, phải cúng lễ và sắc thuốc đổ vào miệng súng!

(2) Giữ chức lãnh binh năm 1863, được triều đình nhà Nguyễn truy tặng chức thống chế năm 1864 (theo *Đại nam thực lục*.)

Hến nã trúng Cai Vàng giữa lúc chủ tướng nghĩa quân đang điều bát quân sĩ bao vây thành Bắc Ninh, là viên đạn vô tình. Nhưng, không biết từ bao giờ, trong quân ngoài dân đã lưu truyền, đồn đại câu chuyện về người chủ tướng nghĩa quân có một viên ngọc kỳ đạn rất lợi hại, luôn đeo ở trong người. Chính vì vậy mà bao phen vào sinh ra tử, vẫn không mũi tên hòn đạn nào phạm tới được Cai Vàng. Thế mà lần này, quả đạn vu vơ của Đội Hến lại đã sát hại được người anh hùng! Có kẻ đã lập tức phao lên: quân triều đình dùng vàng làm đạn để bắn Cai Vàng. Ngọc kỳ đạn vì thế mà mất thiêng! ⁽¹⁾

Thấy tinh thần nghĩa quân có phần hoang mang xao xuyến, Yến Phi đêm ngày lo nghĩ bồn chồn. Gánh nặng của sự nghiệp cứu dân làm cuộc đời, giờ đây trút cả lên vai người nữ tướng trẻ tuổi. Nhưng — cũng như đã bao lần — người nữ tướng ấy không hề chùn bước. Đưa xác Cai Vàng về quê hương Văn Sơn⁽²⁾ làm lễ an táng xong, Yến Phi lập tức hạ lệnh tụ hội quân sĩ.

Những người nông dân nghèo khổ từ khắp nơi tìm về với cuộc dấy nghĩa, không còn đường nào khác ngoài đường đánh lại bọn vua quan sâu mọt, thấy Cô Ba Yến Phi lại xuất hiện trên kỳ đài, oai phong như tướng nhà trời, thì lập tức vững dạ, yên tâm trở lại. Giọng loa gọi quân của Yến Phi vẫn đánh thép như ngày nào. Nhưng kèm đấy là nỗi đau sâu sắc của người vợ mất chồng, khiến cho tiếng loa càng thêm sức mạnh khích lệ lòng người. Tiếng loa ấy của người nữ chủ tướng mới, đòi

(1) Theo *Về Cai Vàng* và *Cai Vàng tán truyện*.

(2) Thuộc huyện Lục Ngạn, tỉnh Hà Bắc ngày nay.

nghĩa quân phải cùng mình ra trận, bắt cho kỳ được một tướng triều đình về làm lễ tế cờ rửa hận cho chủ tướng Cai Vàng!

Nghĩa quân đã xông vào trận Nãi Sơn, dữ dội chưa từng thấy, theo hiệu lệnh giọng loa của người nữ tướng đang yêu cầu trả nợ máu. Xung sát từ chập tối cho đến nửa đêm thì phó đề đốc Vũ Tảo cùng cả đạo quân triều đình đóng ở Nãi Sơn đã không một người chạy thoát. Và cuộc tế cờ kéo dài ba ngày ba đêm đã kết thúc bằng việc đốt cây đuốc sống Vũ Tảo tham bạo⁽¹⁾.

Tất cả những người dự cuộc tế cờ ấy đều hiểu rằng, ngọn lửa tầm dầu đốt cây thịt của tướng triều đình bốc cao trong tiếng trống chiêng nghiêm trang, đã làm thỏa vong linh của người chủ tướng cũ và làm vui lòng người nữ chủ tướng mới mà từ nay, họ sẽ dốc sức chiến đấu dưới cờ⁽²⁾.

VĂN LANG

(1) Sử nhà Nguyễn, sách Đại Nam chính biên liệt truyện (nhĩ tập, quyển 41) chép việc này đã xuyên tạc rằng Vũ Tảo bị bắt, không chịu để « giặc » khuất phục, bèn tự tử.

(2) Yến Phi, sau khi Cai Vàng tử trận năm 1863, còn tiếp tục lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân ở Hà Bắc và Hải Hưng cho đến năm 1864. Sau đấy, bà cải trang làm sư tu ở chùa Giận, dạy nghề võ cho các học trò cho đến năm 72 tuổi mới mất.

MỤC LỤC

		Trang
1 — PHÙNG HÙNG	Văn Lang	5
2 — LÊ HOÀN	Nguyễn Anh	30
3 — Y LAN	Nguyễn Anh	74
4 — TÔ HIỂN THÀNH	Nguyễn Anh	56
5 — LÊ VĂN HƯU	Nguyễn Anh	90
6 — NGUYỄN CHÍCH	Văn Lang	120
7 — YẾN PHI	Văn Lang	151

★
★★